

SÁNG TẠO

GIAI PHẨM MÙA XUÂN KỶ HỢI

doanquocsy * duythanh
duongngghman * hoang
baoviet * hoanganhluan
luho * landinh * mai
thao * maitrungtin
nguyensa * nguyensyle
phannguyenru * quang
ninh * thanhantuyen
tranthanhhiệp * thai
bach * thachchuong
thaituan * trandatu
thaotruong * vuongtan

1959

MỤC LỤC

	Trang
GỬI BẠN ĐỌC	1
THANH TÂM TUYỀN	2
LỮ HỒ	11
NGUYỄN SỸ TẾ	17
TRẦN THANH HIỆP	24
DOÃN QUỐC SỸ	30
HOÀNG ANH TUẤN	39
THÁI TUẤN	42
QUANG NINH	
	KHÁI NIỆM VỀ CHỦ NGHĨA
	HIỆN SINH 43
LAN ĐÌNH	THƯƠNG NHAU THÌ VỀ 49
HOÀNG BẢO VIỆT	TÌNH YÊU, TÌNH BẠN, MÙA XUÂN. 59
NGUYỄN SA	ĐẰNG SAU 66
MAI TRUNG TĨNH	NHỮNG HẠT BA DẰNG CỦA NIÊM . 71
TRẦN DẠ TỪ	BÀI KỶ NIỆM 80
VƯƠNG TÂN	30 THÁNG CHẠP — NGÀY ĐẦU NĂM
	ĐI TRỐN 84
THÁI BẠCH	LÀN SÀI GOÔNG 87
THAO TRƯỜNG	XÁC CHẾT 92
VƯƠNG TÂN	MÙA XUÂN CĂN GÁC ĐẦY NGƯỜI . 97
PHẠM NGUYỄN VŨ	THƠ CHO HELENA OKAVITCH . . 103
THẠCH CHƯƠNG	ĐỐI THOẠI 105
DƯƠNG NGHIÊM MẬU	RƯỢU, CHƯA ĐỦ 109
NGUYỄN SA	TƯƠNG TƯ — MỜI 119
DUY THANH	XUÂN — MỘT MÌNH — GIẢN ĐƠN . 121
MAI THẢO	NHỮNG NGÀY THÁNG MỚI . . . 122



CHỦ TRƯỞNG BIÊN TẬP :
MAI THẢO

Tòa soạn và trị sự : 133B Ký Con — Saigon

Tháng 1 - 2 năm 1959

28 - 29

GỬI BẠN ĐỌC

Nhân dịp Nguyên Đán, tạp chí văn nghệ Sáng Tạo trân trọng gửi tới bạn hữu thân mến toàn quốc lời chúc mừng một năm mới tốt đẹp.

Sáng Tạo cũng muốn nhân dịp này bày tỏ với bạn đọc — mà thái độ tin tưởng đã tạo cho tạp chí một lực lượng tinh thần lớn lao,

với các tác giả ở thủ đô và khắp nơi — mà sự hợp tác quý giá khiến cho tạp chí càng ngày càng có một hình thức đẹp đẽ và một nội dung giá trị,

lời cảm tạ chân thành của tòa soạn và những người chủ trương tạp chí.

Thái độ tin tưởng, sự hợp tác quý giá của các bạn với những cố gắng của chúng tôi là bấy nhiêu yếu tố khiến cho cơ quan muốn được là dất đứng, tiếng nói của lớp người mới và của một nền văn nghệ mới này có quyền nhìn thấy sự trưởng thành và tương lai tốt đẹp của nó trong tương lai và trưởng thành của văn nghệ Việt Nam.

SÁNG TẠO

ĐÊM

THANH TÂM TUYỀN

1— Tụng Duy Thanh

Những đêm nào chiến tranh đã quên
Con mắt đen niêm im lặng
Anh vẫn đi hoài trong thành phố
Cô đơn
Trưa nắng cháy
Vào sâu trong ghế lạnh
Vội máu trong tim
Chảy nhanh như máy móc đau ốm
Ở cuối đêm
Em rũ tóc nói những lời mê sảng
Những ám hiệu
Của mặt biển đen không
Tình yêu tuyệt vọng

Anh xé tóc em cùng những cánh lá chết
Mùa thu
Ghi thương tích nơi cườm tay
Khóa chặt
Anh xô ngã em từ chóp đỉnh hạnh phúc
Khuôn mặt vỡ tan
Nưc cầm thạch
Nưc nước mắt
Nưc muôn đời
Không hối hận
Con đường anh phải đi một mình
Trần trường đã thừa
Đón anh ở cuối đường
Hố sâu vĩnh viễn
Không có em

Bên kia bức tường
 Anh bị nhốt trong trại hủi
 Tiếng ngàn năm em gọi
 Yêu nhau hết một đời
 Hết một đời chưa đủ
 Còn kiếp nào gặp nhau
 Anh nguyện rửa
 Lời thề du dương
 Đứng ràng buộc thiên tài
 Con chó vào cột nhà
 Cho đi hoang làm cơn lốc bi thảm
 Cuốn ngay chính mình chết theo không gian

2

Đêm tuôn giòng máu chảy
 Mạch mở ngõ hết rồi
 Kẻ kia cười mọi rợ kẻ kia cười
 Tương lai đây chum nho
 Như trò chơi
 Nó nói
 Tự trói hai tay lại
 Hạnh phúc sẽ đi tới
 Mặt mũi dùng làm gì ?
 Mọi người là đồng đội
 Trí não dùng làm gì ?
 Chân lý không lừa dối
 Thiên tài dùng làm gì ?
 Đề gây ra tội lỗi

Anh gọi em, suốt hai bên thế giới
 Mùa thu đâu rồi ? Sao bây giờ mùa xuân
 Anh đòi em đòi em hôm nay
 Không cần tương lai vo trong tay như hòn đất
 Không cần cuộc đời bằng hào quang vệ tinh
 Anh ráp lại những mảnh ngọc đờn đau
 Khuôn mặt em không nhìn thấy

Trên môi anh những cánh sắc ghim vào
Trong hôn anh hăm hố bắt đầu đào

Kẻ kia cười mọi rợ kẻ kia cười
Thiên tài không tình yêu giống như con lợn lòi

3

Đêm hiền từ nhỏ to trên trán
Màu đen sáng đủ ngó vào nụ cười
Có đấy không này em mưa chan hòa
Trên ngực trên ngực em bát ngát
Một lần không gian xáo hết cả nhiệt tình
Đây rất đây hai trũng tay
Người ta bảo đêm tháng giêng cỏ cây hiện thành người
Anh bảo em chúng ta hãy là
Những cây leo yếu đuối
Những cỏ non dại dột
Mùa xuân đỏ em trong quần quít chờ đợi

Da trắng như tiếng hát ở trên trời
Anh cùi hôn cánh môi tím màu đêm mà thương nhớ
Từng chút một từng chút một
Em biến thành pho tượng rực rỡ
Anh biến thành thiên tài ngày thơ

Trong đầu là hư vô
Trong mắt là hoang đảo
Trên môi là thần chú
Trên tay là trống không
Cả đời là sa mạc
Cả tôi là tự do

4

Những giấc ngủ xiềng xích
Cuộc lưu đày thêm xa
Tôi trốn về lần lút

Đất đai không tìm ra
Đâu cũng toàn quỷ xứ
Riêu cợt tôi ngày ngò

Cớ sao nhà người khóc
Muốn làm người là điên
Con người thì cô độc
Không phép thuật nhiệm màu

Tôi khóc mặc tôi khóc
Bầy quỷ nhầy xung quanh
Tôi khóc hoài tôi khóc
Và chúng nó phát điên

Chúng tước lấy tiếng nói
Giám tôi trong bóng tối
Tôi khóc không ra lời
Và tôi đi lang thang

Tôi đi tìm tiếng nói
Cho cổ họng của tôi
Tôi vẫn khóc vẫn khóc
Hết linh hồn mới thôi

Tôi đi tìm tiếng nói
Cho ra tới ban ngày
Người ta nín lại hỏi
Cớ sao chịu đọa đày?
Cớ sao mà không nói?
Nhìn người như khùng điên
Thằng khùng điên khó hiểu
Đuối ra khỏi cõi đời
Tôi nhìn người tuyệt vọng
Tôi nhìn người khần cầu
Linh hồn tôi rách nát
Lời nói còn ở đâu?

Cũng như loài quỷ xứ
Người dầy vào lãng quên
Tôi khóc người không thấy
Suốt đời làm thằng điên.

Tôi khóc nào ai thấy
Thằng điên vẫn đi tìm
Đất đai và tiếng nói
Bởi đêm dài lạnh căm

5

Đêm nay anh không ngủ, anh cô đơn, anh bị chiếm đoạt
Còn gì chỉ là kỷ niệm, kỷ niệm ở ngày mai một lời nói thoáng
Anh ôm ghi sự bất lực đói khát, mũi dao nhọn giữa lòng tin
Thân thể này không của anh cũng không của em

Đó là nỗi giận dữ chẳng muốn nguôi, nỗi giận giữ của con bò
rừng

Người ta quơ trước mắt tấm nhung đỏ và sửa soạn đâm trên
lưng

Con bò rừng lồng lộn rồi quy xuống (tiếng vỗ tay ào ào) nhưng
khăng khăng không chảy nước mắt

Có phải là ngu muội?

Anh thề với em rằng

Anh không bao giờ biết chảy nước mắt

Dù bao nhiêu đêm nay anh vẫn thăm bảo : đêm là gì?

Nếu không là những giòng lệ

Những giòng lệ không một mâu không đau xót

Người đàn ông khóc vì phải khóc

Như anh phải ôm em mà túi cực vô ngần

Cuộc đời cứ mở tròn những con mắt thần nhiên nhìn tội lỗi

Còn anh chụp lấy tội lỗi bỏ vào miệng nuốt

Cho mọi người ghê tởm. Cho em xa lánh anh

6 - Tặng Mai Thảo

Vừa có một ngôi sao băng ngoài trời

Ngôi sao lạnh lẽo một giọt lệ đơn côi

Em nhìn rõ trong mắt anh
 khuya khoắt
 Như một đường xa lánh bờ sông
 Phải anh thường làm thơ
 Bằng dẫu điệu khổ sở
 Mười đầu ngón tay rưng rưng mỗi sáu lúc nửa đêm
 Ngón tay anh đẹp như ngòi bút
 Những rễ cây những mộng mị bằng hoàng
 Hai giờ đêm trong tiệm rượu
 Em còn nhìn anh
 Giây phút chết khoảng cách gần hai người

Cuộc đối thoại âm thầm
 Khúc thời ca nào nung
 Chiếc máy hát cũ đầu kim mòn
 Thời gian cháy tàn những đầu thuốc lá
 Đứng trối anh vào trần gian bằng mắt em nhìn kia
 Đứng ngồi trước mặt anh Minh Châu
 Khuôn mặt anh xấu xí anh thù em
Let me go Let me go Let me go Lover
 Dù em là Minh Châu
 Dù em là Phương Thảo
 là Liên là Liên là Liên còn trong Hà Nội
 đã mất
 Tiếng cười tan thành khói trên những búp tóc rối
Let me go Let me go Let me go Lover
 Quên anh đi về căn phòng của em đóng chặt cửa sổ
 Căn phòng nhốt ý nghĩ một nhọc trời gần sáng
 Anh muốn được một mình
 Đứt đoạn
 Ôm những quây hàng bàn ghế như nhau
 Nghe thấy không nghe thấy không
Let me go Let me go Let me go Lover

Sao em lại bật lên tiếng khóc
 Minh Châu Minh Châu Phương Thảo Phương Thảo

· Liền Liền ơi !

7

Những bài thơ tình không viết được
 Những hồn ma hoang đầu ngọn cây
 Xác chết rữa nát
 Trong kẹt rừng khô
 Đêm thức dậy mở mắt mắt đã mù
 Hai con sâu nằm trên chân mày đang khoét lỗ
 Con quạ hôi hám mở lồng ngực bay lên
 Mỏ ngậm quả tim dựng hình ảnh đời người
 Đời người thân nhiên như tên gọi

8

Hơi thở của người đàn bà ngoại tình
 Mà màu da trắng nõn man trá
 Đường môi cong chẳng một niềm hối hận
 Vội vàng như sóng say
 Nắm lưới lửa cháy tan lời ân ái
 Khi chọn đường tội lỗi
 Nên lặng thinh
 Mặc cho ác mộng
 Đồng lõa với bóng đêm
 Suốt đời trôi nổi trên nước nổi luyến tiếc
 Mặt biển ngu dân mặt biển ngu dân
 Không giông bão
 Cho chạy trốn mùa xuân
 Mùa xuân làm gì trên mặt biển không
 Trên trời không
 Con gió lớn chìm tôi xuống đáy thủy cung
 Và tôi nhìn màu ngọc bích
 Màu ngọc bích thơm hương hoàng lan
 Hoàng lan mềm như ngón tay trong suốt
 Thời con gái ủ dười mái tóc rêu
 Và tôi không còn nhớ thương

Không còn tỉnh dậy
 Không còn là con rắn điều ngoa
 Tôi là cây san hô dơ những cành hối lỗi
 Và nước biển mặn nồng hơn nước mắt
 Và không ai trừng phạt

9 - Tổng Trần Thanh Hiệp

Một giọng trầm đêm
 Niềm cô độc sâu
 Nét nhạc xanh cung thương đen
 Mi mắt chiu mùa đông cũ
 Cái chết bốc hơi
 Tiếng kèn rách vô hình đáng
 Người con gái áo đen xoa tóc ngắt
 Hai cánh tay dài quấn quai hai con trăn hiền lành
 Không khí nhiễm độc
 Đập vỡ
 Cái quá khứ hỗn xược trên da trống
 Ném mảnh chai lên mặt trời mù
 Nói thầm nói thầm
 Mưa rét mướt
 Thời gian dần trừ khử
 Giọng như hơi cháy dưới sinh lầy
 Nhất búa hoảng hốt
 Tương lai thét đờn đau
 Lửa ma chơi vụt tắt
 Tiếng cười dữ tợn
 Người con gái áo đen
 Thở máu
 Cái chết bốc hơi chóng mặt
 Nón xuống chân giận hờn đá sỏi
 Đập vỡ đập vỡ đập vỡ đập vỡ
 Niềm cô độc sâu
 Giọng trầm đêm hút

10

Có ai gọi tên tôi giữa phố, phố vắng và cái tên âm lên sự thù hận. Tôi đứng lại trả lời: Đề cho tôi yên với hết cả đêm nay đang ngấm vào máu tôi. Không phải em gọi đâu, anh biết, em chẳng cần rõ tên anh mới yêu anh, với em anh chỉ gồm chân tay một mũi hơi thở và nỗi cô độc em bằng lòng ôm ấp. Anh thân phục, anh yêu em khi em che chở vuốt ve nỗi cô độc ấy, em muốn nó sáng rực như mặt trời đốt bỏng em, tận cùng tâm khảm em lùi thui nhớ thương những điều không có được.

Có ai gọi tên tôi giữa phố, phố hoảng sợ cái tên lẫn như một xác chết nhập hồn. Tôi đứng lại níu giữ lấy đêm tối la: Đề cho tôi yên, đỡ khốn kiếp, tôi không phải là một cái tên, tôi là một người không bao giờ biết giết người. Anh không phải là một cái tên, sao người ta cứ theo gọi như hú kêu loài ma quỷ? Mỗi lần muốn gặp anh em chỉ việc chọc dao thẳng vào tim, máu sẽ chảy và anh tôi theo con đường máu tinh khiết ấy. Anh sẽ uống những giọt máu thơm tho của tình yêu làm anh bất tử. Em mỉm cười héo hon, anh càng lúc càng khốc liệt, em bằng lòng để máu chảy hết và yêu anh kỹ khôi.

Có ai gọi tên tôi giữa phố, ngay sau lưng phố cụt cái tên mọc hai cánh tay chơi với. Tôi đứng lại rút khí giới, con dao của em, hét: Đề cho tôi yên, quân vô lại, tôi sẽ không làm thơ nữa, tôi sẽ trừng phạt mày. Tình yêu anh đã giết em, trời ơi, anh hiểu anh hiểu thấu mấy nghìn năm cái ngông cuồng rồ dại của anh, chàng Orphée từ bỏ trần gian đòi qua có bao nhiêu miền địa ngục. Nhưng anh thì không bao giờ gặp em nữa, không bao giờ, vì anh đã ăn thịt em hơn cả loài cầm thú dã man.

Sao không ai gọi tên tôi nữa? Tôi đứng im đây, vực sâu trước mắt, cái tên sau lưng. Sao không ai gọi tên tôi nữa? Tôi quay lại, con dao trong tay, cái tên chết điếng. Sao không ai gọi tên tôi nữa? Kia đỡ khốn kiếp, quân vô lại, tôi cầm dao đâm mày đây. Không một lời cầu cứu? Đỡ khốn kiếp. . .

Hóa ra tôi đâm tôi chết tốt. Cũng xong.

Janvier 59.

THANH TÂM TUYỀN

HOA MUỘN

LỮ HỒ

BẢN, Ngọc, Đệ cùng nhìn ra đường Quan-thánh. Chuyến tàu điện lạch cạch bò từ Thụy-khê lên mang theo những mẫu người thực cũ. Lão xăm với hai sợi râu chảy dài xuống mép nhắm mắt nắn nót ngón tay gầy guộc trên chiếc gong nhị khô khan. Tiếng đàn âm ục hòa theo giọng hát khàn khàn của cụ vợ xum xụp trong chiếc khăn mỏ quạ đen nâu rách nát. Cái âm thanh rề rề kéo đều theo nhịp tiếng bánh tàu nghiêng trên đường sắt tạo cho không khí cái ẩm ục của một sáng mùa đông giá lạnh. Trời vẫn chưa có một chút mặt trời.

— Thế nào xuống cả chứ ?

Ngọc lên tiếng trong khi BẢN, Đệ còn ngáp ngáp, ngáp dài. Họ là ba sinh viên miền Trung ra trọ học tại Hà Nội suốt mấy năm đánh nhau. Ngọc theo khoa học, BẢN học văn khoa, Đệ học thuốc. Cái phòng nhỏ trên biệt thự tọa lạc sát bờ Trúc-bạch, nhìn qua cửa sổ thấy Cỏ ngư, là nơi chứa đựng ba con người lạc lõng. Ngọc có cái thích ngồi xồm trên bờ lẽ vào khoảng ba bốn giờ sáng để húp xum xụp bát miến gà kèm theo cái chân lợn lầy lưa. Chẳng thường bảo không có miến gà một tô hai tit là hết hương vị Hà Nội. Đệ thì trái lại rất mê chè tàu ở Hàng Buồm. Cứ lúc nào anh em ở nhà trông đợi tới một hai giờ đêm mà không thấy Đệ về là biết ngay anh chàng chui xuống Hàng Buồm uống chè tàu, ăn bánh đậu rồi. Khỏi phải nghi ngờ anh ta đi theo đào kép gì cả. Một bận anh em chỉ trích cái lối đi chơi lậu đó thì anh giảng : « Đấy nhé các cậu phải biết ! Trong những tối lạnh lẽo như thế này mà xỏ cái cửa lửng, bước vào căn buồng không rộng hơn cái bếp nhỏ, thấy mọi người khách đều ngồi chồm chồm trên ghế đầu, trước mặt là cái củ lao nước sôi vừa là lò sưởi, trên bàn vên vện có một bình, một chén tổng, hai chén con. Hẳn cứ trông nét mặt của những khách chè đều thấy đó là những con người có đời sống bèn trong giàu có, đời đào. Họ có thể ngồi suốt đêm trầm ngâm bên chén trà không biết mỏi như những người tu theo phái Du-già. Trong những cặp má nhân nheo, những đôi mày cau, đôi mắt sâu thẳm ; họ khếp cả thời gian vào trong những tâm tư sâu sắc. Những người chưa vỡ lẽ đời thì khó mà theo họ được » Rồi anh em cũng đồng ý với chàng dù không ai dám bắt chước cái lối mất thì giờ đó vì có cái lại thì Đệ bảo : « Thế sống không phải là mất thì giờ hay sao ? » Những lúc anh em hàng hái bàn luận ồn ào thì BẢN lẳng lặng lên gác nằm dài hút thuốc phi phèo đợi mùa đông tới. Đối với anh thì chỉ những ngày cuối đông người miền Trung mới tận hưởng được cái hương vị thuần túy Bắc-việt.

Cứ mỗi độ đi học về, bắt gặp trên bờ đê, những cánh đào chưa đủ sức hồng là Bản cảm thấy con người sống lại sau một năm chết dở. Rồi từ mỗi hai mươi tháng chạp, sớm tinh sương, khi chuyến tàu điện vượt qua Quan-thánh là chàng lo đánh thức Ngọc dậy đi ăn miến gà, Độ đi chèo tàu và chàng thì gợn gàng, nhảy lên xe đạp phóng nhanh lên Yên phụ. Những ngày cuối đông, trời rét dần cho hết. Từ mặt hồ Tây những đợt gió lạnh mang theo dư âm những tiếng sùng hậu phượng thời vào Hà Nội những mảnh tang thương hấp hối. Bản vẫn chăm chỉ đạp nhanh cho bớt rét. Đường lên Nghi-tâm còn xa lắm, nhưng phải tới trước rặng đông.

Bản ném xe xuống bờ ruộng, làm lùi đi về phía hàng hoa. Những dãy hoa đào thẳng tắp chập chờn hồng trong làn sương mỏng thấp thoáng như những mảnh má đào rơi tả trên nền sa mỏng mệnh mông. Bản tìm một gốc đào có buộc vài nâu và ngồi đợi. Kinh nghiệm đã cho chàng biết những gốc có buộc vài nâu sẽ được dẫn mang đi từ sáng hôm nay. Không lâu, một ông lão áo nâu, chòm râu bạc phát phơ trong sương lạnh đã tới, im lặng khẽ kéo chiếc khăn cho kín tai, nhẹ nhè đưa tay... những nhát cưa rung rung làm xao động cành đào, vài cánh nhỏ tả tơi bay theo gió. Ngồi nhìn ông lão làm việc Bản thấy cần phải cung kính lắm. Không ai nói với nhau. Ông lão tiếp tục dẫn từng giò rồi xếp thẳng từng hàng. Những tiếng gà vội vã bắt đầu trời dậy trong thôn. Ánh bình minh le lói trong áng mây hồng. Màn sương từ từ loãng dần, rồi những chuỗi cười vang dội trên đê. Một đoàn thôn nữ áo nâu khăn mỏ quạ, những giải thắt lưng pháp phới chập chờn lướt xuống thửa vườn đào.

Vẫn những mảnh màu lặn trong ánh sáng mờ hồng. Những cành đào lần lượt lên vai và tiến lên bờ đê. Màu nâu tà áo, màu hồng hoa đào làm nền cho những giải thắt lưng màu thiên lý rộn rã, chập chờn xa dần, xa dần vào đô thị.

*Biết nhau thôi muộn rồi;
Bao mùa thu đã chết trong lời.
Nhớ nhung ôi ngộp trời!*

Tiếng hát của Bản ngân lên theo tiếng đàn lục huyền dưới cây liễu rủ, Hương nhẹ nhàng đến sau lưng chàng từ bao giờ :

— Chẳng thà muộn còn hơn không chứ?

Bản đáp không quay lại :

— Hơn chứ! Hơn một lần đang dở.

Hương buồn hẳn lại.

Đã lâu, Hương cô học trò ngoan của Bản vẫn cảm về tài năng xuất chúng đàn ngọt, hát hay, vẽ giỏi của chàng. Hương chưa có lần nào

tổ tình nhưng Bản lại thừa biết là Ngọc đã thầm yêu Hương từ lâu dù chưa ai nói với nhau. Bản thì không hay đâu. Bạn bè nhất là trong trường hợp yêu đương, trái lại Ngọc thì lúc nào cũng tưởng như không ai biết gì về chàng cả. Những khi anh em thấy chàng đánh bóng bàn hằng chính là lúc anh ta yêu đương sôi nổi nhất. Có lần Đệ bảo là Ngọc yêu bằng vọt gỗ và hay đánh ngầm. Bản thường thương hại cho anh chàng chất phác này. Bản nhớ *Biết nhau thôi muộn rồi* của Bản không giúp cho Ngọc biết gì thêm về chỗ Hương không yêu Ngọc mà lại căm Bản. Nhiều lần chàng muốn nói cho Ngọc biết nhưng Đệ gạt đi và bảo : «Mày cứ để yên như thế có được-không, hãy coi chừng nó yêu bằng tim mà lại đùa bằng mồm thì thất đức nhé».

Bản vẫn cố tránh không muốn gần Hương vì sợ Ngọc hiểu lầm. Những buổi mai hồng theo đuổi màu hoa đào mơn mớn trong sương sớm, chàng quên hết những lời hẹn hò với bất cứ ai. Mỗi khi đứng lặng trên đê nhìn đoàn thôn nữ đi khuất với những cánh đào, chàng mới bắt đầu bày giá vẽ ra làm việc. Bản thường ngấm say sưa như muốn thu trọn ngoại cảnh vào tâm trí nhưng không vội vẽ ngay. Chàng cho rằng phải để cho đề tài ngấm vào tâm khảm rồi sẽ vẽ lại bằng tưởng tượng thì bức tranh mới có hồn. Những đề tài vẽ ngay trước mắt không làm cho họa sĩ giàu có mà chính là phải thái nhén dù chỉ trong chốc lát thì khi vẽ ra mới còn được một thương thức, chàng cho rằng vẽ ra là mất hết cả rồi. Lần nào cũng vậy, vẽ được nửa bức tranh là chàng thấy bức mình vì nửa phần đầu thì họa sĩ còn làm chủ đề tài chứ qua phần sau là phải chạy theo tranh đến nhọc mệt. Từ quan niệm nghệ thuật đó chàng thấy tình yêu hết nghĩa khi được người ta yêu lại hay bỗng dưng được yêu. Bao lần Bản muốn nói thẳng cho Hương biết là nên đến với Ngọc thì hơn nhưng chàng cũng không nỡ. Bản tôn trọng cái đẹp dù đó là cái đẹp thất vọng. Đối với chàng thất tình cũng là một vẻ đẹp. Đó là một bức tranh vẽ toàn màu xám. Tuy vậy, chưa bao giờ chàng được thất tình. Chàng ao ước mãi nhưng nghệ thuật đã tranh đoạt hết rung cảm của chàng. Có nhiều khi ca tụng sắc đẹp của một người bạn gái, chàng được tặng một đóa hoa với những lời hẹn ước. Thế rồi khi gặp lại người cũ chàng lại say sưa tả cảnh quên người. Rồi cũng không ai có thì giờ theo mãi cái tình yô căn của chàng nữa. Nhưng từ khi gặp Hương trong tiệc tất niên ở trường Nữ học mà chàng giúp ý văn nghệ, chàng đã thấy bản khoán nhưng lại mừng là đã có Ngọc thấy chàng.

Hương lên tiếng :

— Thế nào, đêm giao thừa này anh đến dẫn em đi chùa Quan thánh nhé ?

— Đi chùa đêm giao thừa à? Được đấy.

Rồi chàng lặng thinh. Trong trí chàng bỗng bản khoán về cái mùi phấn son chen lẫn với trầm hương, mùi người chen lẫn, pha trộn thành

một thứ không khí kỳ dị mà chàng hay gọi là mùi « Quan thánh ». Làm sao vẽ ra được bây giờ ? Thấy Bản đứng im, Hương sợ chàng từ chối nên hỏi lại :

— Thế nào ? Anh không muốn đi ư ?

— Không ! Đi chứ.

Tiếng Ngọc hiện ra trên cửa sổ :

— Sao có gì lạ không cô Hương ? Thế cô có rồi đi giao thừa với chúng tôi ?

Bản trả lời gấp, tay chàng với vọi cây đàn định vào nhà :

— Ấy ! Cô đến mời anh em chúng mình đi giao thừa đấy.

Ngọc đã xuống từ lúc nào, tay chàng còn cầm cái khăn tắm và chiếc vợt gỗ. Ba người im lặng. Ngọc đắm đuối nhìn Hương, Bản hướng ra hồ Trúc bạch và nói giữa trời :

— Cô Hương nhớ tới đi với anh Ngọc nhé, hôm đó tôi phải đi vẽ. Hương cho là chàng từ chối khéo, hỏi lại :

— Đêm giao thừa mà đi vẽ ? Anh đùa đấy chứ. Anh vẽ ở xưởng à ?

Bản nghiêm trang :

— Tôi nói thật đấy. Đêm ấy tôi phải vẽ ở đền Quan thánh.

Ngọc cười to trong khi Hương tròn mắt kinh ngạc :

— Thôi em xin đợi đến hôm đó sẽ đến vác giá vẽ cho anh vậy.

Bản quay đi, nói với lại :

— Cám ơn cô.

Còn lại Ngọc và Hương bên gốc liễu, nàng vẫn ngờ chàng định nói gì và chàng như chờ đợi ở người mơ những lời mong đợi. Vài ngọn lá vàng rụng xuống hồ. Bên kia hồ, đường Cỏ-ngư rợp màu áo, màu xe. Mùa đông còn nán lại vài hôm đủ rét cho người ta diện áo đẹp. Vẫn im lặng trong vườn. Hương tựa vào thân cây roi, thơ thần ném viên cuội xuống hồ, mặt nước gợn sóng từng vòng lan rộng mãi ra như những tâm tình tràn ngập chen lẫn hồn nàng. Ngọc đứng im ngắm mái tóc buông dài, tà áo màu hồ thủy của Hương nổi bật bên màu nâu tường gạch.

Bản, Ngọc, Đệ bước ra khỏi rạp Long-biên, xuất chiếu bóng cuối năm không đủ sức làm tan ý tưởng bản khoản đang đè nặng đầu óc. Qua chợ Đồng-xuân, Đệ cũng không còn chuyện gì vui để khuấy rộn không khí. Ba người đi bên nhau mà tình xa vạn dặm. Chiếc xe kiểm tặc chạy về phía Ngọc-hà thấp thoáng mấy tà áo đỏ. Những tiếng chửi rủa nổi lên trước cửa tiệm nhảy Mélodie. Đã có nhiều người lục tục đi lễ chùa. Đường Quan-thánh rộn rịp dần. Hương đã đứng đợi trước thềm. Nàng mặc chiếc áo gấm thiên thanh hoa phượng. Lần đầu tiên Bản thấy Hương đẹp một cách đáng tiếc. Phấn son làm cho nàng giả tạo và hơi xác thật. Ngọc thì có vẻ mê muội lắm. Đứng hẳn lại trước thềm, chàng

say đắm nhìn làn tóc chải gọn lộ nước da trắng viền trên cổ áo nàng. Độ mỉm cười nhắc họ :

— Ngọc có đi chùa thi vào sửa soạn chứ ?

Cả Hương và Ngọc đều giật mình tuy hai người từ nãy vẫn chưa thấy nhau.

Thấy Bản xuống hai tay không, Hương hỏi :

— Sao không thấy họa cụ của anh ?

— Đêm nay tôi định vẽ một bức tranh bằng ánh sáng và hương vị.

Hương cho rằng Bản kiêu cớ xa mình nhưng không tiện đành phải chịu. Nàng hơi phật ý :

— Thôi, em về nhé? Em đắp đề mang hộ đồ vẽ cho anh Bản. Bây giờ vô dụng thì em xin về.

Hương quay ra thì Độ giằng hòa :

— Thôi xin cô, xin cả làng. Năm hết tết đến rồi, chỉ còn giờ nữa là già cả rồi, vui đi thôi.

Ngọc vẫn sợ Hương về thật, chàng phụ họa :

— Đứng, ta đi chứ! Công lao chờ đợi, sao lại bỏ về.

Cả bọn kéo nhau vào đền. Trong vườn, nhiều cụ già đã lo hái sớm lộc non. Pho tượng đồng đen oai nghi ngồi trên, thiên hạ đua nhau lễ tới tấp. Tiếng rì rào, tiếng chuông trống vang lên như dư âm sau cơn động bễ. Ngọc nép sau cột lớn xem Hương lễ. Độ cũng mua thẻ hương, châm lên cung kính rồi tìm tới cạnh một thiếu nữ, đang khấn nguyện. Trông dáng điệu của anh chàng cũng có vẻ đứng đắn tuy hơi giả tạo một chút. Bản ngầy ngầy trong hương vị kỳ diệu. Đứng ở đây mà chàng nghe cả gió lạnh đang chảy trên mặt hồ và thời gian đang xung đột. Một ý tưởng ngộ nghĩnh bỗng tới trong trí chàng. Giá mà anh được chết lúc này và ngay ở đây. Rồi chàng cũng không hiểu chết như thế để làm gì nữa. Mùi hoa đào mờ ảo sau làn hương trầm trên bàn thờ làm chàng nhớ tới những tà áo cung phi trong kinh thành Huế vào một độ nào thật xa xăm. Chỉ trong những đêm giao thừa, giữa cảnh nghiêm kính người ta mới sống đủ cả dĩ vãng lẫn vị lai. Hàng cột sơn son âm khói trước mắt không hợp với sắc áo thệp phượng. Chàng bất mãn với cảnh đền cũng như không bằng lòng với chính mình.

— Chúng ta ra Cờ-ngư nghe xuân về đi anh.

Hương làm cho Bản giật mình. Chàng theo nàng không hỏi tới hai bạn. Hai người im lặng trong cái im lặng vô cùng của những giờ cuối trong năm. Bản thầm nghĩ tới những người mới cưới nhau chưa trọn một mùa đông. Bỗng chàng sực nhớ tới Ngọc, Độ :

— Sao cô không gọi Ngọc, Độ cùng đi ?

— Sao anh cứ không chịu đi một mình với em ? Hương giọng đầy trách móc.

Đột nhiên Bản nói :

— Ngọc nó yêu cô đó.

Hương không ngạc nhiên :

— Nhưng đây có phải là tình yêu không ?

Bản không ngờ Hương lại kỹ lưỡng đến thế, chàng chậm rãi :

— Cũng còn hơn là yêu những người không yêu mình.

Tiếng Hương lạnh lùng đầy nước mắt :

— Tình yêu chỉ nằm trong hy vọng và mơ tưởng. Đêm giao thừa thật đẹp là vì được đón một năm mới, dù là đêm chết của một năm.

Cả hai lại chậm rãi nghe tiếng thời gian về trong hồn. Gió từ Hồ tây vẫn lùa rét vào lòng. Chuông chùa Trấn-quốc đồ hồi, âm thanh như ngưng lại như vùi lấy nhau.

Đêm ấy, Bản và Hương cùng nghe xuân về trong chân đất.

Bản đã không còn ở Quan-thánh sau mùa Xuân. Chàng lên biệt trên Nghi-tâm. Mùa hoa đào đã tàn và Hương cũng đã xa chàng như thường lệ. Sau khi tỏ thật những xao xuyến bất ngờ trong tâm hồn cho Ngọc, chàng tự thấy không cần phải sống thêm với Hương ngày nào nữa. Ngọc cũng đã bỏ Hà nội về dạy học ở Hải-dương. Mỗi tuần hai lần vượt con đường số 5 đầy chinh chiến. Chàng bắt đầu thấy thích đùa bỡn với lửa đạn. Cái thú miến gà đã thay vào bằng hơi thuốc súng và cũng thích chường ra giữa những nơi bố ráp cho người ta lục soát. Những khi qua cổng gác, trước cặp mắt soi soi của tụi lê dương, chàng thấy sung sướng vì được người ta nghi ngờ. Có lần chàng cố ý quên giấy thông hành để bị dẫn đi như một người tù. Chàng khoan khoái kể lại cảm giác kỳ dị khi tên lính da đen dí mũi súng vào lỗ mũi chàng trong khi chiếc Dodge 4 vẫn vung văng trên con đường đầy những hố hầm phá hoại. Nhưng rồi cũng bị thả ra để đến đêm thì lại nhận một chiếc mã tấu gác trên cổ dẫn đi hàng vài cây số vì được tình nghi là chỉ đường cho giặc. Nụ cười của Ngọc đậm dần chưa chút. Bản cũng thấy nhiều những hành động lạ lùng của Ngọc nhưng không cần phải nói gì. Bức tranh hoa đào vẫn chưa hoàn thành sau sáu năm ở đất Bắc. Hương vị nồng đượm trong khi chung đụng với đàn bà không thấy làm cho màu sắc đậm thêm. Tâm trí bất mãn thường xuyên. Từng luống hoa tàn tạ hết một mùa say đắm.

Nhân có ngày hội sinh viên. Ngọc, Bản, Độ cùng qua rạp Majestic để tới trường Đại học. Nắng hè chói chang. Ba chiếc xe đạp trôi song song. Bỗng Ngọc sáng mắt ngạc nhiên, chàng chỉ đủ kêu lên tiếng nhỏ. Bên kia đường, Hương đang đứng với một gã ngoại nhân. Ngọc nhủ lòng may trong khi Bản nhìn lên trời và Độ nhún vai mấy cái liền tiếp.

NGHĨ THẨM

NGUYỄN SỸ TẾ

MỘ T buổi chiều cuối năm, Huân lên mọi người thoát ra đi một mình. Nói cho đúng, Huân cho đó là một cử chỉ « lên mọi người » vì chàng đứng đầu một đại gia đình gồm mấy người em, có người đã đi làm có vợ con, có người còn đi học, và hơn nữa, chàng có rất nhiều bạn bè hàng ngày qua lại gọi chàng đi bất luận lúc nào.

Huân đi lang thang hết phố này qua phố nọ xem thiên hạ sắm Tết và gặm nhấm cái thú vui của một kẻ thấy mình nhàn hạ trong khi đám đông bận rộn. Huân về một góc ngoại ô nhìn khoảng thoáng rộng để có cái cảm giác được giải thoát khỏi cái chật hẹp của phố xá. Sau cùng chàng trở lại chiều thành tìm một quán cà-phê hẻo lánh ngồi ở đó hàng giờ nhìn ra ngoài đường.

Những cuộc thoát ra đi một mình, phiêu lãng gấp bội, nhất là trước lúc di cư, không phải là hiếm đối với Huân. Họ hàng thân thuộc đã quen nét chàng rồi. Có điều cái chuyển mình của chung quanh, nếu không là của đất trời, bao giờ cũng làm Huân thấy lòng rộn rã. Chàng thường muốn được ở một mình, thật một mình, giữa một khung cảnh đổi mới để được ôn lại một vài kỷ niệm, một vài ý nghĩ. Cho nên vào những lúc quá bận rộn trong nghề nghiệp hoặc những lúc bất mãn trong tâm tư, Huân ước mong những phút tiêu lãng thì giờ vô ích một cách êm đềm như hôm nay. Thậm chí chàng thêm muốn được đau yếu để được nằm tại một bệnh viện nhìn những vòm cây in dấu trên nền trời. Huân nói với mấy người bạn : « Tôi buồn một giấc ngủ tràng thiên các anh ạ ! »

Ít lâu nay người ta ngờ Huân đã bỏ « nghề viết văn », vui trong nghề mới, dành thì giờ gây dựng cho các em. Huân nghĩ : « Nhưng mà sự đóng góp của ta có là bao ? Mà phỏng không có sự đóng góp đó thì gia đình ta có chết đâu ! ». Và Huân mỉm cười nghe lời đồn đại không hề phản ứng. Thực ra thì trước sau chàng vẫn tự hứa phải có một tác phẩm cho thật xứng đáng với thời đại, — một tác phẩm lớn như người ta thường nói, — một tác phẩm sẽ là một chứng tá của thời đại, của nơi chốn, một sự mang lại nào đó cho tư tưởng, cho nghệ thuật của nhân loại. Huân nói : « Không lẽ nào mà bằng ấy năm đau nhức, nhất là đối với cái thể hệ bị hy sinh là thể hệ ta, lại chảy xuôi không để lại một dấu vết. Lịch sử chẳng hóa ra vô tình và tàn nhẫn đến thế hay sao ? » Và Huân đau khổ. Huân cũng không dấu điểm nổi bực bội của mình. Gia đình khuyên chàng nghĩ việc để tỉnh dưỡng chàng lại gắt gỏng thêm : « Một chú cứ biết đi làm, một chú cứ biết đi học, còn thì mặc cái thằng tôi ! » Bạn

bé mách nước chàng đi ngoại quốc, chàng thở dài nuốt : « Ở đâu cũng đất trời ấy mà thôi ! » Cũng chỉ vì cái tác phẩm lớn mà Huân theo đuổi ! Một người bạn Huân giải thích sự vắng mặt của một tác phẩm mong ước cho thời đại : « Chúng ta sống với thời đại đành rồi, nhưng chết một nỗi vì lẽ này hay lẽ khác chúng ta còn trực tiếp tham dự vào sự hình thành của từng biến cố bất luận lúc đó có là lúc quyết định của lịch sử hay không. Chúng ta mắc phải cái bệnh quan trọng hóa hết thảy. Đó cũng là một căn bệnh chung của thời đại. Sự tham dự quá nhiều của chúng ta vào lịch sử đã làm loãng trí sáng tạo và tước đoạt thời gian sáng tạo của chúng ta. Vậy muốn làm Văn học thì đừng làm Lịch sử, nếu không chúng ta sẽ chỉ là kẻ thái nhén suốt đời, hoặc một thứ « kỳ giả của chiến tranh », hoặc một tên phụ khảo cho một người chép sử đến sau ». Huân nhận phần hữu lý của lời giải thích và ước mong lối sống cũng gọi là hiền triết của một số người lẩn lộn với thời đại song vẫn thoát ra được để nhìn lại triều lên xuống tầm thường của cuộc đời. Nhưng rồi Huân vẫn thấy không thỏa mãn : hoặc lời nói đó chỉ là sự che đậy cho một sự trống rỗng đến khủng khiếp của tâm hồn ; rất có thể người ta chưa có thực tài hay chưa thực sống. Sau cùng Huân đành nói một lời an ủi chung : « Những cảm nghĩ đầu nhỏ nhất đến đâu, một khi vào trong ta, sẽ không bao giờ mất hẳn. Chẳng sớm thì muộn, chúng sẽ có tác dụng, có hiệu lực, có dấu vết, có ảnh hưởng nào đó. Chỉ lo không có đủ thời giờ sống và giữ cho khỏi chết đến lúc hoa kết trái đó ». Huân không hối tiếc những năm tranh đấu đã qua mà còn thấy sung sướng và kiêu hãnh về những kinh nghiệm đôn đau đã lược được, chúng đã hầu như đảo lộn hoàn toàn lối cảm nghĩ của chàng. Huân nhận ra rằng giá trị của thời gian chỉ là giá trị ý thức của cuộc đời. Mong cho thời gian ngừng lại để giữ trong tay một hạnh phúc hay cầu cho năm tháng trôi mau để thấy nở một ấp ủ, hai trường hợp đó cũng phong phú và đầy ý nghĩa như nhau. Và cái tuổi ngoài ba mươi vẫn còn độc thân và chưa có sự nghiệp cũng chỉ làm chàng nao nao tâm tình từng chốc lát mà thôi.

Qua những ý nghĩ đó, ngồi trong quán cà-phê, Huân bình thần ngắm nhìn những người qua lại trên đường : những đôi trai gái khoác tay nhau đi miệt mài; những cặp vợ chồng đứng tuổi kẻ nệ đồ sẫm tét trong tay với những đàn con riu rít khoe giầy, khoe áo chung quanh; những người lam lũ ngược xuôi vất vả, lật đật. Hầu như đám đông có đông đảo, phức tạp, đậm chiều và cô độc hơn thường.

Một người quen đến bên Huân lúc nào chàng cũng không hay :

— Thế nào luật sư kiêm văn sĩ của tôi nghĩ ngợi gì đó ?

Huân quay lại, ngược mắt nhìn người mới đến mà không lộ một dấu hiệu nào hết. Người bạn nói tiếp :

— Nếu có thể, xin mời anh cùng đi với tôi đến một cuộc họp tất niên này có đông gia đình văn nghệ sĩ lắm. Chắc anh cũng đã nhận được

giấy mời ?

Huân lạnh lùng : — Tôi bận !

Người bạn bỏ ra đi, cho rằng Huân đang có chuyện tâm tình lo nghĩ, nhưng cũng vẫn quay lại nói vọng :

— Đợi một giai nhân ?

Huân trả lời đủ mình chàng nghe : — Có sao ?

Người bạn đã đi xa. Huân đưa tách cà-phê lên môi. Chất nước đắng chát hầu như gọi dậy trong chàng một giác quan bỏ ngỏ. Huân trả lại cái tách cà-phê đã nguội mà còn đầy cho cái đĩa, đứng lên trả tiền rồi ra đi trước sự ngạc nhiên của người chủ quán.

Huân đi đếm bước trên một hè đại lộ vắng người. Chàng vẫn chưa thấy đủ sức cô độc : một người bạn gặp, rồi một người nữa và người nữa. Mỗi người đều rủ chàng đi đến một cuộc họp này hay một cuộc gặp gỡ khác. Với mọi người, Huân đều chối từ bằng câu : « Tôi bận ». Huân nhớ, trong đời, chàng đã từ chối nhiều lần như thế với hơn một người bạn thân hay sơ. Huân tự ví mình như một người lạc trong một khoảng núi đồi đầy chênh vênh và rất nhiều vực thẳm. Huân không hiểu rõ một sức lực nào đã diu chàng khỏi ngã hoặc đưa chàng tìm lại được con đường quang đặng : lý trí, lương năng, trực giác hay linh tính ? Huân cho rằng tất cả. Và bây giờ thì chàng đã thấy ngại đám đông như một người yếu chịu rét sợ nước lạnh. Là vì thật thế, riêng Huân, chàng chưa thấy bao giờ thỏa mãn về đoàn thể, ấy là chưa kể những đau nhức vì đoàn thể. Huân nghĩ mãi về điều đó. Ở bình diện thấp, Huân cho nó là một sự tranh dành quyền lợi, một sự hiếu thắng vô nghĩa, một hình thức hợp quần để đàn áp kẻ khác, một lợi dụng của thiên số. Ở bình diện cao, nó là sự tiếp tục những tệ đoàn trên, thêm vào đó là sự thác dọa của nhân loại chiếm đoạt quyền sống của con người, phá phách con người tới bản chất, mại vong con người trọn vẹn, làm yếu hèn con người vô cùng. Huân nghĩ riêng về tác phẩm lớn của chàng : « Một tác phẩm văn học viết theo lệnh của một người khác, chữa đi sửa lại theo chính sách của hết giai đoạn nọ đến giai đoạn kia, theo chỉ trích của hết đồng chí này đến đồng chí khác, thì tác phẩm đó chỉ còn là một sản phẩm công nghệ làm ra hàng chuỗi. Một tác phẩm như thế mà đề tên tác giả thì có khác chi là đóng dấu nhãn hiệu nhà sản xuất để tính lời ? Tác phẩm văn học phải được viết trong tự do trọn vẹn. Mà tự do trọn vẹn chính là sự cô độc vậy ! » Và Huân không còn thấy sợ cô độc nữa để nghĩ về sự thác mắc của chàng. Huân nghĩ : « Một trại lính chỉ có nghĩa để phòng an một nơi chốn; một đoàn thể chỉ có ý nghĩa để tự vệ; nguyên cơ dọa nạt qua đi thì nhóm đoàn cũng không còn lý do tồn tại. Hãy nói tới mục đích của hội xã. Không nên lạm dụng danh từ lý tưởng, nghĩ lầm rằng danh từ đó quyến rũ người ta hơn ». Một người bạn nói : « Ý nghĩa của đoàn thể cũng còn tùy thuộc ở lý tưởng theo đuổi. » — « Được lắm,

nhưng lý tưởng là gì nếu không là khát vọng chân thành của con người vút ra giữa thời đại, nhận chân một hiểm họa hay một lỗi lầm chung? Như vậy ý nghĩa đầu của nó phải là ý nghĩa của một thuận tình, một tự giác. Rút về một điều độc nhất đặt định trước, bất di bất dịch, rồi quên hết thấy, tức là biến nó thành một thần tượng với sự rủi may của mọi thần tượng vậy. Lại nữa sự vật chỉ được ước mong và cố gắng chiếm đoạt khi còn trong trạng thái khát vọng, ở trong sự tiến thành chứ không trong sự đã thành. Ai tin ở sự đã thành, ai đoán sự thoả mãn của con người trong sự đã thành? Chính sự đã thành mang mầm mống đề tự hủy diệt nó. Dầu chẳng có « nghệ sĩ tình » người ta cũng nhận thấy hoa đã mãn khai lá hoa mất giá và bình minh chỉ đẹp khi còn là ánh hồng lung linh trên chân trời tối».

Nghĩ lại về tác phẩm lớn làm trong cô độc của mình, Huân vẫn còn một thức mắc cuối cùng. Người ta thường nói : Chỉ có những thời đại trong đó ngự trị lòng tin mới có thể là thời đại huy hoàng sản sinh ra những tác phẩm lớn ; những thời đại của bất tin, của hoang mang, của phản bội sẽ chỉ là thời đại hỗn loạn qua đi không dấu vết ; chúng ta đang ở loại thời đại thứ hai này. Nhưng Huân nghĩ : Đó có thể là một nhận xét đúng, đã ứng nghiệm nhiều lần trong văn học của nhân loại ; nhưng nhất định đó không phải là một chân lý. Có hai loại thơ văn đẹp như nhau, sáng không biết mấy : một loại thơ văn của Phấn khích và một loại thơ văn của Đau khổ. Mà đoạn trường thì đầu cho đầy rẫy và sâu sắc bằng thời đại này ? Đau khổ vốn đã đẹp, mà thứ đau khổ khỏe mạnh, hùng dũng bước đầu cho mọi sự sáng tạo huy hoàng vững bền lại càng đẹp vô ngần ! Huân bỗng liên tưởng tới tiếng kèn vô xé can tràng của một người đàn da đen, rồi tiếng súng khô khan chốn pháp trường mà những viên đạn âm thầm đi vào da thịt của một tội nhân. Huân đã chậm bước hẳn lại trên đường đi.

Tia nắng cuối cùng của một trời rơi qua vòm cây đậu lại trên mí mắt chàng. Huân thấy nao nao trong lòng một niềm thương nhớ mệnh mỏng, một nhu cầu tâm tình mãnh liệt nơi một bàn tay vuốt ve, những ánh mắt dịu hiền.



Huân đi vào một khu phố đông người. Đèn thành phố cũng vừa bật lên. Ánh sáng như chưa yên vị trên những mặt nhà và bóng tối còn quần lầy chân chàng. Bây giờ là lúc Huân muốn có một người bạn ở bên thì chàng không gặp nữa. Huân đi ngang qua một tiệm khiêu vũ. Một bản nhạc rất quen tai theo với tiếng trống tiếng phèng dật diu vọng ra. Một tiếng kèn nổi lên ồ ồ, ngân dài. Huân dừng chân lại do dự. Chàng vừa có ý muốn đi vào trong tiệm để được sống lại trong phút giây một bầu không khí cũ. Huân đành dấn mũi vào một tủ hàng kế cận. Ngày ấy ở

kinh thành quê hương, chàng vừa mới hồi cư về. Vì túng thiếu cũng có mà vì nhiều lẽ khác cũng có, Huân phải vừa đi học vừa đi làm cho một tiệm khiêu vũ. Cái không khí của nơi chốn ấy vẫn không hề bám sâu vào đầu óc nặng sầu tư của chàng. Huân không chơi bời, thậm chí không biết cả nhảy nữa. Nghe chàng nói không biết nhảy, một số người quen cho rằng chàng nói phách làm điệu. Huân chỉ mỉm cười không buồn cãi chính. Về những chuyện sinh sống hàng ngày cũng như về chuyện tâm tình, không bao giờ Huân bị xúc động mạnh. Người ta bảo chàng vô tình, chàng cũng tự nhận với mình : « Có lẽ đúng ».

Huân lại lững thững đi dưới ánh đèn với một mờ hình ảnh hỗn độn vừa trở về trong ký ức : quê hương, chiến cuộc, những người thân qua đời, bạn bè ngày một thưa vắng, những hăng hái, bao nhiêu dờn đau... Huân bỗng thấy mình cô độc. Chàng vuốt ve hình ảnh một người đàn bà dịu dàng sẵn sàng xoa dịu mọi nỗi khổ tâm của chồng, đợi chờ chồng mặc dầu sao hết, lấy ước vọng của người bạn trăm năm làm lẽ sống. Huân vừa nghĩ tới Linh. Ủ, tại sao chàng lại không đưa đi xa hơn nữa cuộc giao thiệp giữa chàng và nàng? Hai người đã quen nhau từ thuở nào rồi, trong tình hăng xóm làng giếng, trong loạn lạc, trong đau khổ. Huân đã biết rõ lòng Linh. Chàng chỉ cần nói một câu là người con gái sẽ khóc lên mà ngã vào tay chàng. Chàng lại biết rõ giá trị của một Linh đối với cuộc sống vật chất và tình cảm của chàng. Ấy thế rồi không hiểu vì những lý do thâm kín nào, Huân vẫn bỏ quên nàng. Những người quen Huân, biết chuyện, lại càng lạ hơn nữa khi thấy trong những cuộc gặp gỡ đông người, chàng tỏ ra rất lịch sự, sẵn đón và tài tình đối với đàn bà. Cũng không phải là Huân sợ yêu. Hay tại khi người ta quá dính ninh ở một điều gì, người ta thường dễ quên điều đó? Hơn nửa năm trời rồi, Huân chưa gặp lại Linh mà cũng không tìm kiếm tin tức nàng mặc dầu hai người chỉ cách nhau từ đầu thành đến cuối thành. Huân thấy mình vô lý và cũng hơi tàn ác. Một niềm hối hận thoáng qua, nhiều nhận định về sự cô độc của mình... Trong những ý nghĩ  nhảm nhí cảm đó Huân quyết định đi tìm Linh.

Khi Huân đi vào cái hẻm sâu, hẹp và khúc khuỷu đó ở ngoại châu thành thì đêm cũng đã tiến sâu trong giòng chảy của nó. Lại càng thêm vắng sâu hơn ở cái khu xa trung tâm huyện nào này. Huân tưởng đi vào một xóm quê với một điều khác là có nhiều ánh sáng hơn trong lối đi. Những hàng rào cây leo thấp cho nhìn những khoảng vườn nhỏ chập chờn bóng tối. Tiếng giun dế nổi non theo bước chân người. Gần đến nơi, Huân đi chậm lại một quãng đường, ôn lại một vài ý nghĩ. Chàng nhẹ đẩy một cánh cổng gỗ, lọt vào khoảng một căn nhà mờ tối. Huân nhớ rõ vị trí của những đồ vật nơi chốn ấy. Vài bước đi qua một mảnh sân đất dưới một vòm cây trướng cả, chàng bước lên thềm. Không một tiếng động và ánh sáng rải leo lắt trong căn nhà. Huân còn đang bỏ

ngõ vịn cánh cửa nhìn vào thì một người con gái tiến ra kêu lên : « Anh Huân » Nghe tiếng người chàng nhận ra Phượng, em Linh. Nhưng Phượng đã chạy trở vào. Huân vừa toan ngồi xuống chiếc sập gỗ giữa nhà thì nghe tiếng Phượng òa lên khóc nức nở. Một linh tính muốn màng báo cho chàng biết một điều chẳng lành đã xảy ra trong gia đình Linh. Chàng chỉ còn hy vọng một điều đau khổ nhẹ. Huân chưa dám hỏi Phượng. Chàng chạy lại điu người con gái ngồi xuống sập. Và qua lời thuật lại bị gián đoạn trong tiếng nức nở hay chìm trong nước mắt của Phượng, Huân được biết câu chuyện buồn về chỗ hậu chúng của Linh. Câu chuyện cũng tầm thường như muôn cái chết khác. Một ngày kia, cách đây ba tháng, Linh đi làm về kêu rức đầu rồi bất cơn sốt liên miên. Người ta đưa nàng vào bệnh viện. Nàng bị sốt rét thương hàn và chết ở đó sau một tuần mê man bất tỉnh. Huân vẫn chưa nói một lời nào. Phượng kể tiếp : « Ngày cuối cùng chị em có về tỉnh lại. Chị nhắc nhở tới tên anh luôn. Chị bảo em đem tập bản thảo năm nào của anh ra cho chị xem. Chị nói ước mong bao giờ có thêm nhiều tập bản thảo như thế để đọc. Em bảo đề em đi gọi anh. Chị bảo chưa muốn. Hình như chị tin rằng không chết. Đến lúc chị ưng thuận và em toan mặc áo ra đi gọi anh thì chị em lên cơn sốt cuối cùng và tắt thở không kịp dang dở. » Huân vẫn ngồi im lặng. Phượng lau nước mắt thủ thủ : « Từ đó em cũng định mấy lần đi tìm anh nhưng phần vì buồn, phần vì bận việc em cứ nấn ná mãi. » Cơn kinh hoàng qua, Huân phục hồi lần lần cảm nghĩ để nhận chân mối đại họa của mình. Chàng hỏi lại Phượng về phút cuối cùng của Linh : « Chị không tỏ dấu ấn hận điều gì chứ Phượng ? » — « Em đã nói với anh rằng không thì phải. Và lại còn có kịp làm cái gì nữa đâu. Cho tới phút cuối cùng, cũng không ai ngờ rằng chị mất. » Một lúc Phượng nhớ ra : « À mà quên chị em có dặn trả lại anh cái này ». Nói rồi nàng đi lại bàn thờ, lục đưa cho Huân một tập bản thảo và một cái trâm trêu có gắn một huy hiệu âm nhạc bằng vàng, vật kỷ niệm chàng tặng Linh ngày đi làm ở tiệm khiêu vũ. Huân xin phép Phượng lại bàn thờ Linh. Chàng vén vòong vải điều lên nhìn ảnh người quá cố một hồi lâu với muôn ý nghĩ sô dồn. Sau cùng, Huân gài chiếc trâm vào bát hương thờ Linh, và cầm tập bản thảo đi trở ra.

Trong đêm rất khuya, Phượng tiễn chân Huân ở bên hàng rào. Chàng nhìn rất lâu và rất sâu trong khuôn mặt người con gái, hỏi :

— Phượng vẫn đi học ?

Phượng giọng ngậm ngùi :

— Không, em đã đi làm. Phải sống trước đã chứ anh !



Huân đi lang thang trong châu thành không biết đã bao lâu. Từng dịp đều đặn, rộn rã hay xa vắng, chuông nhà thờ thành phố đổ xuống

tâm hồn ngán ngẩm và thao thức của chàng. Thêm một lần, Huân nắm mùi đắng chát của cuộc đời. Huân vẫn còn nghĩ mãi về cái chết của Linh. Điều tiếc, hận nhất của chàng là cái chết của một tâm tình. Chàng tin chắc Linh cũng như chàng không tiếc hận cái chết thể chất. Hai người vốn đã trải nhiều khổ nhục gian lao trong cuộc sống. Huân nhớ có lần Linh nói với chàng : « Chúng em chỉ có mỗi một mối lo, lo cho cái chết của một tâm tình ; các anh còn thêm một mối lo nữa, lo cho cái chết của một tư tưởng ». Một cơn gió lốc nổi lên quẩn lấy chân Huân. Chàng rung mình vì lạnh. Ánh sáng đèn lung linh như muốn tắt. Những bóng tối nhảy múa trên mặt đường vắng lặng. Huân thành kính đón nhận sự hiện lên của một linh hồn đã khuất. Hai giọt nước mắt trào lên mi, một niềm an thái mệnh mỏng cũng vừa buông xuống lòng chàng.

Huân đi những bước đều đều ở giữa đường. Bầy giờ những ý nghĩa về Linh kết hợp với những ý nghĩa ban chiều về cái « tác phẩm lớn » mà Huân hằng ấp ủ và ngổ ý công năng. Tập bản thảo của Linh trả lại ôm vào lồng ngực, chàng bỗng nhớ tới câu chuyện với một người bạn. Cách đây chưa lâu người bạn đó có khuyên Huân viết một cuốn tiểu thuyết dài lấy chính cuộc đời chàng làm đề tài. Chàng không trả lời bạn, nhưng nghĩ thầm chưa chát : « Kề ra thời này nhất là trên đất nước này, đời của mấy ai mà chẳng là một cuốn tiểu thuyết giàu đời thay và lắm đoạn trường. Cuối cùng, chúng ta vẫn lãnh cái án là làm lịch sử không công. Một tác phẩm lớn là một tác phẩm sẽ chẳng viết bao giờ. » Đêm nay, trên đường về, sau cái chết của một tâm tình, với một quyết định và hăng hái đời mới, Huân trở lại trên những ý nghĩ đó.

NGUYỄN SỸ TẾ

1-1969

NGÀY CŨ

TRẦN THANH HIỆP

THÀNH vừa ra khỏi sở thì gặp Liên. Đã biết trước rằng mình có một người đàn bà chờ đợi nhưng Thành vẫn thấy bối rối. Thành hẹn Liên tới lần này định đề nói với Liên về sự liên lạc giữa hai người.

Liên tươi cười tiến về phía Thành. Giáp phải ngày trước, Liên đã vội vàng hỏi Thành nguyên do cuộc hẹn và nếu Thành chậm trả lời hay trả lời không vừa ý thì nàng hứa dỗi. Có khi rưng rưng nước mắt muốn khóc. Ngày ấy Liên hay nói hay cười. Nhưng bây giờ đã đổi khác, hai người đều lớn tuổi. Và Liên cũng đã quen với cái tính ít nói của Thành.

Không bảo nhau nhưng hai người cùng bước về phía chợ. Ánh nắng buổi trưa gay gắt rọi thẳng vào mặt Thành. Đường phố Sài Gòn không mang lại cho người ta cảm tưởng tất cả là của mình, ngay cả với những người yêu nhau. Đêm khuya; buổi sáng hay buổi chiều, hàng cây ấy, đại lộ ấy, những dãy nhà ấy vẫn là những thứ gì không ràng buộc. Hai người đã đi một quãng khá xa mà chưa nói với nhau một câu nào. Họ băng qua đường, bước tới dãy quán bán hàng tết. Chợ trưa vắng hẳn đi. Một người bán hàng đang cho một con chuột bằng nhựa chạy loảng quảng trên mặt hè trước đôi mắt kinh ngạc của một em nhỏ còn nắm lấy tay mẹ. Nó mặc một chiếc áo mới có in đủ các thứ hình trùn lên chiếc áo cũ. Thành đứng lại ngắm đứa bé. Ngày xưa mỗi khi tết sắp đến, Thành cũng được mẹ giắt đi chợ Tết sắm quần áo mới. Có điều ngày ấy quần áo của Thành bằng vải hồ cứng, lúc đi kêu sột soạt. Liên nhắc một bông hoa bằng «nylon» ngắm nghía rồi lại cầm xuống trả ông hàng hoa. Nàng quay lại hỏi Thành:

— Anh định mua gì? Thành lắc đầu, Liên đọc đi.

Khu hàng vải. Mùi vải mới hàng nồng. Thành đứng lại trước những súc vải đủ màu. Liên ghé vào tai Thành nói nhỏ:

— Nếu hôm nay anh hẹn em để đi mua đồ mừng cho em thì em đi về đây.

Thành mỉm cười về ý nghĩ ấy của Liên và cả việc Liên đoán ý Thành. Nếu Liên biết được những điều Thành nghĩ về nàng mà Thành có lẽ sắp nói cho nàng biết. Có tiếng hát vọng cổ vang lên nho nhỏ: *«Trên đường đời đầy gió bụi đau thương, Lệ Thu em ơi! anh dẫn thân ra đi giữa lúc đông . . . tàn . . .»* Giọng người hát ngân rầu rĩ.

Thành và Liên đi gần hết khu hàng vải. Vài ba người đàn bà ngồi

quây một đĩa cơm, khúc cá nâu xăm đuôi cong cong. Liên dừng lại trên bờ hè :

— Trưa nay em không về nhà, anh đi ăn cơm tiệm với em.

Bóng hai người chiếu xuống cỏ dọc trên một đường kẻ song song những vạch trắng lấp lánh dưới ánh nắng vàng trắng. Thành nhớ ra từ lâu lắm Thành mới lại có dịp đi với Liên ở ngoài phố. Không ngắm kỹ Liên nhưng Thành vẫn cảm thấy nàng đẹp hơn xưa. Có lẽ vì người ta thường nói đàn bà Việt-nam bây giờ trang điểm khéo hơn trước. Sự thay đổi này Thành cho là thật quan trọng đối với Liên. Gia đình Liên và gia đình Thành ở cùng làng nên hai người quen biết nhau từ thuở nhỏ. Thành hơn Liên hai tuổi, họ cùng bắt đầu đi học trường huyện. Quê họ ở miền Trung. Có một con sông nước xanh biếc, giữa hai bờ, một bên bến lữ, một bên bến bãi. Nước sông chảy xiết. Những phiến chợ thuyền bé khắp nơi đổ về đậu chỉ chít như lá tre. thỉnh thoảng có năm lư, nước dâng lên mấp mé bờ đê, con đê mà lúc thường Thành cho là cao ngất, đứng trên một chỗ ngã xuống chân đê cỏ xanh mướt. Dưới ấy, lã mục đồng nằm bò trên lưng trâu hát nghêu ngao. Thành và Liên cũng bập bồng trên lưng hai người nhà cồng đi học. Mắt Liên đỏ hoe vì Liên khóc như nhà. Những lúc ấy Liên thường nhìn Thành rất lâu.

Buổi tối về nhà, bên đĩa đèn dầu lạc, Thành và Liên còn phải ẽ a : «*Nhân chí sơ*». Cha Liên và cha Thành cùng muốn cho con học thêm «ít chữ thánh hiền» cho có nền nếp. Ông nội Thành, ngồi giữa sập rung đùi vuốt chòm râu bạc, sau mỗi câu đọc âm lại giảng nghĩa. Khi tập đồ chữ bao giờ Thành cũng giữ việc mài hai đĩa mực đen và son. Tiếng học thường vang tận khuya, mấy con đom đóm lấp lờ trên sân gạch.

Liên rào bước, có lẽ nàng sợ nắng. Nàng đứng chờ Thành dưới một mái hiên, cả hai cùng bước vào một tiệm ăn. Liên chọn một bàn trong góc tiệm, lúc này Thành ngồi đối diện với nàng. Gió từ chiếc quạt trần làm tóc nàng xòa xuống trán. Liên đưa tay nhẹ vuốt tóc mình, những ngón tay trắng muốt, móng hồng nhạt, lấp lánh chiếc nhẫn kim cương. Thành để tùy Liên gọi món ăn.

— Anh vẫn ưa dùng những món cũ chứ ? Em bây giờ phải ăn thật nhiều thịt, cho nó khỏi xuống cân. Em sợ ốm thì gầy và xấu — Nàng cười, Thành cũng phác một nụ cười.

Thành ngắm kỹ Liên, nàng hơi già hơn trước nhưng lớp phấn mỏng vẫn giữ cho làn da mặt trắng mịn. Đôi mắt Liên vẫn trong sáng dưới đôi lông mày được tô đậm bằng nét chì. Giữa lúc Thành sắp nói với Liên câu chuyện mà Thành định nói thì Thành chợt nhận thấy Liên có một chút gì thay đổi chưa phân tích được. Liên nhận xét việc Thành ngắm nàng bằng một cái nhìn đầy buồn. Người bồi bàn vừa mang thức ăn tới. Liên mở chiếc khăn ăn trao cho Thành rồi mở

khăn ăn cho mình. Nàng cảm ơn nói bằng một giọng thiếu bình tĩnh:

— Ngày mai thế nào anh cũng đến. Chắc thế nào anh cũng từ chối nhưng em không muốn vắng mặt anh.

Thành không ngờ Liên lại chọn dịp này, đề nhắc lại lời mời chàng dự đám cưới nàng.

— Thôi chúng ta ăn kéo dài.

Câu nói đầu tiên của Thành từ khi đi với Liên đến giờ tránh cho Thành một câu trả lời dứt khoát.

Mới ngày nào, Thành và Liên cùng ngồi bên mâm cỗ Tết, mẹ Liên gấp cho chàng đầy một bát thức ăn và cả cho Liên nữa:

— Các con ăn đi.

Ngày ấy Thành và Liên đã học hết lớp trường huyện nên ra tỉnh theo học trường Trung Học. Thành ở trọ nhà Liên. Mẹ Liên, người đàn bà thời cổ ấy, lấy chồng gánh vác giang sơn nhà chồng, thất vọng, buồn bực buồn bực tảo tần tảo tần được cho gia đình Liên một căn nhà ở tỉnh và mấy mẫu ruộng ở nhà quê. Thế rồi ngày «kháng chiến» chính bà đã dồn đốc con cháu phá căn nhà ấy bỏ tỉnh về làng chăm mấy mẫu ruộng. Có ngờ đâu bà lại chết vì mấy mẫu ruộng! Còn mẹ Thành thì chết bởi chàng còn nhỏ. Thành chỉ còn giữ được một hình ảnh về mẹ mình: những hôm trời mưa dầm, đường trơn như mỡ, mẹ Thành thu mình trong chiếc áo tơi lá, vác trên vai những quan tiền kẽm, bắm những ngón chân xuống mặt đường lầy và đi thoăn thoắt. Mẹ Thành đi chợ xa lắm.

Thành, ít có dịp liên tưởng đến gia đình. Đã có một dạo, Thành nhất định không nghĩ đến gia đình. Dạo ấy thành có một khẩu súng lục lớn và được chỉ huy mấy chục người có súng trường, súng máy. Ban đêm đi công đồn. Bên cạnh Thành có cả Liên đeo túi vải cứu thương mang dấu bông thập tự đỏ chói. Thành vẫn thấy cái bông thập tự ấy đẹp lắm. Thế rồi bây giờ gia đình chỉ còn là một danh từ, một kỷ niệm, những khuôn mặt thân yêu hoặc vùi dưới những nắm mộ cỏ mọc thưa thớt hoặc không ai biết ở đâu. Thành cố tìm hiểu ý nghĩa của những sự thật ấy nhưng không có một sự giải thích nào làm chàng thỏa mãn. Thành tự an ủi mình hãy còn ít tuổi qua, dù chàng đã ba mươi, để hiểu thấu việc đời mà những người già thường coi như một giấc mộng. Tuy vậy nhiều lúc, Thành cảm giận tới cực độ và muốn làm được một việc gì để thay đổi những điều làm chàng bất mãn. Rút cục Thành đang là một người thư kỹ cho một hãng buôn. Thành biết vì vậy cơn giận của mình càng lớn. Nhưng Thành không muốn từ bỏ sự cảm giận của mình, vì nó cho Thành còn muốn bám lấy đời sống.

Một người đến gần bàn chia chiếc mũ da cũ nát. Thành nhận ra người hát dạo vừa thổi những điệu kèn phi phở như không biết tới tiếng nhạc đang vọng ra từ chiếc máy phát thanh. Thành bỏ vào chiếc mũ ấy một đồng bạc. Một cử chỉ máy móc. Một người khác tới đưa

cho Liên một tấm danh thiếp, tự giới thiệu là một chiêm tinh gia, chuyên đoán chữ ký. Liên cầm bút ký tên mình. Thành nhìn Liên ký và nhận thấy nàng đã đổi chữ ký, kiểu chữ đều mới. Liên ném bút xuống bàn ngược nhìn người sắp đoán về nàng. Người ấy thông thả kéo ghế ngồi.

— Bà sinh ngày nào tháng nào giờ nào ?

Liên tỉnh quái :

— Ô hay tôi tưởng ông đoán chữ ký chứ có xem tử vi đâu mà hỏi ngày sinh tháng đẻ.

Hắn không trả lời thẳng câu hỏi :

— Xin bà viết cho tôi những con số mà bà thích.

Liên cũng chiều ý viết mấy con số. Hắn đoán :

— Bà là người hiền hậu, nhiều lòng thương người vì nét chữ bà mềm mại, góc chữ không gãy. Từ nhỏ tới giờ bà đã có ốm một lần rất nặng nhưng qua khỏi. Bà gặp nhiều khó khăn đau khổ nhưng bà can đảm nên vượt được hết.

Người đoán chữ ký hơi ngừng như muốn chờ đợi phản ứng của Liên. Nàng dục :

— Ông cứ nói tiếp đi.

— Bà thích số lẻ nhiều hơn số chẵn, như vậy mỗi khi mua xổ số nên chọn những số bắt đầu và tận cùng bằng số lẻ...

Liên có vẻ suốt ruột :

— Ông đoán cho tôi một điều gì đặc biệt nhất thôi.

Hắn nhìn sang Thành :

— Bà sẽ được hạnh phúc vì có một người yêu thương bà suốt đời...

Liên cười lớn, hỏi Thành :

— Ông ấy đoán có đúng không anh ?

Thành lần tránh khéo :

— Ông là chiêm tinh gia, tại sao lại đoán chữ ký ?

Liên trả tiền. Bữa ăn lại tiếp tục lặng lẽ tới khi hai người rời tiệm.

Thành thoáng có một quyết định mới, bảo Liên :

— Em ra hiệu sách gần đây mua cho anh một vài thứ cần dùng.

Liên bước theo Thành, tiếng gót giày của nàng gõ xuống bờ hè kêu lách cách.

Buổi trưa hiệu sách đóng cửa, Thành phải nản nỉ mới mua được mấy « tube » sơn màu. Thành hết đồ vẽ từ nửa tháng nay mà chưa có tiền mua. Liên mở ví, mùi nước hoa và phấn bay thơm nức, lấy tiền trả qua mắt cáo cửa sắt.

Thành kéo Liên đi trong ngạc nhiên :

— Bây giờ anh muốn em về nhà anh.

Liên ngoan ngoãn như một đứa nhỏ. Ít khi nàng trái ý Thành. Một chiếc xe « taxi » cặp sát lề đường, cánh cửa xe mở sẵn. Thành ngồi

cạnh Liên, hai vai sát nhau, tóc Liên tỏa xuống mặt Thành. Chiếc xe rồ máy lắc lư đưa hai người ra khỏi thành phố chạy về miền ngoại ô.

Liên nhìn đồng sách báo vút đầy bàn và dưới nền nhà. Một chiếc giường cũ kỹ đầy bụi. Tranh vẽ treo khắp tường, xếp đồng ở một góc nhà.

— Trời ơi nhà anh đây à ? Em mà ở nhà thế này thì đến chết mất ! Sao anh «nghệ sĩ» thế ?

Liên dẫn giọng ở hai tiếng nghệ sĩ.

Thành không muốn bị làm lẫn với cái «mốt» giả làm nghệ sĩ của một số người và Thành khó chịu cả với những người không phân biệt nổi ở đời này những thứ thật với thứ giả. Thành định bảo cho Liên biết rằng sự bề bộn này không phải là cố ý xếp đặt nhưng chỉ vì chàng không còn đủ thì giờ dành cho việc chăm nom nâng niu bản thân mình, nhà cửa mình thật kỹ lưỡng. Nhưng rồi Thành lại thôi, chàng thương Liên, nàng đã xa Thành quá rồi.

Thành cúi húi xếp giá vẽ. Liên reo lên :

— A... anh có đĩa hát lại cả «Tourne-disques» nữa. Có bài «Que Sera Sera» hay «Fontaine des amours» không anh ?

Thành không trả lời vì Liên đã tìm thấy câu trả lời ấy khi nàng mở hộp đĩa hát của Thành. Giọng Liên vui :

— Thôi nghe tạm mấy đĩa cổ này, hôm nào em cho anh mượn bộ đĩa của em, đủ để mở «bal» suốt đêm.

Thành chỉ chiếc ghế đã long mòng, trên thành ghế còn vắt mấy chiếc áo cũ :

— Em ngồi xuống đó và nhìn về phía anh.

Thành nảy ra ý định vẽ cho Liên một bức chân dung để tặng nàng làm quà cưới. Chắc Liên chưa đoán được ý định ấy.

Liên ngồi xuống ghế, hai tay buông thõng. Không vừa ý nàng ngồi xoay lại, hai tay để trên thành ghế, đỡ cằm. Liên nhìn Thành tươi cười :

— Anh có vẽ em thì vẽ cho đẹp, đừng vẽ như lối mới bây giờ em trông nó làm sao ấy, mặt người cứ như ma !

Thành một lần muốn chiều ý Liên. Trên nền vải trắng, Thành ghi hình ảnh Liên bằng những đường nét mềm mại, lượn những màu tươi tắn. Liên đẹp lắm. Mái tóc, cặp mắt, đôi môi nàng có những quyến rũ của một bức ảnh màu.

Nhìn khuôn mặt Liên rồi nhìn vào bức họa, Thành không hiểu sao mình bức tức. Cả hai đều không giống Liên mà Thành vẫn giữ hình ảnh trong ký ức. Liên những ngày cùng sống bên Thành, từ khi còn ở nhà quê rồi ra tỉnh và chiến tranh cho đến khi gặp lại nhau trong một chuyến tàu di cư. Thành lấy dao cạo sạch bức tranh vừa vẽ. Chàng vẽ lại. Phải tìm cho được Liên của chàng ở sau những bề ngoài lừa dối kia, sau màu phấn, sau hình tóc, một Liên không phụ thuộc vào thời

gian và hoàn cảnh.

Nét bút của Thành hồ xuống giá vẽ như những nhát dao. Màu sơn sa sẫm giận dữ quẩn quại. Thành dùng màu như máu chảy, tay chàng bóp các «tube» sơn tường nát ra. Thành thấy hình Liên hiện dần dần trên khung vải và trên ghế, Liên bỗng đại hân đi như mất hồn. Thành đã nhìn bằng hai thứ ánh sáng : một thứ ánh sáng của mặt trời đưa Thành bắt gặp Liên ngồi trên ghế và một thứ ánh sáng của tâm tư, của tin tưởng cấu tạo nên bức chân dung.

Liên mỗi một dục Thành :

— Xong chưa anh, em mỗi lắm rồi.

Tuy chưa xong hẳn nhưng Thành cũng vẫn nói :

— Thôi xong rồi, em đứng dậy cho đỡ mỏi. Liên xách ghế ngồi lại xem Thành vẽ, giữa lúc Thành đang sửa đôi mắt. Thành nghiêng đầu ngẫm nghía. Thành lúc nào cũng thấy rõ tâm hồn ấy. Thành rất bằng lòng bức họa của mình. Chàng đặt bút ký tên.

Bỗng Thành nghe tiếng nấc. Liên gục đầu trên vai Thành khóc nức nở. Tiếng Liên như vang lại từ một dĩ vãng thật xa :

— Anh cho em bức họa này. Thôi ngày mai em không muốn...

Giọng nàng nghẹn ngào, đoạn cuối câu nói mất đi không nghe rõ. Thành cũng muốn khóc. Vì từ lâu chàng biết rằng cả hai người đã mất đi những thứ không tìm thấy trở lại được. Nhưng Thành lấy lại bình tĩnh ký xong tên mình, tin rằng mình vừa hoàn thành một tác phẩm và tưởng như đã nói hết với Liên những điều Thành vẫn giữ trong thâm tâm.

Liên khóc, những hình ảnh trên các bức họa trong căn nhà ăm thấp và tối tăm tưởng chừng như đang cử động.

TRẦN THANH HIỆP

HƯƠNG NHÂN LOẠI

DOÃN QUỐC SỸ

TH UỞ còn con gái chị là một cô gái cảm cung, đúng là một cô gái cảm cung. Chị vẫn thường nhắc điều này với tất cả các bè bạn thân tình. Những ngày học chị tự nhà (phố Hàng Vôi) đi thẳng đến trường Đồng Khánh (Đại lộ Đồng Khánh), rồi tan học, vẫn lộ trình đó ngược chiều mà về. Lúc đi cũng như lúc về không cả ngoái cổ lại ! Ngày nghỉ chị về trại — trại của đại gia đình họ Lê — ở Thái Hà Ấp, một khu trại rộng, rộng lắm ! Ngày nay ôn lại trong trí, chị cũng chỉ biết nói thế chứ không sao ước lượng được diện tích nơi đó là bao nhiêu mẫu vuông. Xung quanh trại giống tre, ôi chao, có những bụi tre già cao, thật là cao, thân tre đã ngả màu vàng, lá tre màu úa xám, trông cả bụi tre như con sư tử già ngồi đó nghênh ngang với thời gian. Bên trong lũy tre là dinh cơ của gia đình chị cùng những dinh cơ khác của các chú, các bác. Dân chúng quanh vùng vẫn quen gọi nơi này : trại của gia đình họ Lê. Từ phía Hà nội về trại, chị phải đi thuyền qua một cái đầm vừa dài vừa rộng mà dân hàng ấp vẫn gọi là sông Ấp. Mỗi lần xuống thuyền sang sông chị có cảm tưởng như xuống thuyền tế độ sang đất Phật vì bao bụi bậm, bao âm thanh gọn đục của máy móc, bao ưu tư — người nào mà chẳng có ưu tư — đều ở cả bên này sông, phía Hà nội. Một khi từ bến thuyền lên bờ và đi vào bóng tre, rõ ràng là chị đi vào thế giới khác, một thế giới thần tiên, cảnh hiền hòa, người hiền hòa. Dinh cơ của gia đình chị cũng như các dinh cơ khác của chú bác đều giống rất nhiều hoa, hai bên lối vào giống hoa mào gà đỏ tươi rồi bên trong là hồng, thược dược, cúc... Ông cụ thân sinh ra chị, người rất hiếu khách, mâm cơm gia đình thường ngày nào cũng có hai hay ba người khách, rất vui vẻ. Rồi hôm vắng khách, ông cụ được dịp ôn lại mọi điểm sơ suất đã qua đem ra hạch mắng vợ con, thành ra cả nhà ai nấy mong ngày nào cũng có khách. Mẹ chị thương chị lắm đã đành, nhưng hình ảnh ăn sâu vào tâm khảm chị nhất là hình ảnh bà nội. Tóc cụ bạc phơ, mắt đã kém, nhưng da thì hồng hào. Cụ chỉ mong chóng đến ngày chủ nhật hay ngày lễ để các con cháu về trại. Về tới ngõ chị chạy một mạch tới cụ tựa hồ chạy theo sức hút của nụ cười, nụ cười biết bao là thương mến hiền từ nở trên môi cụ. Chị tưởng như bà nội mình đã già như thế tự lâu rồi và cũng tự lâu rồi cụ ngồi như thế để đón con cháu tự bên kia thị thành gió bụi trở về. Ngoài ra còn một hình ảnh thứ hai cũng trung hậu như thế nhưng đượm vẻ trang trọng ngộ nghĩnh : đó là ông chú, gia đình vẫn gọi là chú Huyện. Ông đỗ cử nhân tại trường thi Nam Định năm Duy Tân thứ ba (1909).

Được bổ tri huyện Đông Yên (Hưng Yên) rồi Kim Sơn (Ninh Bình) nhưng ông ít để tâm vào công việc hành chính, cả cuộc đời ông ngợp trong một đam mê duy nhất : địa lý. Bước vào cảnh trí nào ông cũng cố soi mói tìm kiếm đâu là con Mộc, đâu là con Hỏa... đâu là huyết chính, đâu là huyết phụ... Trong thời gian trị nhậm ở Kim Sơn đã biết bao lần ông đi tới cầu Hàm Rồng, ra đứng giữa cầu nhìn xuống dòng sông Mã thăm thăm bên dưới với một chủ tâm thiết tha là vạn hạnh gặp khi dòng nước bên dưới xoáy cuộn thành một vùng trũng lớn — đó là lúc thần long há miệng — Ông sẽ lao đầu xuống tự táng sống trong miệng rồng cho con cháu đời đời vinh hiển. Nhưng việc thần long há miệng là một việc thiên tải nhất thì, ông nghĩ có lẽ mình còn bạc phước chưa thể gặp lúc đó được. Rồi ông từ quan trở về sống ở trại của đại gia đình họ Lê nhưng luôn luôn đi đây đi đó tìm những huyết tốt chuẩn bị mai táng cho những người thân trong gia đình và cho chính ông nữa. Việc quan trọng mà ông thúc dục mọi người phải thực hiện bằng được là mua trước một áo quan bằng gỗ vàng tâm cực tốt và những phiến đá có chạm những hình nổi để xây lăng mộ sau này.

Trở lại chuyện của chị, mỗi khi về Thái Hà ấp nói chuyện với bà nội xong chị thường tới lui quanh đấy thăm các ông chú, bà bác, các anh em, chị em. Tất cả mọi người niềm nở quý mến chị, chị như ngã từ bàn tay thương yêu này sang bàn tay thương yêu khác. Có lẽ vì vậy chị càng ngày càng đẹp càng hiền. Dời khỏi nhà các chú, bác, chị đi thơ thẩn bên bờ ao, dưới gốc dừa hay dưới bóng tre, hơi mát thăm thăm của nước, quện với hơi mát thơm nhẹ của lá cây rồi choàn lấy chị thành một tấm áo khoác vô hình dệt bằng tình thương yêu đặc biệt của thiên nhiên.

Về mùa thu chị ra ngồi bên bờ ao, ngay dưới gốc muồng để mặc cho lá muồng nhỏ như vàng diệp vụn lẫn tăn rụng xuống quanh người chạm phải má phải tay, vương trên vai trên tóc. Chị lắng nghe thấy lòng mình rộng rãi nhưng trống trải buồn buồn. (Về sau này, khi đã từng trải nhiều trên đường đời, thỉnh thoảng chị vẫn chợt buồn êm ả để thấy mình trở thành trẻ thơ như vậy).

Vì rất giàu tình cảm nên ở bài học khô khan nhất chị cũng gọi được lên trong lòng một hình ảnh gì.

Chị học sử thời trung cổ Pháp : «Sau khi đại đế Charlemagne chết (814), con là Louis bất tài nên đế quốc bị xâu xé và phân chia làm ba : một hoàng thân chiếm phần đất phía Đông sông Rhin tức nước Đức sau này ; hoàng thân thứ hai chiếm phần đất phía Tây gồm các sông Escant, Meuse, Saône, Rhône tức nước Pháp sau này ; hoàng thân thứ ba chiếm khoảng giữa tức gồm cả nước Ý sau này.»

Học đến đây chị ngồi lặng và thấy trong tưởng tượng hình ảnh một cô gái tóc màu hạt dẻ, bất chấp cảnh loạn ly vương quốc phân chia

đi từ địa phận nước Ý ngày nay vượt rặng Alpes, qua sông Rhône, qua rặng Jura để sang gặp người yêu tóc vàng đứng đợi nàng bên bờ sông Rhin.

Ngày chị đỗ tú tài chị cũng chạy từ ngõ vào báo tin mừng với bà nội và chị không quên được cảm giác vừa êm đềm vừa hân hoan khi được bà nội ôm lấy chị và vỗ vỗ lên vai âu yếm gọi chị là « cô Tú ».

Chị lại sang báo tin đó với chú Huyện. Bằng một giọng vô cùng trịnh trọng chú nói với chị :

— Máy còn đồ cao nữa con ạ, ngôi mộ tiếp phúc cụ từ đại đối với chú và ngũ đại đối với máy ở cánh đồng làng Tả Hà Đông đặc địa. Tả thanh long, hữu bạch hổ ! Phía Đông tay long thật là dài nhưng bị con sông máng xiên chéo vào một chút nên con giai chỉ nhà tuy vẫn làm nền đất mà có đôi phần chật vật, đến tay hồ phía Tây thì đẹp hoàn toàn ; máy còn đồ cao nữa con ạ !

Rồi tất cả ông chú bà bác trong trại cũng gọi chị là cô Tú. Ông anh họ chế :

Ai đi chợ Ấp qua sông

Hỏi thăm cô Tú có chồng hay chưa.

Chị thoát cười ngượng ngập, sau chị cũng liêu liếm mà đáp đùa :

Có chồng năm xưa năm xưa,

Năm nay chồng bỏ nên chưa có chồng

Ngay năm đó chị lấy chồng, một nhà luật học xuất chúng. Mỗi khi cùng chồng về trại tới ngõ chị vẫn chạy một mạch tới bà nội trước : cụ vẫn ngồi như thế để đón các con cháu ở bên kia thị thành về. Năm đó bà nội yếu lắm, cụ biết trước từ nửa năm là cụ sẽ chết. Giờ hấp hối của cụ, có chị ngồi bên.

Bà di cúi xuống nói với cụ :

— Tất cả mọi việc tang ma chúng con đã chuẩn bị đầy đủ như ý cụ đấy, cụ có dặn gì thêm không ?

Cụ hơi mỉm cười tỏ vẻ hài lòng. Chị cúi xuống mắt rơm rớm hỏi thêm một lần :

— Bà có còn dặn gì nữa không ?

Chị thấy bà nội thu hết tàn lực để nói một tiếng cuối cùng :

— Thôi... ô... ỉ... ỉ.

Tiếng «thôi» như không phải thốt ra ở miệng cụ mà là vắng tới tự một thế giới nào. Rồi cụ chết. Rất bình thản ! Nụ cười chờ đón con cháu còn phảng phất trên môi. Chị không khóc nữa vì cảm thấy bà nội với nụ cười hiền hậu của người trở vào sống vĩnh viễn trong lòng chị.

Một năm sau thầy chị mất.

Việc phân kim để mả cho bà nội cũng như cho thầy chị lẽ cố nhiên do chú Huyện phụ trách với tất cả vẻ thành kính của ông. Chị thương mẹ từ đấy một mình thui thui trong đình cơ rộng của gia đình. Ông

anh chị qua Pháp học từ lâu đã thành tài mà không chịu về ; còn chị, chị phải theo chồng vào Trung rồi vào Nam. Thoạt đầu là những ngày giàu sang rực rỡ nhưng sau chồng chị có tham gia hội kín chống thực dân, việc bại lộ phải trốn đi nước ngoài. Chị một mình ở lại nuôi đứa con gái đầu lòng và phải đến ở nhờ trại của gia đình một người bạn thân, trại này gần rừng Tây ninh bên bờ sông Vàm-cổ-đông, cảnh trí nhắc nhở lại một phần nào « trại của đại gia đình họ Lê ». Có những hôm mây bay thật thấp như sà xuống dòng sông, như lùa vào hồn chị. Hình ảnh bà nội với nụ cười hiền hậu hiện lên khiến những sầu mộng lo âu của cuộc đời bỗng thoáng qua như gió hè; chị thấy tâm hồn trong suốt như con sông Ấp về mùa thu, gió thu thổi làm say rộn lòng người nhưng lại làm lắng các dòng sông ; chị nhớ những bụi tre già cổ kính rất hiền lành trong những trưa hè nắng gắt, rất thơ mộng trong những đêm trăng sáng và rất bí hiểm — thứ bí hiểm chờ che giấu giữ — trong những đêm đông không trăng sao, gió rít từng hồi. Tất cả những hình ảnh đó, những kỷ niệm đó vây bọc lấy chị như từng lớp không khí vây bọc lấy trái đất để giữ sự sống nơi đây và ngăn giữ những lực lượng phá hoại từ bên ngoài vũ trụ vào.

Chị đi dạy học, kiếm thêm tiền giữ vững mực sống cho con. Chị nhìn nụ cười của con như nụ cười của hy vọng, như nụ cười của tương lai.

Chính quyền thực dân chấm dứt, chị được gặp chồng, nhưng sự tranh chấp địa vị cũng ảnh hưởng của các đảng phái diễn ra dưới một vẻ khác không kém khốc liệt và còn chua xót gấp bội vì là cảnh cốt nhục tương tàn trong lặng lẽ, trong nham hiểm.

Một buổi trưa thẳng Nam, phó trưởng lớp hốt hoảng chạy đến báo tin với chị :

— Thưa cô thẳng Tiến chết rồi.

Tiến là tên trưởng lớp. Chị hỏi :

— Chết chưa, sao Tiến chết ? Buổi học ban sáng Tiến có đi học mà.

— Thưa cô nó bị bắn, nó bị xử tử, nó phản đảng.

Ồi chao nói chỉ những câu to chuyện, xử chỉ quá tàn ác với một tên học sinh còn vị thành niên ?

Tội nghiệp thẳng Nam mặt xanh như chàm đồ, đỉnh đầu nó có một ụ lớn. Thoạt chị tưởng nó bị vỡ đầu phải rịt thuốc dấu, té ra đó là óc thẳng Tiến bắn tóe tung sang.

Rồi những cảnh đêm hôm cướp bóc, có người chỉ giắt trăm bạc trong mình mà bị uổng mạng. Đàn gà năm chục con của chị bị chúng bắt giữa ban ngày mà không dám pòl gì.

Rồi tiếp tục những tin người này bị xử tử ngay trong ngục, người kia bị xử tử ven rừng hoặc vì tội trái lệnh đảng, hoặc vì tội rắp tâm ở hai lòng. Tất cả những sự giết tróc ghê gớm và công khai đó đều nhân

đanh tở quốc và công lý mà làm.

Hoàn cảnh có hẫi hùng, chị có gầy đi nhiều và già đi nhiều hơn nữa nhưng trí lực rõ ràng không hề bị mòn mỏi, chị như thường xuyên được tiếp tế sinh lực bằng nụ cười bất tuyệt của bà nội, cùng bóng mát của lũy tre ấp, hơi mát của dòng sông Ấp. Những hình ảnh đó đã thiết lập vĩnh cửu trong hồn chị để trở thành linh hồn của linh hồn chị.

Nghe lời chồng, chị mang con về Bắc. Chị được gặp lại mẹ. Bà cụ khóc từ trường bay về tới Thái Hà Ấp chỉ vì thấy con gái đen, già, xấu đi.

Đó là vào khoảng giữa năm 1953.

Một tháng sau có tin đảng của chồng chị thắng thế, anh sửa soạn sang Pháp công cán chừng một năm. Biết chị thương thờ than về việc trước đây theo đại học dở dang, anh viết thư hỏi chị có muốn cùng sang Âu-châu tiếp tục việc học? Mẹ khuyên chị nên đi Âu châu ngay cho... lại người (cụ không chú trọng đến việc học), đưa con để lại cụ nuôi. Thế là chị đi Âu-châu cùng chồng, thoát ở Pháp ít lâu rồi sửa soạn giấy tờ sang Luân đôn một mình. Trước khi đặt chân vào nước Anh chị phải mở một ngân khoản tại nhà băng Luân đôn y như phải đặt tiền cược trước; chị phải ký giấy không được làm việc gì kiếm ra lương tại nước Anh (trừ việc trông con thuê, các bạm bảo chị thế); chị được báo cho biết trước trong ba năm chỉ được vào và ra nước Anh một lần. . . . Quen nếp sống cởi mở ở nước nhà rồi ở Pháp, chị thoát khó chịu trong lòng nhưng vẫn giữ được bề ngoài bình thản, rất bình thản. Chị ghi tên vào Davie's School theo học ban văn chương. Trong một trò chơi viết giấy kín nặc danh, đã có bạn đồng học ghi về chị: Mrs Placid (Bà Bình thản).

Chẳng bao lâu mãi miết với văn bài chị cũng quên khuấy những bực rọc nhỏ đó. Đắm mình trong thế giới văn chương tâm hồn chị rung lên một hòa điệu nhẹ nhàng mà thanh khiết. Chị tiếc là mình đã khám phá ra mình hơi muộn. Dù sao — chị nghĩ — muộn còn hơn không.

Chị học cùng lớp với một bà hoàng Đông phương. Đã xa rồi những ngày phong trần, cô độc, kính hoàng, ngày nay chị khôi phục lại sắc đẹp thuở trước, thuở:

Ai đi chợ Ấp qua sông

Hỏi thăm cô Tú có chồng hay chưa.

chị đẹp mười mà hơn bà Hoàng, chị còn phóng khoáng, thành thoi, hồn nhiên hơn vì không bị tù trong hàng rào vương giả.

Trong chương trình học chị đặc biệt chú ý đến giai đoạn hoàng kim của nữ sĩ Anh dưới triều đại Victoria, thế kỷ XIX. Chị mến George Elliot vì bà đã khéo dạy cho thế nhân thấy rằng những tâm hồn bé nhỏ, thấp kém cũng xôn xao vì yêu đương, cũng khổ đau vì suy nghĩ. Đọc văn Elliot chị cảm thấy gần gũi và tình thương như mở rộng để đón toàn thể nhân loại. Chị là người đàn bà Việt nam chừng mực, trong sáng

nhưng chị có thừa trực giác bén nhạy của người Việt để thông cảm những đam mê cuồng nhiệt tàn phá những tâm hồn đàn bà đã tự buông mình vào vực thăm tình ái dưới ngòi bút của Emily và Charlotte Brontë. Chị rõ ràng thấy mình cũng đã cảm ưa đòi hỏi công bằng xã hội, cũng yêu chồng yêu trẻ thơ như nữ sĩ Elizabeth Barrett Browning, cũng muốn cùng Christiane Rossetti vươn lên cõi cao cả của Đạo Đức của Trong Sạch. Chị đã cùng các bạn đi Stratford-on-Avon xem kịch Shakespeare, những vở kịch dưới hình thức quái đản mà sao thấm thiết tình người. Học hết chương trình chị suy nghĩ thấy mặc dầu thế sự phũ phàng chị vẫn có thể chiếm lĩnh vĩnh cửu dòng đời bằng cách giữ cho tâm hồn trong trẻo như dòng sông Ấp, thanh bình đơn giản như bóng tre lấp và hiền hòa như bà nội già không biết tự thuở nào, suốt đời ngồi bên cửa đợi con cháu. Niềm vui như làm ấm lòng chị, mặc dầu trời đã về chiều khá lạnh chị cũng ra ngã sáu Piccadilly Circus ngồi quay lưng vào tượng Eros xem người và xe cộ đi lại như mắc cửi, cũng là nhìn những tấm biển quảng cáo làm bằng đèn nê-ông ngũ sắc sáng rực cả ba mặt phố ngã sáu. Tình cờ chị ngồi bên một thiếu nữ Anh. Nàng là nữ tài tử của một đoàn ca vũ nổi tiếng đã từng biểu diễn tại hầu hết các kinh đô lớn Âu Á. Khuôn mặt nàng hiền dịu khiến chị liên tưởng đến những vần thơ của Elizabeth Barrett. Nàng thủ thỉ nói với chị : « Tôi đã đi gần khắp thế giới tôi thấy người ở đâu cũng giống nhau, cũng những tình cảm ấy : tình cha con, tình gia đình, tình vợ chồng . . . ». Chị gật đầu biểu đồng tình rồi dịch cho cô bạn đó nghe câu thơ bất hủ của Nguyễn Trãi viết từ tiền bán thế kỷ thứ 15 : « Cũng nhân tâm ấy, há thiên lý nào ». Và khi một mình trên đường về chị đã nhẩm đọc mấy lời thơ của Elizabeth Barrett :

« Thiếp yêu chàng với lòng yêu tha thiết mà thiếp gửi theo những kẻ thân yêu đã khuất bóng

« Thiếp yêu chàng bằng hơi thở, bằng những nụ cười, bằng những giọt lệ của cả đời thiếp.

« Và dùng với ý Thượng đế thì sau khi chết thiếp sẽ yêu chàng hơn nữa. »

Chị đọc những câu thơ trên rất khề, trêu mếu như đọc thơ của chính mình và trong càng thăm tâm hồn chị thấy rằng chữ « chàng » kia không phải chỉ riêng chồng chị mà chỉ chung cả quê hương với biết bao hình bóng thân yêu.

« Thiếp yêu chàng bằng hơi thở, bằng những nụ cười, bằng những giọt lệ của cả đời thiếp ! »

« I love thee with the breath, smiles, tears of all my life. »

Về tới phòng trọ chị nhận được thư của chồng tự nước nhà gửi tới. Tình hình chính trị lại một phen thay bậc đổi ngôi. Chồng chị hoàn toàn đoạn tuyệt với chính giới, trở về nghề luật sư. Con gái chị đã được bà ngoại mang vào Nam cùng với làn sóng người di cư. Chị cho đó đều

là những tin vui. Ba tháng sau thi đỗ, chị trở lại Ba-lê đợi ngày về nước sum họp với mẹ, với con, với chồng.

Trong khi chờ đợi chị có dịp đọc mấy tác phẩm của mấy vị « giáo chủ » phái Duy sinh. Chị hăm hăm tự hỏi :

— Có thực cuộc đời bí quan đến thế ?

— Có thực hiện phận của con người và của thế giới là vô lý, buồn nôn và phiền não ?

— Có thực cuộc sống phôi trăn chỉ là những khối ký quái, nhão nhoét, hỗn độn, trần trụi ?

— Có thực là con người hăm hực với nhau, khinh ghét nhau, ghê tởm nhau đến nỗi đi tới kết luận : « Địa ngục chính là những kẻ khác..., đao phủ thủ chính là mỗi người trong chúng ta đối với nhau ? »

Không, tâm hồn chị đã bắt rễ để được nuôi nấng tự quê hương với dòng sông, với con thuyền, với bóng tre, với bà nội....cuộc đời—ít nhất là với chị — không thể thế được ! Chị nhớ lại lời chồng trước đây khi phê bình về khía cạnh không hay của văn minh Tây phương :

— « Nơi đây người đã nô lệ cho cái đo mình phát sinh : máy móc ! Rồi người lại kiêu hãnh dùng cái nó nô lệ mình là máy móc để nô lệ kẻ khác ! »

Cuộc đời ở đây buồn nôn vì thế chăng ? Dầu sao những tác phẩm kia đối với chị chỉ là cách nhìn trẻ sơ tọc làm tâm, cách làm trò quý thuật bằng lời. Dùng nó làm phương tiện giải trí chốc lát thì được, quả chuối lạ mà coi đó làm của báu tức là nhìn một thớ cây mà quên rừng, nhìn sự vận chuyển của một tế bào mà quên cả cuộc sống hỗn nhiên, toàn diện, cụ thể.

Chị đã bỏ lăn lóc mấy cuốn sách đó trên lò sưởi như lứa trẻ chán xem trò xiếc và nhớ sữa mẹ. Quả vậy, với chị cuộc đời tầm thường đầy nhưng lại phi thường đầy y như cảnh con bú sữa mẹ.

Bỏ xem « trò xiếc bằng lời » chị theo người quen về một vùng quê thuộc Ville-neuve-sur-fère cách Ba-lê chừng 30 cây số. Mùa thu ở đây sao mà đẹp, lá đỏ rực lẫn với màu tảo chín.

Cuộc đời đâu có buồn nôn ?

Chị gặp một cô gái má đỏ hồng đẩy xe cho con đi chơi, đưa con không chồng mà có. Mấy bà đứng tuổi âu yếm xoa má, vuốt tóc đứa bé và hỏi đùa người mẹ trẻ : « Thế nào anh ấy vẫn mạnh chứ ? » rồi cả đôi bên cùng cười xuê xoa.

Người đâu có nhất thiết tạo thành địa ngục cho nhau, nhất thiết là, đao phủ thủ của nhau ?

Một tháng sau chị lên máy bay về nước. Mẹ ra tận sân bay đón chị và ôm chị y như bà nội đã ôm chị dạo nào chị vừa đổ tú tài. Đứa con gái chị chóng lớn trông thấy ; khối phải nói nó mừng được gặp chị như thế nào. Rồi lòng chị rung rung chăm chú ngắm mẹ bước đi trước, một

tay của chị chồng nắm lấy còn tay kia chị giơ ra nắm đất đưa con.

Chị trở về nghề dạy học.

Vừa gần hết hè chị nhận được tin buồn : ông chủ — chú Huyện — ở lại ngoài Bắc đã bị mang đi đấu tố ở một nơi xa. Họ không tổ chức đấu tố ở ngay ấp vì gần Hà nội quá. Chiếc áo quan bằng gỗ vàng tâm của ông bị phá làm bàn học bình dân học vụ, những phiến đá dự định xây quanh mã bị khiêng ra đặt vào những quãng đường lộn...

Vừa dịp chồng chị phải lên Ban Mê Thuột giải một vụ hình tại tòa án độ nhất cấp. Chị đã lên xe hơi cùng chồng trong chuyến đi đó để khuấy khỏa nỗi lòng.

Suốt dọc đường Saigon — Ban Mê Thuột mỗi khi ngừng nói chuyện với chồng chị lại suy nghĩ về ông chủ vừa bị Cộng sản dùng « nhân dân » hành xử. Chị nghĩ đến chuyện xưa mấy lần ông ra giữa cầu Hàm Rồng sẵn sàng nhảy xuống, ông sẵn sàng hy sinh cho sự thành đạt của con cháu. Nội dung của niềm tin có thể thay đổi tùy nơi chốn, tùy thời đại nhưng thái độ tin ngộ nghĩnh, hồn nhiên, chân thành đó ở vào thời đại nào và ở bất cứ đâu cũng là đáng quý. Chị tin rằng với những vẻ đẹp đó của tâm hồn, cái chết chỉ là một biến chuyển ảo hóa. Cộng sản giết được ông chủ chị, nhưng chắc chắn không giết được ước nguyện hy sinh cho con cháu của ông. Cộng sản phá quan tài của ông làm bàn học, quăng những phiến đá xây mộ của ông ra chỗ lộn nhưng không hủy được nấm mộ thật đẹp với những phiến đá chạm hình nổi uy nghi do ông đã tự xây bằng khát vọng trong bao nhiêu năm thuở sinh thời. Chú Huyện, cũng như bà nội, cũng như thầy chị, cũng như muôn vạn vẻ đẹp tương tự không chết. Trong thế giới tâm linh huyền diệu của nhân loại những vẻ đẹp đó như đã từng tồn tại từ một quá khứ với với nào và còn tồn tại mãi với thời gian lang thang bất tận để biến thành những lớp sóng dạt dào của kỷ niệm.

Ngủ ở Ban Mê Thuột, sáng sớm hôm sau chị nghe có tiếng ồn ào bên trại lính : thi ra đêm hôm qua có con rắn lớn ở ven rừng bò vào nằm dưới một chiếc jeep, thầy cai trông thấy, lẳng lặng lên mở máy cho bánh sau cán lên giữa khúc rắn, các bạn đồng đội của thầy chỉ việc kiếm dây đập nát đầu rắn. Câu chuyện xôn xao được một lúc buổi sáng rồi dòng đời nơi đây lại thân nhiên trôi qua với tiếng cười đùa của sĩ quan, của binh lính, với tiếng máy xe jeep, xe GMC nổ ròn rảng, với mùi ết săng khét nồng... Cái chết của con rắn (cũng như cái chết của biết bao kẻ bất nhân khác trên cõi đời) chẳng còn để lại một tiếng vang nào khác trong lòng người. Sự kiện thật tầm thường này xảy ra đúng lúc đã giúp chị khám phá được lẽ huyền diệu của sinh tử. Tâm hồn chị mở rộng ra và vững trãi hơn nhiều.

Công việc biện hộ tại tòa án xong ngay buổi sáng hôm ấy. Buổi chiều chị theo chồng lên xe đi thăm một người bạn đại úy tiểu đoàn

trưởng ở cách Bàn-mê-thuột năm cây số trên con đường vào hồ Lạc Thiện. Câu chuyện bằng hữu hàn huyên mãi đến hai giờ sau chị mới có thì giờ ra ngắm địa điểm quanh vùng.

Đại bản doanh đóng ngay trên đỉnh một ngọn đồi mà người dân quanh vùng lấy ngay tên của tiểu đoàn để gọi : «ngọn đồi tiểu đoàn 5». Ngay trước mặt chị là khoảng rừng cổ cao tới ngang ngực. Khoảng rừng cổ đó mắt hút ngay vào cả khoảng rừng mênh mông tròn vện bao trùm lên các đồi đất miền Cao nguyên này. Đây đó trên các sườn đồi thoải thoải từng đám rất rộng những bông cúc rừng đua nở, từng bông như hình bông thược dược nhưng cánh hoa vàng ươm. Chính thứ cúc đại mộc khắp các nẻo cao nguyên vào đạo này làm thành một màu sắc mùa thu ít nơi rõ rệt bằng. Chị được một người lính cho biết thứ cây đó lại là món ăn ưa thích của loài nai nên ngay từ chập tối ở trại lính này đã có thể nghe thấy tiếng nai kêu. Chị ngừng nhìn vòm trời : một màu vàng tia bao la như đương muốn sà xuống ôm gọn lấy cả vùng rừng cao nguyên. Chị theo dõi một bóng mây hiền trôi về phía mặt trời lặn đẹp một vẻ đẹp hoang vu mà huy hoàng.

Khoảng rừng thấp chạy dài theo dòng suối dưới thung lũng bắt đầu chìm dần vào màu sương bạc và con đường mòn đất đỏ vắt qua lưng đồi cao gần đấy chỉ còn là một nét quanh co mơ hồ.

Đã có tiếng nai kêu thì phải. Ánh hồng lưu luyến trên đỉnh trời tự xóa nhòa trong cái thăm thẳm của vũ trụ như một ý niệm về hỷ xả. Trong ánh chiều chạng vạng, đỉnh đồi chị đương đứng như cao lên khiến tay chị có thể với chạm sao. Gió chiều thổi lộng và chị nghĩ rằng tóc chị giờ đây đương phơ phất cùng một nhịp với mái tóc cỏ hoa của trái đất trống nhịp đi hải hà của vũ trụ. Trong giây phút thần kỳ đó chị bỗng thấy mình đẹp tuyệt vời vì tâm hồn đã qui tụ được vào điểm khởi đầu của vũ trụ y như chú Huyền đã gặp được lúc thần long há miệng để lao mình xuống dòng sông Mã. Phải, tâm hồn chị đã qui tụ được vào điểm khởi đầu của vũ trụ, rồi tự điểm nguyên thủy đó hương nhân loại lâng lâng tỏa ra bốn phương tám hướng vô cùng với không gian, vô tận với thời gian.

Chị nghĩ rằng kể từ đây chị sẽ đẹp mãi mãi.

DOÃN QUỐC SỸ

ĐIỆU NHẠC TẮT ĐÈN

Trong bóng tối buồn như màu tóc rụng
của điệu-nhạc-tắt-đèn
lần đầu tiên tôi thở

bằng hơi em

lần đầu tiên tôi ngã mình trên những vì sao đã chết
gặp nhau trong vũ phiêu vo tròn
lòng trao trắng giải rộng
bước chân hút lấy bước chân
theo điệu-nhạc-tắt-đèn
theo tiếng kèn van nài vài ly rượu mạnh
theo tiếng khóc đâm chồi từ đáy phổi rướn lên
người nhạc sĩ oằn mình
nhắm mắt
lần đầu tiên
khắp ngực tôi rồn chảy nhịp tim em
bóng tối nửa vời quay lưng ra ánh sáng

Gặp nhau cho lạnh tê vũng nhạc
cho hàng mi không ngăn nổi mắt nhìn nhau
cho đôi môi gọt mòn từng mức rượu
cho tôi nói
và cho em không hiểu
— hay hiểu rồi nhưng cố ý làm ngơ? —
để tôi chiêm bao ngấm trọn một bài thơ
5000 chữ bằng tên em nói lại
5000 chữ do 5000 tê dại
tiềm mỗi đêm vào những móng tay cong

Dù ly nước trà đá lạnh
không gạn nổi màu son
nhưng đã mài dần những bài thơ ngàn lần em hẹn viết
(những bài thơ chót biến thành cuộc đời
— cuộc đời mờ côi thơ —)

dù vỏ lạc rang
 có hợp thành cuồng phong
 cũng không sé nổi lớp vải mềm buộc sát lấy mình em
 nhưng đã làm đục khản câu nói : « em yêu anh . . . »
 em không là cô nữ sinh
 đọc thư người yêu dấu giữa 2 trang nhật ký
 tôi không là học sinh
 trợn ngáy chờ nhau bên cửa sổ
 trợn ngáy khao khát em đi ngang
 vì
 trà đá
 và vỏ lạc rang
 đã biến tình yêu thành một thứ trò đùa nhộn hoắt

Điệu-nhạc-tắt-dèn
 đã thấm vào người tôi
 nên tôi nhìn em qua bài blue què quặt
 nên tôi nhìn em qua cửa kính vỡ tung
 bước chân êm êm slow
 nụ cười nghiêng nghiêng slow
 nhưng
 mắt nhìn : calypso !

Chúng mình đã nói với nhau
 bằng tiếng nói của sự thực hỗn hào
 bằng tiếng nói cõi trường sống sượng
 bằng tiếng nói bần nhơ
 — tiếng nói không đánh phấn, thoa son, không đeo mặt nạ —
 chúng mình đã dùng những lời cồng rãnh
 những hình ảnh của xe rác loạn mầu
 vì em và tôi
 vì chúng mình
 chỉ xa nhau một chiều dài đường chỉ nhỏ
 em cầm một đầu
 tôi cầm một đầu

nét chỉ gầy căng thẳng
 như những lời chúng mình mở rộng cho nhau xem

Tôi chỉ muốn em cười
 sau màu khói thuốc vẩn mình nghiêng ngả
 để quanh chúng ta thành hải cảng về khuya
 để một giờ lên cạn
 tôi tìm em như thuở trước tìm em
 (tìm em vì thói quen nghiện ngập)
 tuy đã nhàu hy vọng
 tuy đã rách chờ trông
 tuy biết em đang chết mòn
 trong nhà lao gỗ cửa xanh, đỏ, tắt đèn theo điệu nhạc.
 tôi vẫn tìm em
 để hôm nay em đến tìm tôi
 màu khăn san lưới lấy màu tóc lạnh
 và nụ cười xanh lợt sáng
 sau một lớp sương mềm
 và ngọn đèn pha chột mắt
 nhìn trộm hai đứa chúng mình hôn nhau !

Tôi đánh lừa tôi
 cho trọn bài thơ :
 tôi yêu em từ vắn lục bát đầu tay
 từ bài thất ngôn vớ luật
 từ bài thơ tôi không biết gửi ai
 từ bài thơ tôi đưa nhằm cho một người thiếu nữ
 — không thể là em —
 từ bài thơ buồn như ánh đèn khuya
 lúc tôi đưa em về qua trăm phố vắng
 vắng như lòng hai đứa ngồi bên nhau

Cho tới khi ngã ngửa ánh đèn xanh
 tôi thầm khen em đẹp
 tất cả thơ có cỏ mướt chạy hoang

có cầu quay hoen đi
 có đường mòn bánh xe
 có em (vẫn buồn như tôi yêu)
 có bàn tay em gấp ghềnh tự ái
 tôi bằng ngang niềm vui
 cho tôi khi thấy điệu-nhạc-tắt-dèn ngăn cách chúng ta

Và bất ngờ
 tôi yêu em qua điệu-nhạc-tắt-dèn ngăn ngủi
 khi đưa đem về
 qua trăm phố vắng
 tôi viết vội bài thơ lên những ánh đèn khuya.

HOÀNG ANH TUẤN

SÁNG TẠO

Tôi vẽ một bức tranh
 Cũng không khác, khi anh
 vòng tay ôm người đẹp
 Ý mừng lung chưa thành.

Ý niệm của yêu đương
 Hình thành là chiếc gương
 Anh soi mình. Trong đó
 đời muôn vạn mảnh đường.

Tôi tự đi tìm tôi,
 Trong tiềm thức xa xôi
 Tạo muôn từng vũ trụ
 Mong hiểu thêm con Người.

Và nếu trong bức tranh
 Anh không tìm được anh
 Tìm tôi chỉ cho một
 Bề lòng : một màu xanh.

THÁI TUẤN

KHAI NIỆM VỀ CHỦ NGHĨA HIỆN SINH

QUANG NINH

IT lâu nay một số người đã đề cập đến vấn đề hiện sinh (existentialisme) như giáo sư Nguyễn văn Trung, tác giả «Biện chứng giải thoát trong Phật giáo», Tập-san Nhân-loại... Chúng tôi, trong phạm vi một bài báo, cố gắng trình bày tổng quát chủ-nghĩa hiện-sinh để độc giả có ý niệm về một trào-lưu tư-tưởng hiện đại.

Chủ-nghĩa hiện-sinh chủ trương vấn đề chính-yếu của triết-học là chính đời sống cụ thể của con người. Chúng ta những con người qua bao thời đại đi tìm những định-nghĩa cho chính mình. Con người hiện hữu sống một cuộc sống. Nhưng cuộc sống là gì, chúng ta sống vì lý-do và mục đích nào? Sống có ý-nghĩa gì đối với con người? Không một triết-học nào có thể tuyệt đối không đề-cập đến vấn-đề đó và không biết đến quan trọng của nó. Nhưng chủ-nghĩa hiện-sinh đặc-biệt lấy «cuộc đời thiết-thực làm đề tài triết-học, không phải đề cất nghĩa như một khách thể ở ngoài nhưng đề hiểu và sống». Triết học là cuộc đời. Trái hẳn với các thuyết khác như Duy lý, Giáo điều, Triết học khách thể, thuyết hiện sinh vùng lên khỏi những bó buộc của hệ thống chủ nghĩa và tràn lan như «một phản ứng Triết lý về con người chống đối sự quá trớn của Triết-học ý-niệm và Triết học vạn vật» (E.Mounier). Trong khi các Triết gia khác diễn hình là Hegel dùng những lý luận thuần-túy chìm vũ-trụ và bản ngã con người — cũng là chính bản ngã họ—trong biển ý-niệm trừu tượng (A.D. Sertillanges), chủ nghĩa hiện sinh dìm con người về chính lòng mình, khảo cứu cá thể con người cụ thể và sinh-động, khảo cứu cái tôi chủ thể hữu ngã (Ego, Je) hơn là bản ngã trừu tượng mơ hồ (Ce moi abstrait). Con người tự đặt trước mình để phân tích, tìm hiểu, nhận thức và hành động. Thân phận con người, ngoại giới và thái nhân được phơi trần trước những mổ xét để con người tự định đoạt thái-độ và vạch hướng cho số phận. Trước đây con người phóng ngoại bay nhảy từ sự vật này qua sự vật khác, nhõn nhõn trên những ý-niệm hay lang thang trên cánh đồng vũ-trụ quên cả chính mình. Khách thể hóa là một tội của ý-thức, theo Jaspers, đã làm con người mất chủ thể. Như thế, con người sống nhưng không hiện hữu, vì nếu hiện hữu, con người phải sống cuộc sống của mình không phải như trên sân khấu, như người làm cuộc đời trong vũ-trụ. Nếu trái lại, ta có thể nói như Gabriel Marcel «Mon être n'est pas ma vie». Con người chỉ là những kiếp sống trôi lững lờ. Thời gian cuốn người đi. Và nếu tâm trí ta có ý-thức điều đó cũng vẫn vĩnh viễn bị phóng thể, ly tâm, vô ngã hóa, mất nhân tính, bị đẩy

vào một hỗn độn và hư vô của chính con người. Khi con người ý-thức được hiện hữu, con người đã thấy mình «lù lù» ở đấy rồi, đã bị ném vào giữa cuộc sống, bị vút ở đó. «Hiện hữu có trước bản thể» (*L'existence précède l'essence*). Sống là sống — ở — đời và sống với, con người khi đã có nhận thức về hiện hữu của chính mình, quan sát ngoại giới và tha nhân để tự định đoạt một thái độ. Đời là một đau khổ liên tục do chính nhận thức gây nên. Mỗi ngày cuộc sống tiến dần vào cõi chết. Chúng ta bị hư vô hóa một giây một ít và sự chết kết thúc hư-vô-hóa ấy. Vũ trụ và con người là thừa. Tại sao hiện hữu rồi lại bị mất dần đi? Thật vô lý cả sống lẫn chết. Trước cái buồn mênh mông con người nhìn sang cạnh để tìm một nương tựa, nhưng chính người khác lại là hỏa ngục. (*L'enfer c'est les autres*). Thành kiến trời buộc con người, giam con người trong những lễ thói và những ý-thức hệ tù ngục. Con người bật lên giải phóng «tự vạch một cửa cánh» (Sartre). Vì người là tự do (*L'homme est sa liberté*). Đó là một thái độ. Cũng có những nhà hiện sinh khác, công nhận bí ẩn của thân phận con người, nhưng cởi mở để cảm thông, lạc quan để xây dựng. Người khác chính là một lời mời gọi yêu đương, đưa đến đối thoại, thông cảm, hòa hợp. Chết không còn là một bóc lột nhưng là một «thử thách» (Jaspers, Gabriel Marcel) để nhận thức giá trị đời sống, để đưa đến một cái gì siêu-việt hơn ở ngoài cuộc đời.

Qua hai thái độ, Sartre chia các nhà hiện sinh làm 2 môn phái vô thần (J. P. Sartre, Heidegger, Albert Camus ...) và hữu thần (Jaspers, Gabriel Marcel ...)

Theo định nghĩa triết học là chính đời sống con người, người ta có thể tìm thấy nguồn gốc thuyết hiện sinh ở những thế kỷ trước, có thể nói từ Saint Bernard, Augustin, Thomas d'Aquin, Pascal, Maine de Biran. Nhưng người phát minh chủ nghĩa hiện sinh hiện đại là Soren Kierkegaard, một triết gia Đan Mạch (1813-1855). Kierkegaard đã phá mạnh mẽ thuyết duy-lý, chống đối triết-học hệ-thống và hô hào tránh xa Hegel. Hegel đã hệ thống hóa thực tại, Kierkegaard cho là không thể có một hệ-thống đời sống đóng khung trong những lý-luận trừu tượng, cuộc đời muôn màu sinh động, sẽ tẻ nhạt, khô khan, không còn một rung động, mong ước hay lo âu. Con người phải sống thực bản ngã của mình. Kierkegaard muốn tự khám phá chân-lý và thực hiện chân-lý, sống chân-lý hơn là tư-tưởng về chân-lý. Vì chân-lý là chính chủ thể: «Chủ quan tính là chân-lý» (*La subjectivité est la vérité*). Một đề tài khác căn bản của ông chịu ảnh hưởng tín lý thế phàm: người giáo hữu tự cứu vãn và thực hiện hữu thể của mình bằng Niềm Tin. Niềm Tin chính là vật thể. Tín ngưỡng làm cho ta công nhận tất cả những điều Thượng-Đế dạy. Nhưng chẳng có ai có tín tưởng mà không phiền não. Vì con người luôn tự do không thể đề phòng chống với chính sự Tự-do của mình. Hôm

nay có những tư tưởng thanh cao đưa tâm hồn tôi lên Trời, nhưng ngày mai tôi có thể sa đọa, tội lỗi hơn hết cả mọi người.

Một bậc thầy khác của chủ nghĩa hiện sinh là Martin Heidegger (1889 . . .) người Đức. Đầu tiên tư tưởng của Heidegger hoang mang trước hai ngã đường chủ thể và khách thể. Ông muốn tìm một hòa hợp giữa thuyết chủ thể khép kín chỉ lắng vào sâu thẳm của tâm hồn bỏ rơi vũ trụ và thuyết khách thể «tung tăng» trên vạn vật quên cả chính con người. Trở về nội tâm con người thấy trống rỗng, vượt ra ngoài chủ thể, con người cũng thấy vắng lạnh. Chỉ có một tổng hợp ngoại giới và tự nội mới tìm được lối thoát «L'être est synthèse.» Hiện hữu của vũ trụ tùy thuộc nhận thức của con người, nhưng con người chỉ tự ý thức khi sống trong vũ trụ không phải như một tương quan đơn giản nhưng một tổng hợp vật thể (synthèse ontologique).

Ở giữa cuộc sống, phần lớn nhân loại ném ngày tháng vào giòng đời và thời gian cuốn đi những sinh hoạt. Không ý thức, không suy nghĩ, «con người đã bị hút vào trong chu kỳ những hoạt động thường nhật» (Les grands courants de la pensée contemporaine — J.M. Grevillot) và bị phóng thể. Do đó không phải «tôi» (Ego, Je) nhưng một «người ta» (On) vô ngã điều khiển nếp sống và chỉ phớt cảm nghĩ. Trốn lánh bản ngã và bầu bủ lấy ngoại giới, tha nhân, không thể không gây phiền khổ. Lãnh vực của «người ta» là lãnh vực của thất vọng. Sầu não đã lay tỉnh một vài người khỏi tình trạng bị bóc lột và làm cho họ nhận thức cuộc sống thực của họ, cuộc sống không biết đo đầu mà có và đã bị kết án chết. Không ai thoát khỏi định mệnh ác nghiệt đó. Như thế con người có ấn tượng là sinh ra ở hư vô và lại trở về hư vô. «Chúng ta cảm thấy bơ vơ trong trống rỗng. Chúng ta thiếu tất cả thực tại vững chãi. Vật thể nát vụn, sụp đổ và chúng ta mất đi theo chúng». Sống, chết, tiêu tan, tất cả gây buồn cho những kiếp người. «Le frisson de l'angoisse court sans cesse à travers l'être humain» — (Qu'est ce que la métaphysique, page 23).

Từ Kierkegaard qua Heidegger đến J.P. Sartre, thuyết hiện sinh chiếm một địa vị quan trọng trong lịch sử triết học hiện đại. Chính Sartre đã dựng thành một trường phái độc lập và quay quanh Sartre không những có A. Camus (1913) G. Bataille (1897...) nhưng còn bao nhiêu thanh thiếu niên của thế hệ gián tiếp hay trực tiếp chịu ảnh hưởng của Sartre. Ngày nay nói đến thuyết hiện sinh là người ta nghĩ ngay đến Sartre và các tên tuổi khác mờ hắt. Viết văn, làm báo, soạn kịch, xướng ngôn viên phát thanh, Sartre đã đem hết tài năng và dùng mọi hình thức văn nghệ để truyền bá học thuyết. Triết học bắt nguồn từ cuộc đời và dùng văn chương để trở về cuộc đời, rung cảm niềm người. Triết học không còn xa lạ, khô khan đối với mọi tầng lớp dân chúng. Nó len lỏi vào tâm hồn và chi phối cuộc sống. Có thể nói những lớp người trẻ của Âu châu thuộc về Sartre. Nhưng không phải chỉ có những tác phẩm văn nghệ (La

Nausée, Les mains sales, Huis clos . . .), Sartre cũng đã hệ thống hóa tư tưởng của ông. Trong những tập khảo luận Triết lý (*L'être et le néant*, *L'existentialisme est un humanisme*) tư tưởng đầu tiên của Sartre trước hiện hữu là buồn nôn. Tình cảm buồn nôn tràn dâng trong lòng khi con người cảm thấy chính mình, ngoại giới, tha nhân hiện hữu vô cơ. Con người từ hư vô hiện ra rồi lại hướng về hư vô. Vạn vật chẳng có lý do gì lại là là ở đây. Tất cả là thừa. Quyền sách này, cái bàn này, hàng cây kia đều là thừa. Thừa là tương quan duy nhất tôi đặt được trước vạn vật. « Chính tôi cũng thừa. Tôi ước ao tự tiêu tan đi để ít là hủy được một trong những kiếp sống thừa. Nhưng chính cái chết của tôi cũng thừa . . . Đời đời tôi vẫn chỉ là thừa ».

Thừa còn đưa đến một ý niệm khác. Vạn vật không lý do hiện hữu, nó cũng không thật như ta trông thấy. Tất cả chỉ là những vỏ, những cái mã ngoài. Những đặc tính ta gán cho nó những khác biệt, những tương quan liên hệ với xung quanh chỉ hiện hữu bề ngoài. Cạo lông sơn, lột vỏ đi, hoa không còn là hoa, cây không còn là cây. Tất cả, tôi, anh, thế giới chỉ là những « đồ vật sống », nhầy nhụa, nhão nhoét, không hình thù, « một thứ mứt nhẽo lầy nhầy, rất tồi tệ, ghê tởm ». Đó là cuộc sống phơi trần đã lột bỏ tất cả những hào nhoáng, những vẻ đẹp giả tạo trí tưởng tượng của ta đã khoác cho nó. Sự thực thô bản ấy làm lòng tôi nôn nao, tôi buồn nôn. « Buồn nôn là một tình cảm ghê tởm, một lộn mửa diu dju. Chúng ta cảm thấy trước thực tại khi ta ý thức sự vô lý căn bản của nó ».

Thái độ ấy trước cuộc đời đã đưa Sartre đến những nhật xét về vật-thể-học. Theo Sartre vật-thể là một tự nội (*en-soi*) thô kệch, im lìm đầy đặc, không hình-thù không là gì hết, không biết mình, không biết khách thể. Vật tự nội muốn thoát khỏi thể tĩnh, đã « tự xé ra », « nứt rạn rạn » (*se fissure*) và phát sinh tha quy (*le pour-soi*) hay nói cách khác, khả năng « xé », « nứt ra » là ý-thức : Vì chính sự nổi dậy của tha quy làm cho ta nhận thức hiện hữu của thế-giới. Nhưng chính ý-thức (tha quy) không là một chất thể, tự nó chỉ là hư vô. Nó chỉ có khi vật tự nội tự « xé ra », và khi hướng về một vật khác nó, ngoài nó, không phải là nó. Tự nội là im lìm vô thức, nhờ ý thức hướng về tự nội để nhận thức nhưng không bao giờ lãnh hội được hoàn toàn tự nội. Do đó ý-thức là một khả năng hư vô hóa. Người là ý-thức, và chỉ khi ý-thức mới là người. « Con người luôn luôn ở ngoài mình ; chính vì phóng ngoại và tự thoát ly mình mà người hiện hữu như là người. Người là nỗ lực tự vượt đó và người chỉ có thể lãnh hội sự vật bằng cách tự vượt như thế » (*L'existentialisme est un humanisme* — trong 92). Chia sẻ bí mật giữa tự nội và tha quy hay nói cách khác nỗ lực tự vượt để nhận thức làm cho con người sâu khổ. Ý thức là nguồn phiền não.

Khi con người ý-thức được hiện hữu, cái hiện hữu vô lý thừa, con

người đã có đấy rồi : « Hiện hữu có trước bản thể ». Con người tự tạo ra bản tính bằng hành-động, và tự-do vạch cho mình một cứu cánh theo sáng kiến riêng. Cuộc đời là một sự kiện đã rồi. Tôi cũng thế. Nhưng « con người là Tự-do », tự-do sống và sáng tạo cuộc đời : « Người sáng tạo người ». Sartre giải phóng con người khỏi mọi trói buộc tôn giáo, lễ thói, thành kiến, xã-hội, khỏi cả những cái nhìn soi mói của người khác. Bản tính người là Tự-do, và người muốn tự-do vì Tự-do. Nhưng ý-nghĩa Tự-do là gì ? Theo Sartre, Tự-do là một khả năng hư vô hóa. Khi con người thoát khỏi tự-nội, nghĩa là tự-bứt ra để nhận thức, đồng-thời con người cũng tự-hư vô hóa. « Être pour le « pour-soi », c'est néantiser « l'en-soi » qu'il est. La liberté ne saurait être rien autre que cette néantisation ». Như thế, con người bị sống luôn luôn ngoài bản thể : « con người bị kết án sống tự-do ». (L'Être et le Néant — trang 515).

Con người quan sát khách-thể hay trở về với chủ-thể đều cảm thấy chán chường, buồn nẫu, phiền khổ. Bị ném vào cuộc đời vô nghĩa, con người bức tức trước những hiện hữu vô cơ, thừa thãi.

Tư tưởng của Sartre lan rộng và gây ảnh hưởng lớn. Albert Camus và G. Bataille cũng môn phái với Sartre đã quan niệm vô lý đến cực độ. Camus đã cho chúng ta uống « rượu vô lý » (le vin de l'absurde) và ăn « bánh lãnh đạm » (pain de l'indifférence) để chúng ta coi thường cuộc đời, bất xét tương-lai và say sưa hưởng tất cả những lạc thú hiện tại. Hết mẫn trước vô-lý và bất công của cuộc đời, Camus còn đưa ra một « con người công-phản » chống lại với Tạo-hóa, với Thiên-Chúa mà Camus coi như « Sen Đầm ». Bataille cũng thường nói đến Thiên-Chúa bằng một giọng hằn học, bất mãn và cũng « thanh toán » Thiên-Chúa một cách bạo ngược.

Những trình bày trên nêu cho chúng ta một thái-độ trước cuộc đời của những nhà hiện-sinh vô thần. Tư-tưởng của một Jaspers, một Gabriel Marcel nói lên một lập trường khác đối với cuộc sống.

Theo Jaspers cuộc đời là một tự-do nguyên thủy, một đã-bột phát tự-do (freie Ursprung). Do đó nó mang một hình thái bí ẩn. Con người phải luôn luôn muốn và chọn lựa. Cuộc sống là một chính-phục không ngừng. Ở trên đã cuộc sống, con người tự-do luôn luôn phải tự-quyết-định. Tự-do, theo Jaspers, trái ngược hẳn với Sartre, không phát sinh trong hư vô, nhưng trong thông cảm với mọi người, trong thông cảm với một Hữu-thể tôi cảm thấy sát bên tôi, mỗi khi tôi muốn sống sự tự-do của tôi, dù tôi không bao giờ đạt tới Hữu-thể đó. Thượng đế là một bản chất siêu phạm, một thực tại tuyệt-đối vượt ngoài phạm vi hữu hạn, mọi quan niệm, mọi nhận thức, nhưng tôi không thể nói là người không hiện-hữu. Cuộc đời là thông cảm, cởi mở giữa những con người, để dẹp bớt những hiểu lầm gây bao đau thương.

Quan niệm của G. Marcel sáng tỏ hơn. Triết lý của Marcel được

coi như một « chủ nghĩa hiện sinh cơ đốc ». Tư tưởng của Marcel đi từ những sự kiện con người cụ thể đến đối tượng chính là Thượng Đế là Thiên Chúa. Ông vượt qua những người đang sống để nhằm một « Bên kia » con người, mà ông coi như một năng đỡ thiết yếu cho mọi cuộc sống. Ông viết : « chính là hướng về một « bên kia » cuộc đời mà tất cả tư tưởng tôi không gì ngăn cản được cứ vươn tới ». Thượng Đế của Triết học cũ là một ý niệm thoát thai từ những hệ thống lý luận. Đối với Gabriel Marcel, Thượng Đế là một *Người ở* ngay trong đời sống cụ thể. Hiện hữu của ta dính liền với Thượng Đế, một chân lý tuyệt đối khách thể, là lý tưởng mọi đời sống phải tiến tới. Tâm hồn Gabriel rộng mở đón nhận cuộc đời trong một niềm thông cảm bao la, một kết hợp keo sơn. Con người hiện hữu là do kết quả của Tình Yêu Thiên-Chúa. Tất cả anh em khác cùng do một Tình Yêu Cao Cả đó nên hòa hợp trong một thương yêu rộng lớn. Con người phải khám phá sự thực đó và thực hiện trong cuộc sống. Chết không còn là một bản án, một bóc lột, nhưng là một thông cảm thiết thực, một hòa hợp mật thiết nhất vì con người lúc đó thoát mọi trói buộc hình thức : xác, hoàn cảnh, hành-động...

Chúng ta đã đi từ Kierkegaard, một Pascal Đan Mạch, Heidegger, một chứng nhân của trường đời đau khổ, đến J.P. Sartre người gieo « buồn nôn » và trạng sự của hư vô, và Camus con người vô lý và công phần. Chúng ta cũng đã tìm hiểu một Jaspers bản khoản chọn lựa, một G. Marcel cõi mở và hy vọng. Chúng ta đã có một ý-niệm về chủ-nghĩa hiện-sinh, một lý-thuyết đang gây thắc mắc trong tâm hồn nhân-loại. Bắt nguồn từ con người, từ cuộc đời phong phú của con người, thuyết hiện sinh bằng hình thức này hay hình thức khác, hữu hay vô thần, đã trở về giữa lòng cuộc sống. Nó đã mọc lên xanh tốt giữa nhân-loại, có những hoa tươi thắm nhưng nó cũng có những quả ung thối. Mỗi người có thể giơ tay lên hái quả của nó, Chúng ta cũng lựa chọn bản khoản, chín hay xanh, ngọt hay chua ? Chúng ta có Tự-do và tự-do chọn lựa. Cuộc đời mỗi người tùy ở chọn lựa ấy.

QUANG NINH

THƯƠNG NHAU THÌ VỀ

LAN ĐÌNH

N GŨ bình tĩnh chờ đúng đến ngày ba mươi tết mới về Sài Gòn. Chàng ra đi giữa buổi trưa, đem theo những niềm nhớ tiếc rất xa xôi và vô cớ. Chuyển đi không có việc gì cần kíp, vả chăng, Ngũ còn muốn kéo dài cuộc hành trình để có đủ thời giờ lấy lại sự thăng bằng cho tâm hồn; nên chàng đã đáp chuyển xe đồ chạy chậm như chỉ định chết máy.

Trời khô ráo nhưng lạnh gai gai người. Ngũ chợt nhớ đến những lần tàn đông ở quê hương, vào độ này đang mưa phùn lâm râm như rắc phấn, mưa nao nao suốt ngày mà chẳng thấm áo ai bao giờ. Con đường đi từ ngoại ô vào, qua nhà Ngũ, thường có những cụ già quê mặc áo the, quần vải ta, tay cầm ô, tay xách cái mâm đồng mới mua còn bóng nhoáng. Quê hương Ngũ vào độ này thật đã có nhiều phong vị tết.

Chiếc xe đồ cũ khi chạy khi ngừng trên dọc đường xuyên qua những khu rừng u-uất và những cánh đồng cỏ dại, bờ gai. Xe tạm dừng ở một châu thành nhỏ bé bên lề quốc lộ. Một cô học trò chừng độ mười sáu, mười bảy tuổi, tay cắp cặp tay xách nón, vội vã bước lên xe. Tuy là lần đầu, Ngũ chợt để ý đến cô học trò ấy, nhưng chàng cũng biết chắc rằng thường ngày nàng vẫn đón xe để đi học ở một ngôi trường cách đó chừng hai, ba cây số. Xe chạy tiếp. Cô học trò mở cặp lấy mấy trang giấy đầy chữ, cầm nón che trước mặt và đọc lầm nhảm. Nếu ở trường hợp khác thì Ngũ đã đoán ngay là nàng đang xem lại một bài làm, bài luận chẳng hạn. Nhưng ở trường hợp này, vô cớ mà chàng cứ nhất quyết đó phải là một bài diễn văn để đọc vào buổi học tất niên trước khi thầy trò tạm biệt. Không định mà Ngũ cũng nhớ đến một quãng đời niên thiếu, kể đã là xa xôi, ở một mái trường ngôi tím, tường rêu; những buổi học cuối năm thường có không khí đặc biệt: vừa bồn chồn vừa gượng gạo. Ngũ nhớ nhất là cụ Cử đạo mạo nhưng hiền từ dạy Hán văn. Một lần giáp tết, Ngũ đem pháo xiết rắc đầy xuống nền lớp học; cụ Cử vào giảng bài, mắt kém, xéo phải, pháo nổ lép bép và khói mù lên dưới chân cụ. Cả lớp bùng miêng cười khúc khích. Cụ Cử nhảy tênh tênh lên như ngồi phải lửa và gất gông om sòm:

— Chúng mày!... Những thằng đầu bò, đầu biếu! Đầu bò, đầu biếu! Chỉ thế thôi, cụ Cử lại ngồi giận ngay và trịnh trọng giảng bài. Cụ khoa tay, làm một vòng lớn trên bảng:

— Trông đây này: An, Nữ khứ, Thỉ nhập vi Gia. Nhớ chưa?

Ngũ nhìn kỹ lại cô học trò đang ngồi trước mặt chàng, rồi chợt

nhớ đến Đông — cô em họ chàng — và Tâm — em gái Huân, bạn chàng. Hồi Ngữ còn ở nhà, Đông và Tâm mới trên dưới mười tuổi gì đó thôi. Mỗi lần Ngữ về chơi nhà Đông ở làng Mậu Dương, chàng chỉ hay trêu tức Đông, Đông không làm sao được, lại chạy ra dây bao lơn bên cạnh hàng cau, ngồi bệt xuống sân gạch, hai chân dầy đành đạch, khóc sụt sùi. Nhưng Ngữ ra dỗ dành thì Đông lại làm lành ngay. Mỗi lần Huân ở Hà Nội về nghỉ hè hay nghỉ tết, Tâm lại xách nón đến nhà Ngữ, đứng nghiêng người rất là ngượng ngịu ngoài khung cửa, một tay cầm nón cọ khế vào chân, một tay giơ lên quá đầu không biết để làm gì, và thỏ thẻ :

— Anh em đã về, mời anh lại chơi.

Lần nào Ngữ cũng nói kéo dài để trêu Tâm :

— Thí... a... cư... a... đấy... y... !

Tâm lại chạy biến ra đường, nói phụng phịu :

— Kệ anh đấy, em không biết đâu !

Thế mà tháng trước, Ngữ gặp Huân; hai người nói chuyện lan man rồi tự nhiên Huân tính thăm và nhắc Ngữ rằng Tâm năm nay đã mười chín tuổi. Tâm đã mười chín tuổi thì Đông cũng lớn bằng ấy rồi. Chóng quá. Từ ngày Ngữ đi xa, có khi nào nhớ đến Đông và Tâm, chàng chỉ nhớ họ là hai cô bé thơ ngây và nhí nhảnh của dạo nào. Bây giờ chàng mới giật mình, thì ra đã ngót mười năm trôi đi trong chớp mắt ! Ngữ nghĩ lẫn thân; sau này chàng về, biết có còn nhận ra được Đông và Tâm không ? Cả Đông và Tâm cũng có còn nhận ra được chàng không ? Chàng và họ có còn là anh em như ngày nào nữa không ? Chắc là mất rồi. Lần này là lần thứ bao nhiêu, Ngữ không rõ nữa, chàng lại bùi ngùi nhớ tiếc những sự mất mát dần dà.

Chiếc xe lại ngừng ở khu phố lá ven đường. Một bà cụ già đến sáu bảy mươi tuổi, vai khoác cái địu vải, tay bế đứa cháu gái chắc chỉ mới biết chững; đang loay hoay mở cánh cửa sau xe, mãi mà không được. Cô học trò vươn nhanh tay ra, giúp bà cụ đẩy cái chốt sắt, rồi lại rút vội tay vào như một cử chỉ thăm lén. Tuy thế, Ngữ cũng kịp nhận thấy bàn tay mềm mại và trắng trẻo chĩa cong trên cánh cửa xe. Chàng liếc nhanh cô học trò thì gặp lúc nàng cũng đang nhìn chàng. Chàng mỉm cười băng quơ. Nàng nhìn chàng trách móc. Đôi mắt nhìn trách móc bao giờ cũng đẹp khác thường. Giá mà nàng cũng cười như Ngữ, đừng nhìn trách móc, thì đã chẳng có điều gì làm Ngữ phải nghĩ ngợi. Bà cụ bế cháu lên ngồi cạnh Ngữ. Xe lại chạy tiếp. Từ đó, mỗi lần xe dừng lên hay chĩa xuống trên những đoạn đường lồi lõm, bà cụ lại xốc nách đứa cháu gái, dúi nó ra khỏi lòng và nói dọa trong nụ cười hiền hậu không rằng :

— Nè, té nè !

Lần nào cũng như lần nào, đứa bé thích chí, lại cười lên như nắc nẻ. Cảnh hai bà cháu đùa rồn nhau làm Ngữ nhớ đến mẹ chàng với hai cháu Thoa và Thúy ở nhà.

Mẹ Ngữ hiếm hoi, chỉ còn chị Ngữ và chàng là con út. Chị Ngữ đã đi ở riêng, nhưng được cái, các cụ thông gia với mẹ Ngữ là chỗ thân tình, hơn nữa, các cụ ấy lại đông con trai, người nào cũng đã có vợ rồi nên những ngày giỗ chạp hay tết nhất, chị Ngữ thường được phép về bên ngoại. Đạo trước, vào độ này, mỗi lần Ngữ từ Hà Nội về nhà ở dưới tỉnh ăn tết, lần nào chị Ngữ cũng giắt cháu Thoa và cháu Thúy ra tận bến tàu thủy đón chàng. Như vậy đã thành thói quen. Tàu vào bến, Ngữ xách va-li ra cửa mạn, việc trước nhất là phải nhìn suốt lượt đám người đứng lô nhô trên bờ cát, xem chị và các cháu ở đâu. Ngữ vội vàng ngả mũ phát phát cho chị trông thấy. Chị reo lên và cầm tay các cháu vời vời. Con đồ mạn cập bờ, Ngữ vừa nhẩy lên bến, chị đã nói ngay một câu rất quen thuộc và rất âu yếm :

— Đỡ va-li đấy, chị xách cho. Bế cháu, nó đang mừng cậu,

Cháu Thúy nhoài ra theo Ngữ, úp hai bàn tay xinh nhỏ và ngọt thơm lên mũi chàng, reo thích bấm bẻ. Cháu Thoa níu chặt lấy quần Ngữ, giằng tay Ngữ, hỏi chuyện liu lo, cười tiu tit. Chị xách hành lý. Ngữ giắt cháu Thoa và bế cháu Thúy. Hai chị em đi sóng đôi, thủng thỉnh trên giải đường cát trắng phơ phơ vòng vèo giữa đôi hàng cây gạo xanh mơn mớn, vào trong tỉnh. Chị thủ thủ chuyện nhà, chuyện buôn bán ; Ngữ kể lại việc học hành thi cử, cho đến tận nhà. Hai chị em vừa về đến cửa, mẹ đã lật đật chạy ra, hơn hờ xoa đầu và nắm tay Ngữ y như những ngày chàng còn bé lắm. Mẹ lại nói một câu cũ kỹ đến không biết tự bao giờ :

— Đấy, ở nhà để cũng đã xếp đặt đâu vào đấy cả rồi. Con xem còn chỗ nào chưa vừa ý thì cho thu dọn lại.

Công việc của Ngữ thu dọn chỉ là giải lại cái khăn bàn cho phẳng phiu, treo lại khung ảnh gia đình cho ngay ngắn, nắn lại bình hoa cho đều màu mỹ thuật hơn. Rồi Ngữ hí hoáy viết câu đối xuân vừa nghĩ được mấy hôm trước. Chàng lấy cuộn giấy hồng điều, đo, kẻ, rọc thành hai mảnh thật cân xứng. Chàng viết câu đối bằng chữ quốc ngữ, nhưng viết giống nét chữ nho, nên mới trông ai cũng phải nhầm. Hồi ấy, Ngữ còn niên thiếu nên tự tạo được cái gì là đặc ý lắm. Chàng đã thường vui niềm vui « tự kỷ văn chương » rất là mãn nguyện.

Đêm trừ tịch, dù trời mưa hay tạnh, thời tiết chỉ lạnh cái lạnh mơn man ngoài da thịt cho thêm ấm trong lòng. Mọi người trong gia đình ngồi quây quần chung quanh bếp lửa bánh chưng đặt ngay ở giữa nhà. Mẹ chăm nom nồi bánh cho bánh khỏi hấy. Chị cặm cùi thái xu hào và hoa cải để sửa soạn làm cỗ tết. Ngữ bế cháu Thúy đang ngủ trong lòng. Hai bàn tay cháu nhỏ xiu, nắm khít lại và áp lên đôi má tròn mịn. Cháu thở nhẹ nhàng ấm áp, thơm thơm mùi sữa nóng ; cái miệng chàm chàm đôi khi lại hờm hóp mê bú trong giấc ngủ. Cháu Thoa ngồi dựa đầu vào tay Ngữ, liu lo hỏi chuyện không đâu :

— Cậu ơi ! *Cá*y dù ý cậu mua cho cháu bao nhiêu *chiền* thể *hằng* cậu ?

— Cậu ơi ! Mẹ cháu vừa đem cho cháu *cá*y *vái* *đầm* *đeng* mà trắng lắm cơ cậu ạ ! Mai năm mới cháu mặc cho cậu *xeng* có *xun* không cậu nhé !

Môi cháu cứ cong lên đến là dễ yêu. Đôi má của cháu bu bẫm hồng tươi lên trong ánh lửa. Cặp mắt của cháu đen nhánh, phản ánh than hồng, ngời lên những tia sáng vui mừng và lóng lánh như hai hạt bi ve.

— Cậu ơi ! *Thía* cậu đã gói cho cháu *cá*y *bắn* chung bé tí chưa ?

Ngũ chưa kịp trả lời thì mẹ đã mở vung nồi bánh, nhân thể thăm chừng, nhắc một mối lạt làm dấu lên :

— Đây, cậu đã gói cho Thoa rồi này, chờ mai mới chín.

Rồi mẹ hỏi âu yếm :

— Cậu mua dù cho Thoa, mua kẹo sữa, kẹo súc-cù-là cho Thoa lại luộc cả bánh chung bé tí cho Thoa nữa; thế Thoa có yêu cậu không ? Yêu nhất hay là yêu thế nào ?

Thoa ngẫm nghĩ mãi rồi mới trả lời ngập ngừng :

— Cháu yêu bà nhất... yêu mẹ cháu nhất... cả cậu, cháu cũng yêu nhất !

Cả nhà cười rộ lên làm Thoa thẹn phải dấu mặt vào ngực Ngũ. Chị ngừng tay thái đồ nấu, vừa cười vừa nói như phân trần để chữa thẹn cho Thoa :

— Con gái tôi công bằng thế còn gì ?

Chắc là mẹ cũng cảm động vì hạnh phúc của gia đình, mẹ hướng về chân dung thầy Ngũ trên bàn thờ và khấn thầm :

— Lạy gia tiên phù hộ cho mẹ con tôi được luôn luôn đẹp mặt bằng người.

Những lần như thế, bao giờ Ngũ cũng vui nhè nhẹ, buồn nhè nhẹ. Chàng nhìn theo mẹ lên bàn thờ, vòng hương cháy đậm đà tỏa khói thơm ngậy ngất, thầy Ngũ nghiêm nghị nhưng hiền từ, đã mất đi từ ngày Ngũ còn bé lắm, để lại một đoạn đường dài gánh vác cho mẹ Ngũ, biết bao nhiêu là vất vả gieo neo trong những cơn biến đổi. Ngũ nhìn mẹ. Mẹ vẫn hồng hào khỏe mạnh. Nhưng mỗi lần xuân đến, hình như tóc mẹ lại bạc thêm một ít, da trán và da má mẹ lại răn thêm nhiều nếp nhăn. Lòng Ngũ se sắt, bùi ngùi, chỉ mong sao sớm được gánh vác bốn phận gia đình để mẹ được nhàn hạ tuổi già. Nhưng khi Ngũ trưởng thành lại là lúc chàng đã đi xa rồi.

Chiếc xe đồ dừng lại trước cổng ngôi trường bên quốc lộ. Cô học trò lặng lẽ xuống xe và đi nhanh vào con đường sỏi trắng rợp bóng những tàn cây. Ngũ nhìn theo nàng và nghĩ rằng con đường chàng đi đến đây đã mất một người bạn đồng hành. Chiếc xe đồ chạy tiếp rồi lại dừng. Bà cụ già bế cháu và khoác địu, xuống xe, đi tắt tưới vào con

đường đất đỏ về phía khu xóm lá ngoài xa có nhiều ngọn cau và ngọn dừa vươn lên lấp lánh. Ngử nhìn theo bà cụ và nghĩ rằng hai bà cháu về quê ăn tết. Lòng chàng vui dần, vui dần và buồn gòn gợn.

Xe tới bến chính thì trời đã về chiều. Ngử đi lầm lũi vào con đường nhựa im phăng phắc giữa hai hàng cây sấu ; lòng còn vương nhắc hình ảnh cô học trò và hai bà cháu vừa gặp ở dọc đường, họ cứ như cái ngoặc níu chàng về quãng đời êm đẹp ngày xưa. Ngử đổi mắt về phía xa, vùng đồng ruộng ngoại ô, những nếp nhà mái ngói, tường cây nằm cù mi bên những luống hoa cúc vạn thọ vàng chói trong nắng chiều; con đường cát vàng phơi mình giữa hai cánh lúa xanh rờn, đẹp như giải lụa màu mỡ gà ; xa hơn nữa, một khúc sông đào lóng lánh, rung rinh luồn dưới nhịp cầu gỗ cong veo. Ngử nhớ nhà xiết kể.

Ngử rẽ vào con đường ngõ ẩm ướt lượn giữa hai hàng cây me đại lòa xòa. Khu chợ lá ở ngã ba đường xóm hầy còn đông như mới họp. Người ta chen lấn, cười nói và cãi nhau inh ỏi. Mùi cá tanh lợm. Tiếng gà vịt kêu oang oác. Lá bánh vương vãi trên đường bùn. Ngử chợt nhớ lại những phiên chợ tết ở nhà quê. Chàng thấy ngay khung cảnh : những dãy quán tranh xiêu vẹo, những cái trống tre ọp ẹp đầy ắp hàng hóa không thứ tự, những chùm giải rút bên bằng chỉ ngũ sắc treo lòng thòng, những cậu bé để tóc trái đào đứng ngậy người trước ngói hàng bán tranh con lợn, con gà, cóc dầy học ; trong sự ồn ào tấp nập ấy, thỉnh thoảng lại dội lên một tiếng pháo lẻ làm ai đó giật mình, chu chéo, có khi, chửi rủa. Ngử mỉm cười.

Ngử dừng lại trước căn nhà gỗ cao lêu nghêu như cái chuồng chim, trên đầu đôi cột gỗ thấp lè tè ở hai bên hàng rào nửa bao trước cửa để hai cái ống sữa trồng cúc vạn thọ. Ánh đèn dầu trong nhà lù mù, hiu hắt. Một thiếu phụ đứng tuổi đầy đà vừa ở đâu hiện ra, chợt nhìn thấy Ngử, hát hàm :

— Thầy kiểm ai ?

Ngử khẽ gật đầu, nhìn nhanh thiếu phụ. Bà ta béo vuông như một cánh phẫn, búi tóc ngược, mặc cái áo xanh lè như áo bà đồng, và đi đôi guốc cao gót nhỏ quá khiến hai bàn chân to dần dần như sưng lên. Thiếu phụ đã đứng bên trong hàng dậu, hai tay xiết vào dùi, xéch ống quần lên, nhổ toẹt bãi nước trầu sang bên cạnh, và nhắc lại :

— Thầy kiểm ai ?

Ngử đặt cái va-li xuống đất :

— Chào bà chủ. Tôi đến thăm vợ chồng anh Huân.

Thiếu phụ nói như buột miệng trong tiếng cười ròn rã làm rung cả người :

— Ố ! . . Té rá thầy là thầy Ngử đó phải hôn ? Hèn chi mà thầy cồ cứ nhắc tới hoài !

Ngử mỉm cười. Bà chủ nhà gọi với vào bên trong :

— Cô hai ời, có khách quý nè !

An ở dưới bếp chạy lên, một tay cầm đôi đũa, reo lớn :

— A ! Anh Ngử !

Ngử lẳng lẳng theo An vào nhà. Chàng nhìn chăm chú vào đôi vai An gầy choắt làm cái áo cánh như rộng thêm ra, và mái tóc lâu ngày không được uốn lại phờ phạc như tóc người vừa ốm dậy. Bất giác, Ngử khẽ thở dài. Huân ở trên gác xuống, dừng lại lưng chừng cầu thang, mỉm cười thân mật :

— Ăn gì chưa ?

Ngử vúi vào tay vịn lên gác :

— Xong cả rồi.

An đứng dưới nhà, nói vọng lên :

— Anh để nhà tôi cất quần áo đi cho.

Ngử khẽ lắc đầu :

— Tôi đến thăm «hai người» rồi lại đi ngay bây giờ.

Cả hai vợ chồng cùng hỏi :

— Đi đâu ? Ở đây chứ còn đi đâu ?

An đứng sau lưng Ngử, khẽ nháy chông. Huân giựt nhanh cái vali của Ngử, chạy biến lên gác, cất vào tủ, khóa nghiêng lại. Ngử bật cười khẽ, uể oải ngồi xuống chiếc giường ọp ẹp, quần áo ngồn ngang. Chàng nghịch ngợm cầm cái bàn là lia nhanh trên tấm mền :

— Đang là quần áo mặc tết, phải không ?

Huân đang chải cái khăn hoa bằng vải nhựa lên mặt bàn một, ngừng lên cười, rất buồn :

— Xong rồi !

Ngử rầu rĩ ngắm Huân đang lúi húi bên ngọn nến, tóc xõa xuống gương mặt hốc hác, cái áo thung rách một mảng lớn để hở chỗ cạnh sườn rõ xương. Bất giác, Ngử chép miệng :

— Bàn thờ đầy hủ ?

Huân ngừng lên bờ ngõ, rồi cũng chép miệng khôi hài :

— Bàn thờ đầy !

Ngử không biết làm gì, lại đứng lên, đi loanh quanh trong căn gác, làm sàn gỗ rung rinh như sắp gãy, để hở nhiều kẽ, trông rõ cả ánh đèn nhà dưới. Huân vừa xuống thang vừa nói :

— Ngồi dưới nhé, mình xuống bếp phụ với An, làm cỗ.

Ngử lẳng lẳng gặt đầu, đi chậm rãi ra hiên. Khu chợ lá ở đầu ngõ đã thưa người, trong ánh đèn nhòa nhạt, như những con gì đang cựa quậy trong các áo vá chằng đụp. Cặp vợ chồng trẻ, chồng mặc bộ quần áo tây cũ, có vẻ vừa đi làm về ; vợ mặc áo cánh, quần đen, một tay xách cái lẵng mây, một tay quàng qua lưng chồng ; họ đi thờ thần hết hàng này sang hàng khác, mãi chả mua gì. Tuy không có bằng chứng nào chính đáng mà Ngử vẫn cho rằng họ là đôi vợ chồng tư chức nghèo ; có lẽ

người chồng đã phải chầu chực đến gần hết ngày cuối năm mới vay được lương tết, về rủ vợ đi sắm sửa. Bác phu xích lô, đùn xe ghêch vào bờ dậu địa đường, rồi mân mê cái nón, đứng phân vân trước hàng mứt kẹo. Ngử liền tưởng đến căn nhà lá lụp xụp ở hẻm ngõ nào đó, vợ con hẳn đang ngồi rầu rĩ trên ngưỡng cửa, khẩn thắm cho buổi làm tất niên của hẳn được nhiều tiền. Một bà cụ lưng còng như sắp ngã xuống, vừa ở đầu ra, giắt thẳng bé độ chừng năm, sáu tuổi, đến trước ngôi hàng bán giày giép trẻ con. Thằng bé mặc quần đùi đen, cởi trần, đứng nép vào bà cụ, tay vuốt vào sâu giày xinh xắn treo trên cột, và nói gì trong nụ cười thơ dại. Ngử đoán, nó là cháu nội của bà cụ; hoặc nó mồ côi, hoặc bố mẹ nó là dân lao động, rất nghèo; bà cụ thương cháu đã giốc hết số tiền dành dụm mua giày cho nó để nó khỏi tủi thân với con nhà người. Ngử cho mình có lý, bởi vì chỉ có những người nghèo sơ xác thì mới đi sắm tết vào lúc này, như là bòn mót những cái thừa thãi, cặn bã của thiên hạ. Tự nhiên hai khóe mắt Ngử rung mạnh. Chàng vừa chợt nghĩ đến một kỷ niệm đau buồn trong quãng đời thơ ấu.

Mười lăm năm về trước.

Mẹ Ngử vừa đoạn tang chồng, mẹ còn trẻ; Ngử cũng còn bé, mới đang học lớp sơ đẳng.

Buổi chiều ba mươi tết năm ấy, mẹ Ngử vừa về chợ, Ngử vừa về học; hai mẹ con giắt nhau ra phố đến một hiệu giày. Mẹ hỏi Ngử thích đôi nào. Ngử ngắm nghía và so sánh mãi rồi bằng lòng đôi săng-đan da đen, trên hai quai chéo đính hai bông cúc xinh xắn, trắng ngần. Mẹ mỉm cười âu yếm tỏ ý đã đoán trước được sự chọn lựa của con, Ngử còn nhớ nụ cười ấy đến tận bây giờ, nụ cười của mẹ thương con. Mẹ trả giá rồi giở hầu bao, đếm từng đồng. Không biết bao nhiêu tiền, Ngử quên mất. Chàng chỉ nhớ, bấy giờ mình không vui mấy, vì thấy mẹ trả tiền đôi giày xong thì trong túi tiền chẳng còn đồng nào. Về nhà, mẹ đặt Ngử ngồi trên ghế cao, mẹ quỳ dưới đất, đi thử giày cho con, và nghiêng ghé ngắm nghía mãi. Giữa lúc ấy, chợt ngoài cổng có tiếng ai réo róc. Mẹ Ngử có vẻ lúng túng. Hai mẹ con cùng nhìn nhanh ra ngoài. Một người đàn bà, người đàn bà ấy nếu không già đi thì bây giờ gặp lại Ngử vẫn còn nhớ, bà chủ nợ của mẹ Ngử. Bà ta hầm hầm xấn vào nhà, xía xói và mắng nhiếc mẹ Ngử rất thậm tệ. Mẹ Ngử ngật nghẹo khát nợ. Không biết mẹ nợ những bao nhiêu mà mụ kia cứ nhất định đòi lấy đồ trừ. Mụ chợt nhìn thấy đôi giép mới của Ngử, bắt mẹ Ngử phải gán nợ cho bằng được. Ngử còn nhớ mãi câu nói thiếu não của mẹ:

— Thưa bà, túng bán về nhiều chứ một đôi giép có đáng là bao? Năm hết, tết đến, tôi mua cho cháu nó mừng . . .

Bà chủ nợ vội cong cớn cướp lời:

— Mừng gì!

Bà ta xấn xỏ tháo nghiêng lấy đôi giép của Ngử. Mẹ Ngử hoảng hốt

gào lên :

— Con tôi cũng như con bà, sao bà nỡ làm thế?

Bà chủ nợ xô mẹ Ngữ ngã xuống phản, rồi đi nhanh ra cổng. Ngữ tủi thân, khóc bật lên. Mẹ tưởng Ngữ tiếc đôi giày, nên ôm ghi Ngữ vào lòng, dỗ nín. Nhưng thực ra Ngữ đã khóc vì thương mẹ bị người ta xỉ vả, ức hiếp. Hai mẹ con ôm nhau, khóc thút thít. Nhà vắng, không dầu đèn. Hàng xóm đang giã giò ăn tết, tiếng chày vang lên chan chát, nghe nhức cả lòng ! Mùi bánh chưng ở nhà ai thoảng về ngai ngái... Mẹ Ngữ chợt nhớ, đi thắp đèn, hương lên bàn thờ thầy Ngữ. Mẹ vừa khấn vừa khóc thảm thiết. Cho đến lúc ngoài đường đã không còn ai đi lại, mẹ Ngữ mới dám mở đôi thùng dầu ở góc nhà, lấy ra vài nải chuối, dăm ba quả bông, mấy nén bánh chưng và ít nhiều đồ nấu lật vật. Cơm canh cúng thầy Ngữ xong thì trời đã khá khuya. Hai mẹ con ngồi ăn thăm trong ánh đèn dầu tù mù, ăn cơm chan với nước mắt. Tuổi trẻ chóng quên, lát sau, mẹ bế Ngữ đi ngủ ; nằm trong chăn ấm lòng mẹ, Ngữ đã quên khuấy sự xảy ra ban chiều, rồi ngủ, ngủ thật say tự bao giờ không biết.

Nửa đêm, tiếng pháo giao thừa ngoài phố nổ khét lẹt, Ngữ giật mình choàng tỉnh, thấy nóng ở má ; Ngữ sờ lên mặt mẹ, mẹ đang khóc : thì ra từ chập tối đến giờ mẹ vẫn thức và khóc thảm.

Năm Ngữ mười lăm tuổi, mẹ chàng đã gây dựng xong một cơ nghiệp khá vững vàng, cơ nghiệp bằng mồ hôi, nước mắt thì vừa lúc mẹ đã già rồi. Những lần trong câu chuyện vui, mẹ thường bảo Ngữ :

— Sau này, Ngữ đừng lấy vợ con các bà chủ nợ, thất đức lắm. Để mẹ xin cho một cô nào thật là phúc hậu.

Ngữ thờ dài, và chợt nghĩ đến bà cụ Lang ở xóm Bàn cờ, đang mong chàng như mẹ mong con. Chàng quay vội vào nhà, vừa lúc Huân và An đang lên gác. Huân ngồi nhanh xuống chiếc ghế đầu, trước tấm gương con, chải vội mớ tóc khô như mớ rơm. An mặc xong áo dài, rút khăn mùi xoa buộc tóc gọn về sau gáy, và tươi cười :

— Anh Ngữ ở nhà nhé, chúng tôi ra phố mua cái này.

Ngữ quay về phía Huân :

— Còn mua cái gì nữa ?

Huân chỉ gật gù bí mật. An vuốt lại tà áo răn, cười hồn nhiên :

— Hai đứa đi mua hoa đây, may ra còn, chứ tết nhất mà chẳng có ít nhiều màu sắc thì buồn chết.

Ngữ khoa hai tay như phân bua :

— Còn tôi phải đi tắm tất niên mới được. Hai người cho tôi mượn chìa khóa để lấy quần áo thay.

Huân mỉm cười âu yếm với vợ :

— Ừ, em đưa cho anh ấy đi. Bây giờ muộn thế này, còn trốn đi đằng trời !

Hai vợ chồng giắt nhau xuống cầu thang. Ngử xóc nhẹ chùm chìa khóa trong bàn tay và trở ra ngoài hiên. Huân và An đã ra tới đường ngõ, cùng nhìn lên, vẫy Ngử. Ngử lặng lẽ mỉm cười, chàng chợt nhớ lại đôi vợ chồng tư chức vừa rồi, mà thương Huân và An đến sót sa. Ngử trở vào nhà đứng do dự trước tủ áo, mãi chàng mới chặc lưỡi, mở khóa.

Ngử xách va-li, đi như chạy xuống cầu thang. Bà chủ nhà đang nằm lơ đãng trên tấm phản, vùng ngồi dậy:

— Thầy không ở đây ăn tết với thầy cô đó sao ?

Ngử vừa đi nhanh ra cửa vừa nói :

— Có chứ ạ ! Tôi đi đường này một lát, rồi trở lại ngay.

Ngử bước thoăn thoắt trên con đường trơn đá luồn giữa hai dãy nhà đóng cửa im ỉm. Ánh đèn vàng vọt thoát qua những kẽ ván, buồn thê thiết. Mùi nhang thơm ngan ngát làm chàng nhớ tiếc cái khung cảnh gia đình xum họp trong đêm trừ tịch. Chàng lại thấy thương bà cụ Lang xiết kể. Có lẽ bây giờ bà cụ đang ngồi âu sầu trước cái rương phủ tờ giấy hồng điều làm bàn thờ, ba nén hương cắm vào cái ống bơ đựng gạo, khuôn mặt răn reo nhòa đi sau làn khói mong manh. Ngử bước nhanh thêm. Lâu lắm chàng chưa gặp một người. Cuộc đời bà cụ Lang hiển hiện trong tâm trí chàng. Bà cụ gần bảy mươi tuổi, người nhỏ choắt như nhánh cây khô mục, cả đời buồn thúng, bán mệt; con trai chết, con gái lấy chồng giàu nhưng ở xa và không bao giờ đoái hoài đến mẹ. Bà cụ sống âm thầm trong khu phố xác xơ bên cạnh đường xe lửa, kiếm ăn lần hồi bằng những buổi chợ, nhặt nhanh từng đồng hào. Ngử sót sa nghĩ đến cái gánh hàng là vốn liếng, là sinh kế của bà cụ : Đôi thúng đầy mệt, hàng lô những chai lọ lằng nhằng lít nhít : quả bồ kết, bắc đèn, măng khô... Dạo Ngử còn làm việc ở đô thành, trọ khu Bàn cờ, chàng đã đứng hàng giờ để ngắm bà cụ bán hàng. Sáng sớm, bà cụ quẩy gánh đến góc hiên ngôi hàng tạp hóa, ngồi nhờ. Việc trước nhất, rút mảnh giấy xi-măng cài ở chân quang, căng bốn góc bằng bốn đoạn giây thừng buộc vào bất cứ chỗ nào chung quanh, làm cái mái tùm hum để che nắng; rồi ngồi bó gối giữa đôi thúng, gương mặt đắm chiêu, đôi mắt hom hem nhìn lơ đãng những người qua lại. Lâu lắm mới có người ghé vào hàng bà cụ, mua vài hào bồ kết, đồng bắc đèn, hay vài đồng thuốc đau mắt ; mà những khách hàng ấy cũng chỉ là hạng người tiêu tụy, long đong. Những buổi ế hàng, bà cụ chả biết làm gì, lại bới rúm gạo đựng trong nón nhặt thóc để riêng vào cái chôn bát ; rồi sau đó, xiết vỏ chấu trong lòng bàn tay. Xế chiều, bà cụ buồn rầu lật cái ví coi đây trên mệt, đếm lại số tiền bán hàng trong ngày, chỉ có lèo tèo năm ba đồng bạc lẻ, xếp lại, giắt vào hầu bao. Cho đến khi chợ đã hết người, phố xá đã lên đèn, bà cụ mới tháo mảnh giấy xi-măng xuống, cài vào chân quang và lồng quang gánh, đi lăm lăm vào ngõ xóm. Thật là một cuộc đời đeo đẳng, lay lắt như ngọn đèn sắp tắt. Dạo ấy, đã thành

thường lệ, sáng nào trước khi đi làm Ngữ cũng đem cốc nước chè nóng đặt tận tay bà cụ. Chỉ có thế mà chàng và bà cụ trở nên thân thiết. Sau này Ngữ đi làm xa, bà cụ đã nhớ chàng đến phát khóc.

Ngữ đã ra đến đường nhựa. Đèn đường sáng quá như xối vào tâm óc chàng những tiếng âm vang. Ngữ đang đi cầm cúi trên hè phố, bỗng một dãy pháo dài ngoằng từ trên tầng lầu thứ ba thả chùng xuống ; gã thanh niên xúng xính trong bộ quần áo ngủ sặc sỡ, cầm nén hương, lách cửa, bước ra. Tràng pháo nổ thét lẹt. Tiếng nổ ganh đua nhau, truyền từ đầu phố xuống cuối phố và lan đi khắp đô thành. Xác giấy hồng vang văng tung toé trong ánh đèn như hoa rơi tơi tấp trong gió cuốn. Mùi thuốc pháo khét lẹt. Ngữ bàng hoàng, liếc nhanh đồng hồ. Giao thừa rồi. Chỉ còn một mình Ngữ ngoài đường. Chàng đi hoang mang trong những chuỗi dài tiếng nổ ròn rã, những xác pháo tung bay tơi bời, khói trắng miên man. Hình dáng Ngữ mờ đi và xiêu vẹo như cái bóng chập chờn. Chàng nghĩ thầm : mình đã đón giao thừa giữa đường thì không biết cuộc đời năm nay sẽ ra sao ?

LAN ĐÌNH

TÌNH YÊU, TÌNH BẠN, MÙA XUÂN

I

Chiều nào buồn hơn nữa em
Tia lửa cuối cùng
Đôi mắt nhá nhem

Chiều nào buồn hơn nữa em
Bắc thối lạnh lòng
Xao xuyến mái hiên

Anh không em đi ra giữa cánh đồng
Gió chiều lướt trên ngọn cỏ
Bóng tối ồ ạt đuổi theo chân

Ngước mắt tìm chuyến tàu xuân
Bao giờ em về em nhỉ ?
Lá non mơ nhún nhảy trên cành

Đã bao lần anh thầm tự hỏi
Tình yêu tình bạn mùa xuân
Mai một em về sao nhớ nhung ?

II

Em nhớ không nếu không mặt trời /
Trái đất mang hình hài địa ngục
Nước tách nguồn mắt hút giữa trùng dương
Ngày vắng vặc ánh sao đêm
Sương khuya rơi mãi mãi
Nếu không em nếu không nụ cười
Làm sao cúi đầu cho một chuỗi hôn ?
Làm sao ngẩng mặt tìm nơi hò hẹn ?
Tâm sự cuốn tròn trong trái tim
Như gói cốm dẹp nằm giữa lòng tay đẹp
Biết ai tri âm mà trao gửi hờ em ?
Như hạt mầm sắp thui
Lỡ sinh trên đất hoang cần cỗi...

III

Bởi vậy anh van em
 Lần thứ nhất của tuổi hai mươi
 Anh van em trở về
 Anh hiến thân làm hộ vệ cho em
 Giang đôi cánh tay Vạn lý trường thành
 Chặn đứng làn sóng người điên dại
 Mười ngón tay bằng mười lớp rào
 Mười ngón tay dựng mười cổng chào
 Trên con đường chông gai hiểm trở
 Từng giờ từng phút thấp thỏm đợi em
 Dù thân thể nhừ nhối ế chề
 Anh đứng mãi góc phố chờ người bạn
 Anh đứng mãi cuối đường đón người yêu
 Em thừa biết kiếp sống dài lâu bao nhiêu
 Không gian thì mệnh mông vô tận
 Thần thời gian thoăn thoắt bay đi
 Trước hay sau
 Nhanh hay chậm
 Dù thương nhau yêu nhau đắm say
 Dù quấn quít như hoa lá trời mây
 Dù đam mê tự do hơn chim rừng cá biển
 Anh và cuộc đời (tình yêu tình bạn)
 Thuận hòa cho mấy cũng chia tay.

IV

Một lần nữa anh van em trở lại
 Anh sẽ đưa em đi thăm nhân loại
 Dừng chân từng ngưỡng cửa
 Bắt tay từng mặt người
 Sung sướng đến ngào nghen
 Lời chào không hồ thẹn
 Lời chào không dẫn đo
 Rắc gieo đầy nụ cười
 Hạnh phúc hòa ánh sáng

Hạnh phúc hòa nước Cửu long Đồng nai
 Chảy tràn vào đáy mắt
 Ngập lụt từng thớ thịt trái tim
 Những cô gái không dám nhìn thẳng cuộc đời
 Cầm đầu viết thư chối từ nghĩa sống
 Sau một đêm lao mình vào ác mộng
 Bỗng choàng dậy kinh hoàng
 Vẻ mặt còn ngái ngủ
 Lòng nghi ngại hoang mang
 Đôi mắt lệ mờ hoen dần hé mở
 Then gài cổng thảo rời
 Bóng thần chết hốt hoảng
 Người chưa chết mạnh dạn đứng lên
 Mười ngón tay khô gầy sờ soạng
 Đón em
 Nắm lấy em
 Nghe chim vành khuyên kể chuyện tình duyên
 Bên khung cửa sổ
 Mặt trời thức giấc ngả mình trên bãi cỏ
 Vạn triệu bàn tay vun bón tình yêu
 Gió mới reo vui
 Nắng mới lên tươi như màu áo cưới
 Một thứ kỳ hoa vừa nở ngát thơm

v

Em biết không
 Anh sống giữa thành phố điêu tàn
 Em phải về giúp anh dựng lại
 Anh hì hà hì hục
 Tay phải mang gạch ngói
 Tay trái mang tình thương
 Em đỡ vác cầm đinh
 Nhà cất xong em bảo anh trồng hoa
 Anh vâng lời không cần suy nghĩ
 Anh nai lưng san bằng đồn lũy

Mỗi mô đất, mỗi chiến hào
 Mỗi khu phố anh tạo một công viên
 Có cây xanh khoe lá biếc
 Có bướm trắng bốn hoa hương
 Trẻ con đùa nghịch quanh vòi nước
 Tia nước rung rinh mềm dịu
 Em bảo anh còn thiếu
 Anh ngơ ngác (thật tình anh chưa hiểu)
 Em khẽ vung tay : vườn rợp cánh bồ câu
 Anh trở mắt nhìn sung sướng xiết bao
 Đòi ngắm bằng đôi mắt màu da trời
 Đòi trang điểm bằng nụ cười duyên dáng.

VI

Em biết không
 Anh quyết sống bằng trọn vẹn đời anh
 Giữa niềm hoan hỉ, giữa mối cảm tình
 Giữa thành kiến ty hiềm thù ghét
 Ai thù ghét anh thử hỏi em có biết
 Anh tin chắc họ không phải là em
 Mặt họ người, lòng họ quỷ quái
 Tay họ mang đầy bóng tối
 Em biết không anh chưa dám nặng lời
 Dù dễ trách mắng trẻ con hư hỏng
 Hay nói với một thế giới thấp hơn
 (Con chó con mèo
 Con bò con ngựa)
 Anh vừa bảo em
 Anh quyết sống bằng trọn vẹn đời anh
 Từ đôi ba cảm giác an toàn
 Qua trăm nghìn nỗi lo âu thắc mắc
 Từ những làng mạc hiền lành
 Xóm nhỏ dọc bờ Tiền giang Hậu giang
 Mơ màng sông Hương đất Thừa thiên
 Qua thị thành đau xót biên giới đóng cửa

Rào gai trời chặt tâm hồn
 (Như Poznan như Nicosie
 Từ Budapest qua Algérie...)
 Tình cảm con người chưa sứt mẻ
 Ý muốn giải phóng nấu nung bàn chân nô lệ
 Anh quyết sống ngoài lớp tuổi thanh xuân
 Cố nhiên là vẫn nhớ đến em
 Muốn nói tiếng nói ấm áp rất quen
 Muốn nhìn cái nhìn thôi miên ngây ngất
 Làm tiếng dội lời em ca em hát
 Để tìm lại bè bạn lạc đường
 Để nâng đỡ bước chân vấp ngã
 Nối tiếp cho nhau nhiều thêm nhiều thêm hơi thở
 Để cùng đòi lại xứ sở quê hương
 Tia sáng khóe mắt mài kim
 Mạch máu về tim se chỉ
 Máu nước mắt hòa nhau thủ thi
 Tay cầm tay khâu vá vết thương
 Vẫn biết đời có thể chán chường xấu xa
 Đời có thể toàn hoa thơm trái ngọt
 (Tùy em tùy anh tùy bè bạn chúng ta)
 Anh quyết sống ra người nên người
 Chưa liều lĩnh nhưng không hời hợt
 Sớm mai thanh bình xế chiều bão táp
 Buổi trưa đói khát buổi tối no nê
 Trận cười không dứt tiếng khóc mưa rào
 Giữa hạt mưa lóe lên vài đóm lửa
 Nóng nung rét buốt cay đắng ngọt ngào
 Suối nước trắng phau hay ngẫu dục
 Con đường đất quanh co lầy lội
 Con đường trải đá rộng thênh thang
 Người xa về nét mặt hân hoan
 Người gần đi mắt đăm chiêu nghĩ ngợi
 Bầy trâu bước nặng nề lẫm lũi
 Mục đồng nhịp hát nghêu ngao

Trên đường sắt chuyển tàu điện chạy
 Toa ba chứa đầy hành khách
 Toa nhất thừa thớt bóng người
 Rừng im hơi suốt đêm đầy loạn
 Người sẵn mỗi chưa biết mỗi đang rình
 Rừng vui nhộn nhìn nai vàng nhảy múa
 Rừng êm ả nghe chim hót líu lo
 Rừng vắng chim như đồng quê vắng bướm
 Đời vô duyên không nhạc không thơ
 Như biển lặng sóng như sông vắng thuyền
 Mùa xuân thiếu én như ạnh thiếu em
 Cây trụi lá đột chết héo trên cành non
 Như bếp lửa không than không khói
 Anh đang sống hẹn sẽ còn sống mãi
 Có gì than thở có gì buồn tủi hờ em ?
 Dù chưa được như sao hôm sao mai
 Lúc mờ lúc tỏ lúc hồi sinh
 Dù chưa được như khối nước lòng sông
 Có lớn có ròng ra khơi còn trở lại
 Tuy chưa bằng trái đất hay một tùy tinh
 Cũng quay quanh mặt trời
 Hết ngày đến đêm quá khuya lại sáng
 Mùa xuân làm trẻ trung tình yêu tình bạn
 Hoàng hôn làm dấu báo hiệu bình minh.

VII

Anh đã trao em tất cả tâm tình
 Còn đây những lời chân thành sau chót
 Hy vọng rót tràn trề vào chén ngọc
 Sao em chưa về uống một chút rượu ngon ?
 Để mừng nhân loại nên đôi nên bạn
 Thế giới mai sau gồm đủ bốn mùa
 Không chỉ bấy nhiêu buổi mưa dầm nắng ráo
 Còn bốn kỳ hoa : lan cúc sen mai
 Anh muốn nhìn trăng sao không cảm thấy lẻ loi

Anh muốn nhìn đời bằng đôi mắt bồ câu
 Anh muốn nghe tình đời náo nức tình vui
 Khỏi ảo ảnh chìm sâu trong dĩ vãng
 Anh thêm khát (vì sao chưa thỏa mãn ?)
 Hạnh phúc hòa nước Cửu long Đồng nai
 Trái đất sống một ngày rất dài rất sáng
 Trái tim không bao giờ khô cạn yêu thương
 Anh cần gặp em dù em ở nơi đâu
 Anh có mặt khắp đầu ghềnh cuối bãi
 Vẳng trán trời cao đáy mắt biển sâu
 Anh đón em dù phải đợi đến bao lâu
 Từ trong lòng đời ra ngoài cửa mộng
 Anh phá vỡ lao tù tuyệt vọng
 Nắm chặt niềm tin mãi ngóng trông em

HOÀNG BẢO VIỆT

ĐẲNG SAU

NGUYỄN SA

NHỮNG người văn nghệ bao giờ cũng sống trong tình cảm thích thú khi tác phẩm sáng tạo được thể hiện. Họ thường lấy làm bằng lòng. Tôi nghĩ như thế. Tôi đoán chắc rằng người thi sĩ nào cũng thích ngồi chép lại tác phẩm vừa hoàn tất. Có khi ở phòng riêng. Có khi ở giảng đường, thư viện. Nhưng thế nào họ cũng phải ngồi đấy để bày biện những giòng chữ trang trọng lên một tờ giấy mới. Nhìn những giòng chữ đoan nghiêm ấy tôi thường tưởng nghĩ đến hình ảnh một người con trai sắp lập gia đình lo toan kê dọn, trang hoàng gian buồng ngủ. Có khi tôi nghĩ đến người con gái dậy thì thêu tên người yêu lên mảnh khăn tay trắng. Tất nhiên có người không chép lại tác phẩm mình một cách trang trọng bao giờ. Anh xé một tờ giấy nào đó. Có thể là trang giấy học trò. Anh ném lên đấy những giòng chữ vội vã, nhanh thoáng gần như phóng túng, bừa bãi. Nhưng trong sự phóng túng, bừa bãi ấy tôi nhìn thấy ngay một vẻ dàn xếp, giả tạo. Sự phóng túng lựa chọn trong nét chữ nhằm mục tiêu rõ rệt: làm cho bài thơ « thơ hơn ». Sự bừa bãi, phóng túng ấy nguy trang.

Nhưng ở những giòng chữ, dù đoan nghiêm, dù bừa bãi lựa chọn, bao giờ một ý nghĩa cũng được toát lộ, đập vào mắt tôi như ánh sáng của một vì sao: sự bằng lòng của người văn nghệ.

Sự bằng lòng trước tác phẩm thể hiện có thể phát lộ dưới thiên hình vạn trạng. Có người uống một cốc Whisky ngon. Người khác chọn một tách cà-phê đặc, một chiếc máy chữ. Tôi thường châm lên một điếu thuốc lá và ngâm ngợi nhiều phút, nhiều giây. Người họa sĩ ở cách nhà tôi hai quãng đường không ngâm ngợi trước tác phẩm hội họa. Hắn không hút thuốc, uống rượu hay cà-phê. Nhưng hắn vội vã tháo cởi bức tranh cũ ra khỏi thân gỗ mà lồng vội vào đấy khuôn vải mới còn chất nặng và thơm phức những nét vẽ, đường sơn. Xong xuôi hắn treo bức tranh lên tường, ở một chỗ chọn lọc. Rồi hắn ngồi, cũng ở một chỗ chọn lọc, sau khi mở to cánh cửa sổ, mà ngắm, mà nhìn. Hắn ngồi nhìn như thế mà gật gù cái đầu đằng trước mặt bức tranh.

Ở cái đầu gật gù ấy tôi cũng nhìn thấy sự bằng lòng, thích thú. Ở hắn cũng như ở bất cứ người văn nghệ nào tôi cũng nhìn thấy sự viên mãn lồ lộ trước tác phẩm hoàn tất, thể hiện trọn vẹn, tràn đầy.



Một người bạn văn bảo tôi rằng chỉ khi viết là thích thú. « Viết

xong chán ngay ». Anh nói như thế. Tôi nghĩ rằng anh đã thành thật nhưng ý tưởng đến từ một nhận định vội vàng. Tác phẩm hoàn tất không thể tức khắc đưa tới chán chường. Tôi đồng ý rằng có những bản văn, bài thơ, bức họa ngay khi được thể hiện không hề đem lại cho người văn nghệ một sự bằng lòng nhỏ bé nào cả. Khi phải viết vội một bài văn cho số báo ra kịp ngày tôi đã sống trong một tình cảm ân hận, hối tiếc. Bản văn, dưới mắt tôi, thường mang hình ảnh của một đứa con bị ruồng bỏ, ghẻ lạnh. Thường thì mỗi khi số báo được in xong tôi vẫn đem đến biếu những người bạn thân thiết không làm văn nghệ nhưng yêu mến văn nghệ. Nhưng với những số báo chứa đựng những tác phẩm vội vã tôi vẫn ngần ngại. Và tôi nghĩ rằng người hội họa vẽ vội cho đủ số tranh tối thiểu để kịp ngày triển lãm cũng sống trong niềm tội lỗi tương tự. Tác phẩm cầu thả tất nhiên không thể đưa đến viên mãn được.

Nhưng đây là những trường hợp riêng rẽ, lẻ loi. Những tác phẩm được thể hiện không đúng ngày đúng tháng ấy không phải là những tác phẩm duy nhất của cuộc đời sáng tạo. Chúng chỉ là những cuộc trác táng bất thường của tinh thần. Ở đây, tôi muốn nói đến những tác phẩm đã được nung nấu trong thời gian. Phải, những tác phẩm đã được dưỡng nuôi bằng chiều sâu của những đêm thao thức, vẻ bùng cháy của tâm hồn bao giờ cũng được đón nhận trên những ngón tay cung chiều, yêu mến. Nói đến tình yêu mến này tôi nghĩ đến những người văn nghệ cúi đầu kiên nhẫn sửa lại từng lỗi in nhỏ mà ấn công để quên trên tờ giấy in thử lần đầu. Có người sửa hai, ba lần. Có người sửa đến bốn, năm lần mà còn sống trong e ngại. Năm ngoái những công việc của cuộc đời không cho phép tôi về kịp để nhìn bản văn của mình trước khi máy lên khuôn. Lúc về thì máy đang chạy. Tôi đã phải đòi máy dừng lại để sửa một giọng chữ in sai. Ấn công ngần ngại. Ông chủ nhà in nói về sự phức tạp kỹ thuật nếu máy in dừng lại. Đặng Lê Kim ngần ngại. Mai Thảo cũng tỏ ý lo âu số báo Xuân sẽ không ra được kịp ngày. Và tôi phải dùng biện pháp mạnh : làm mất giận. Sau cùng mọi người chiều ý tôi nhưng những cặp mắt ấy đã nhìn tôi như một đứa trẻ con khó tính. Tôi chắc rằng người thợ in sẽ nghĩ ngợi : bọn văn nghệ gàn thật. Nhưng với tôi, lúc ấy chỉ có một ý nghĩ : nhất định phải sửa lại lỗi in này. In sai như thế câu văn sẽ mất nghĩa. Bài văn sẽ không ra bài văn nữa. Tác phẩm ấy sẽ không còn đúng là tác phẩm của tôi. Người đọc sẽ hiểu khác đi. Họ sẽ không bắt gặp điều mà tôi muốn gửi tới họ. Họ sẽ hiểu nhầm tôi. Tôi sẽ bị biến thể dưới mắt họ. Tôi không còn là tôi nữa bởi vì nó, tác phẩm ấy, không còn đúng là *tác-phẩm-tôi*. Nó không còn là tôi nữa.



Nhưng tình cảm mến yêu mà mỗi người văn nghệ dành dùm để bao bọc lấy tác phẩm của mình sớm muộn cũng tan biến. Vải lụa che phủ

co thể đưa con cháu chút sẽ mòn, rách. Sự viên mãn sẽ tàn lụi. Tôi không nói về những tác phẩm thời niên thiếu mà người văn nghệ dấu kín trong lòng riêng vì nét vụng dại rõ ràng. Tôi muốn đề cập đến những bài thơ đăng trong số báo tháng trước, quyển sách mới phát hành, phòng triển lãm cuối mùa xuân năm ngoái. Tờ báo in xong, quyển sách gửi tặng, phòng tranh bẽ mặt, người văn nghệ liền thấy chán tác phẩm của mình. Sự thích thú hôm qua vụt đi mất. Nó đi thế nào? Bằng cánh vôi vữa của chim trời? Bằng ngón chân người đàn bà bạc tình? Không biết. Nhưng chắc rằng nó không còn ở đấy, ở trong cặp mắt nhìn bức tranh, nhìn cuốn sách, tờ báo ấy nữa. Có người bạn văn chất chứa ở gian phòng ngủ của anh nhiều sách và báo, từng chồng. Nhưng cuốn sách của anh không có một chỗ đứng nào trong tủ sách. Những bức tranh của người hội họa bị đẩy ải vào một lãnh cung. Có thể là góc bếp, góc buồng nghĩa là những khoảng không gian xấu số. Cả tấm khung gỗ bức tranh cũ cũng phải cởi bỏ, nhường lại vì khung gỗ còn có một ích lợi thực tiễn. Tóm lại tác phẩm hiện lên trước mắt người văn nghệ với bóng dáng của một người tình nhân cũ. Mỗi đường nét quá quen thuộc của khuôn mặt, của cơ thể đột nhiên thành què kệch, vụng về. Tình cảm chán chường ấy càng rõ rệt hơn nữa khi người văn nghệ nói. Hỏi họ về một tác phẩm cũ, một bức tranh hay một bài thơ ta thường được nghe những câu trả lời gạt đi: «vẽ đã ba năm rồi», «làm đã lâu rồi», «viết từ mấy năm nay».

Nhưng tại sao họ lại trả lời như thế? Tại sao lại phải nhấn mạnh rằng «viết đã lâu», «vẽ đã lâu rồi»? Tại sao khi nhìn lại đằng sau sự chán nản lại xâm chiếm người văn nghệ? Tác phẩm ấy, trước đây, tôi đã ngồi trong đêm khuya để thể hiện. Tôi đã nghĩ trong day dứt: phải viết bằng được. Tôi là tác phẩm sắp được thể hiện đó. Không làm xong, tôi không còn là tôi nữa. (1) Tác phẩm, trong giờ phút sáng tạo, là hào quang, là ánh sáng. Bây giờ có nó rồi đấy. Nhìn lại đằng sau bóng tối xâm nhập lấy tôi. Tại sao?

Tất nhiên sự chán chường, ghẻ lạnh trước tác phẩm cũ không có tính cách liên tục. Thoảng có lúc người văn nghệ lại cảm thấy mến yêu. Người họa sĩ gặp người yêu tranh «có mắt hội họa» nhắc nhở đến đường nét, màu sắc của một tác phẩm bán đứt từ lâu chắc hẳn sẽ bằng lòng. Người làm thơ bắt gặp một người con gái lạ mặt đọc một bài thơ xa cũ hoặc nắn nót thơ mình trên cuốn vở học trò sẽ sung sướng vô cùng. Tôi lại đột nhiên yêu mến tác phẩm của tôi. Tôi lại đột nhiên tìm thấy tôi và tài năng tôi. Nhưng tôi chỉ tìm thấy tác phẩm ấy với vẻ sống động của nó *trong mắt người khác*. Tôi chỉ tìm thấy tôi ở trong mắt người khác. Còn ngồi đây, một mình, tôi nhìn lại tác phẩm ở đằng sau, sự chán nản, bóng tối vẫn ở đấy. Tại sao?

Có người giản dị sẽ trả lời với lòng mình : bởi thời gian đã trôi qua làm cho những tác phẩm mới mẻ ấy cũ đi. Và có lẽ cũng bởi vì người văn nghệ đã làm được những tác phẩm mới xúc tích hơn, hay hơn cho nên « có mới nới cũ ». Yếu tố thời gian tôi chắc là có một ảnh hưởng thật mạnh mẽ đến tình cảm chán nản, không mãn nguyện khi nhìn lại đằng sau. Yếu tố tiến bộ cũng có thể có được. Nhưng tất cả vấn đề không phải chỉ có thế.

Sự « chán tác phẩm cũ » này có một nguồn gốc thật sâu xa. Nó là dấu hiệu của một sự lo âu thôi thúc, mãnh liệt. Khi người họa sĩ nói « vẽ từ ba năm » người nhà văn, nhà thơ nói « viết đã hai năm rồi », « từ mấy tháng » những người văn nghệ ấy muốn nói : bây giờ tôi không sáng tác hoàn toàn như thế. Sự sáng tạo của tôi, tác phẩm ngày hôm nay khác nhiều. Như thế nghĩa là tác phẩm hôm qua không hoàn toàn là tôi nữa. Nó không phản ánh trung thành cái tôi hiện tại nữa. Nó không phải là tôi. Giữa tôi và tác phẩm ở đằng sau ấy có một khoảng ngăn cách. Có thể là chân không. Có thể là hư vô. Nhưng nhất định có một khoảng ngăn cách. Tác phẩm, trước đây, tôi cho rằng nó đúng là tôi; bây giờ nó không đúng là tôi nữa. Như vậy một sự kiện rõ rệt hiện ra trước mắt tôi : *tôi không còn là cái mà tôi đã là nữa*. Giữa tôi và tôi một khoảng chân không đã xen vào. Sự lo âu thôi thúc toát ra từ chỗ chia cắt ấy rồi vụt lên như gió lốc trong không gian, nước xoáy ở biển khơi. Tất nhiên tôi vẫn xác nhận với người đời và với tôi rằng tác phẩm ấy là tác phẩm của tôi. Nhưng khi nhận rằng tác phẩm của tôi sự lo âu lại xen lẫn rõ rệt hơn nữa. Tác phẩm mà trước đây tôi say sưa, yêu mến. Tôi đã khoe bạn bè để người ta nhìn thấy tôi, tôi đã chữa bản thảo để người ta dừng nhìn nhằm tôi bởi vì tác phẩm ấy là tôi. Bây giờ nó chỉ còn là tác phẩm của tôi. Nó là của tôi tức là tôi còn là một cái gì khác tác phẩm ấy. Tất một lời : tác phẩm ấy không còn là tôi nữa bởi vì tôi đã ý thức được rằng nó là của tôi, tôi đã ý thức được về nó như một đối tượng.

Tôi vẫn ý thức được về sự hiện hữu của cái bản ở trước mặt tôi, đám mây ở chân trời mà tôi không lo âu bởi vì những sự kiện ấy luôn luôn là đối tượng, là cái mà ý thức tôi hướng về đó. Tác phẩm của tôi trước đây là tôi, bây giờ chỉ còn là tác phẩm của tôi. Nó không còn là tôi nữa. Vậy thì tôi lo âu chính vì tôi không còn là cái mà tôi đã là nữa.

Và sự lo âu, nguồn gốc sâu xa của tình cảm chán nản khi tôi nhìn lại đằng sau, nhìn lại tác phẩm không phải là dấu hiệu của đồ vỡ. Trái lại. Tôi nhớ lời một nhà văn già nói với tôi khi tôi đưa đến cho anh xem những tác phẩm đầu tay : « Phải biết chán ghét, ruồng rẫy tác phẩm của mình mới viết cái mới được. » Nhà văn đã nói lên một kinh nghiệm. Thô

sơ nhưng không sai nhảm. Chán ghét tác phẩm của mình không phải là phương pháp giả tạo kịch cỡm để tỏ ra mình tài giỏi. Người văn nghệ không mẫn nguyện thật sự về tác phẩm cũ của mình sống trong một niềm im lặng. Bởi vì thái độ không bằng lòng về tác phẩm cũ là thái độ đối lập với sự hãnh tiến. Người phô bày ồn ào sự khinh ghét của mình với tác phẩm cũ là người muốn nói to cho người khác rõ : bây giờ tôi giỏi hơn. Hãnh là sự hãnh tiến hiện hình. Nhà văn già tất nhiên muốn nói đến người văn nghệ không mẫn nguyện về tác phẩm của mình một cách thành thật. Tôi cũng chỉ bàn đến người lo âu thật sự. Trong niềm lo âu ấy chỉ có hãnh và hãnh. Chỉ có tôi và tôi. Chỉ có người văn nghệ buồn chán, không mẫn nguyện khi nhìn về đằng sau bởi vì không tìm thấy mình. Cho nên phải đi tìm mình ở một chỗ khác. Ở đằng trước mặt. Tôi là tác phẩm sắp được thể hiện bây giờ chứ không phải tác phẩm ở đằng sau ấy. Rồi thì tác phẩm hôm nay cũng lại sẽ lùi về đằng sau. Sự lo âu thôi thúc lại đưa đến sự buồn chán, không mẫn nguyện. Tôi lại phải nhìn về trước mặt : có một ngọn đèn, điều thuốc, thân bút và tờ giấy trắng.

Sự sáng tạo như vậy, mặc hình ảnh một giòng sông chảy đến vô cùng.

NGUYỄN SA

(trích Nhận định hiện tượng luận
về Sự Sáng Tạo)

(1) Xem « Sự cô độc thiết yếu » — Sáng Tạo số 20, tháng 5-1958.

NHỮNG HẠT BA-DĂNG CỦA NIÊM

MAI TRUNG TĨNH

C UỐI năm 46, vì hoàn cảnh gia đình, Hiền phải ra làm con nuôi một người bác họ ngoài Đông Triều. Ngày bỏ Hà Nội, mấy em Hiền nhìn Hiền mà khóc. Thầy mẹ Hiền không muốn có mặt ở nhà trong lúc tiễn chân con. Người bác của Hiền là một ông chủ sự bưu điện địa hạt đó từ hồi Nhật chưa đảo chính Pháp. Một tháng trước, bác gái của Hiền qua Hà Nội chơi thấy hoàn cảnh của thầy mẹ Hiền, đồng thời hai bác lại không có con gái, nên bác gái ngỏ ý xin thầy mẹ Hiền cho Hiền làm con nuôi.

Ở chưa được một tháng, nỗi nhớ nhà hầy còn ám ảnh Hiền thì một buổi chiều vào lúc cả huyện Đông Triều vừa lên đèn bác Hiền được tin Hà Nội nổ súng chống Pháp. Và bác đã gọi Hiền đến mà bảo :

— Bây giờ thì cháu không thể về Hà Nội với thầy mẹ cháu được nữa. Người ta bắt đầu tấn công Pháp. Ở Hà Nội bây giờ đang có loạn thì cháu cứ yên trí ở đây với hai bác, khu này dù sao cũng còn khó khăn Pháp mới tới được. Cháu cũng đừng buồn. Bác sẽ bảo chị Niêm dạy cháu học thêm.

Hiền bỏ ra ngoài cửa, đứng nhìn về phía xa có mấy đám lửa đốt trên đỉnh núi mạn Bắc. Hiền đứng tựa vào cánh cửa nghe mắt mình cay cay muốn khóc. Hiền tưởng tượng đám lửa lập lòe đảng chân trời kia như lửa của Hà Nội trong đó gia đình Hiền đang là những nạn nhân.

Từ buổi đó, Hiền chắc rằng mình sẽ khó có ngày gặp lại thầy mẹ. Luật của chiến tranh là tàn sát, chia ly, chết chóc và thê thảm. Con người đã đau khổ trong chiến tranh chắc chắn cũng đã lớn lên trong chiến tranh. Lịch sử nhân loại có được cũng là do ở những trận tương tranh kéo dài nhiều năm không thêm kể. Và mối buồn của Hiền cũng theo ngày tháng mà qua đi. Hiền sống với người con gái tên Niêm, hai người đã coi nhau như ruột thịt. Hai bác của Hiền chỉ có ba người con. Hai người chị đã lấy chồng. Vợ chồng người chị cả hiện ở Nam Định. Còn người chị thứ về ở với bố mẹ chồng ở Sơn Tây từ ngày được tin chồng mất tích trên Yên Bái trong một cuộc chạm súng giữa các đảng phái. Niêm là con út, nằng được mười bảy tuổi, hơn Hiền ba tuổi.

Nhà bưu điện xây trên sườn một ngọn núi trông xuống mặt lộ. Ngay cửa có thềm xuống đường bằng xi-măng. Đằng sau nhà là một dãy cây ba-dăng. Nhìn lên cao nữa là cánh cổng Quân y viện. Phía tay

trái là Đồn Cao nằm chót vót trên đỉnh núi, có đường vòng cho xe chạy men theo sườn. Dưới chân núi là một bãi cỏ hoang rộng lớn. Vì ở miền núi nên buổi sáng thường có sương lạnh. Tuy vậy Hiền dậy rất sớm và hay đứng bên dãy xương rồng trước cửa sổ ngó xuống lộ. Từng đoàn người từ mạn Đông Khê đi lên. Họ tới chợ cách đó chừng một cây số đường. Buổi chiều Hiền thường ra sau nhà nhặt những hạt ba-dăng về cho Niêm. Niêm thích chơi thứ hạt này. Buổi tối Niêm dạy Hiền học và hát. Ngay từ hồi Việt Minh khởi nghĩa, Niêm đã có cái thú chép nhạc vào một quyển vở dày khổ lớn. Đến lúc Hiền ra tới ngoài này thì quyển nhạc của Niêm đã không còn một trang trắng. Chữ Niêm rất đẹp và bay bướm. Giọng Niêm ca thì trong và cao. Niêm có ca cho Hiền nghe những đêm trên Đồn Cao có cuộc vui, họ vẫn mời Niêm lên hát. Những khi trở về nửa đêm trời rất lạnh mà Niêm thì vui thích vô cùng. Hiền có hỏi tại sao Niêm lại thích hát cho họ nghe ở trên ấy thì Niêm khẽ mỉm cười bảo nàng thích được nghe những tiếng vỗ tay ca tụng và những đôi mắt nhìn cảm mến của mọi người. Hiền bắt đầu không muốn Niêm kể thêm về những đêm giúp vui của nàng giữa những người bộ đội mặc áo trấn thủ. Nhiều đêm sức thức giấc vào nửa khuya, lắng nghe tiếng đại bác ầm vọng về từ mạn núi Đèo và nghe tiếng xe hơi chạy bằng than chở nặng nề đạn dược từ Đồn Cao đi xuống, Hiền muốn chạy sang buồng Niêm đánh thức nàng dậy cùng nghe. Nhưng rồi Hiền lại chỉ nằm trong giường và nghe lấy một mình. Anh bỗng khóc. Hiền hiểu rằng thầy mẹ sinh anh trong lúc nghèo khổ bệnh tật và anh đang lớn lên trong thời tao loạn. Hiền chợt nghĩ đến tương lai cuộc đời mình. Hiền úp mặt xuống gối khóc nhỏ rồi lại thiếp đi lúc nào không hay.

Mùa xuân năm đó, chiến dịch vẫn chưa lan tới vùng này, nhưng bộ đội kéo về có vẻ đông hơn. Để qua thì giờ, hai bác Hiền xuất ít vốn cho Niêm mở một quán ăn dưới phố. Niêm thuê một căn nhà ngay mặt đường mỗi tháng hai trăm. Niêm làm bánh tôm, bánh rán và vài thứ bánh ngọt. Hiền xuống giúp Niêm trông coi cửa hàng. Bác gái thì chạy đi chạy về.

Trong thời kỳ này, Hiền ngẫu quen với một viên Tiểu đoàn trưởng. Hắn đến ăn bánh tôm vào buổi sáng tại cửa hàng. Hắn hay nhìn Niêm đang khom mình rán những chiếc bánh ở phía trong. Niêm mảnh khảnh nhưng rất duyên dáng. Mặt Niêm lúc nào cũng như mang một mối buồn phảng phất xa vời. Hiền bắt đầu không thích cái nhìn của hắn. Một hôm Hiền đem chuyện ấy nói với Niêm, nàng chỉ im lặng không trả lời mà cũng không có gì thay đổi trên nét mặt. Anh khó chịu vì cái tính ít biểu lộ của Niêm. Hiền đề ý không ngày nào là không có mặt hắn ở cửa hàng. Hắn đến từ bảy giờ rưỡi đến chín giờ mới chịu đứng lên ra về. Niêm thì vẫn ngồi ở trong nào có biết gì. Một buổi chiều, Hiền lang thang lên Quân y viện xem họ đánh bóng rổ thì gặp viên Tiểu đoàn trưởng. Hắn rủ Hiền

xuống phố. Hiền được biết hần tên Viên. Hần chỉ huy bộ đội ở đây. Trông hần Hiền biết ngay hần là người nhiều kinh nghiệm và dày dạn sương gió. Mặt hần đen sạm, đôi mắt sáng và sắc, hai cánh tay rắn khỏe và có một hai vết sẹo. Hần rủ Hiền đi ăn ở ngoài chợ và dò hỏi tên Niêm. Hiền muốn bỏ hần ở lại, trở về một mình. Hiền nhất định không nói tên Niêm và tự nhiên Hiền thương hại Niêm. Buổi tối hôm ấy, ngồi đối diện Niêm đang đan dở chiếc áo len màu đỏ, Hiền cứ định nói cho Niêm nghe câu chuyện buổi chiều nhưng rồi mấy lần sắp nói, Hiền lại như bị một cái gì chặn lại. Hiền thì thấy Niêm ngây thơ dịu dàng vô cùng. Hiền muốn nghe Niêm hát để phá tan cái không khí lạnh lẽo, căm nín này. Và Hiền đã bảo Niêm hát cho Hiền nghe. Niêm hát bài « Chiến sĩ mùa đông ». Đêm khuya vào giường, Hiền muốn mình được làm chiến sĩ giữa mùa đông có gió thổi lạnh lùng và sẽ có một chiếc áo len người ta gửi lên từ hậu tuyến. Hôm sau, Hiền gặp Viên đi từ trên Đồn Cao xuống. Hần có một chiếc xe Jeep đặc biệt dành riêng. Hần ngồi bên cạnh viên tài xế mặc quân phục. Hần quán chiếc chân bông ngang người. Thấy Hiền đang vờ vẩn dưới phố, Viên gọi anh lại rồi rủ đi lên công binh xưởng Chí Linh mạn Phả Lại lấy thêm đạn dược. Hiền thấy hần ra chiều quý mến Hiền như em thì cũng tỏ vẻ vui mừng mặc dầu đôi lúc nghĩ lại, Hiền vẫn thấy ghét hần. Ngồi trên xe, Hiền chợt để ý đến chiếc chân và hỏi hần. Viên trả lời để đề phòng những cuộc ám sát bất chắc. Hiền hơi rùng mình. Có lần Hiền nói thẳng với Viên là anh không muốn Viên cứ mang chiếc chân đó trên mình. Tại sao cuộc đời cứ có nhiều bất chắc để người ta phải đề phòng ? Và Hiền bảo với Viên anh thích ra nằm ngoài bãi cỏ ở trên đồi vào những buổi chiều yên tĩnh, đến khi về sẽ có nhiều hạt ba-dăng cho Niêm. Viên mỉm cười cho Hiền thật ngây thơ và hần bảo Hiền hần không thể bỏ được chiếc chân đó. Một sớm một chiều hần có thể bị Việt gian ám sát và hần sẽ liả bỏ cuộc đời. Trong thời chiến, thân phận con người thật mỏng manh. Người ta phải sống ra ngoài những điều mẹ cha đã dạy. Người ta cảm thấy lớn lên trong chính con người mình và khác lạ. Đến tối mịt, Viên mới đưa Hiền về. Hần để xe dưới lộ rồi dẫn Hiền vào tận nhà. Bác Hiền có ý không bằng lòng, còn Niêm vẫn ngồi đan ở một góc giường im lặng nhìn Hiền rồi lại cúi xuống ngay. Hiền biết Niêm muốn mắng Hiền nhưng vì có mặt Viên nên nàng cố làm như không để ý đến. Hiền muốn chạy ngay lại bên Niêm khóc mà xin lỗi. Nhưng rồi Hiền chỉ chạy vào buồng trong nằm vật lên giường nhắm mắt lại. Hiền muốn khóc và bảo cho Niêm biết Hiền không thích thái độ thả其自然 giả tạo ấy. Những điều giận dữ cần phải nói thẳng thắn và những niềm vui sướng trong đời cần phải thổ lộ. Nửa đêm, Hiền lên cơn sốt vì bị lạnh ở dọc đường. Hiền thiếp đi mê man. Niêm nghe thấy tiếng ú ớ mê sảng của Hiền, chạy sang lấy thuốc và lay tỉnh Hiền dậy. Niêm đỡ Hiền trong vòng tay

rồi đưa nước và thuốc cho Hiền uống. Trong cơn mơ tỉnh bàng hoàng, Hiền thấy lơ mơ mặt Niêm gần sát mặt mình. Niêm vừa đưa thuốc cho Hiền uống vừa nhìn anh nửa như muốn trách nửa lại thương hại. Rồi Hiền nằm xuống ngủ li bì. Hai hôm liền bệnh của Hiền không rút, Niêm lên Quân y viện mời bác sĩ Triệu xuống chữa cho Hiền. Ba ngày sau Hiền khỏi hẳn. Từ đấy, Triệu thường xuống chơi và hay rủ Hiền sang bệnh viện. Hiền đã được chứng kiến những người bị đạn cụt chân, cụt tay máu me bê bết cả chiếc xe hàng thường chạy từ mạn Phả Lại về. Triệu nói cho Hiền hay những người đó đi thuyền và bị máy bay địch bắn. Triệu đã giúp những người đó khỏi chết, tự nhiên Hiền thấy yêu quý Triệu hẳn lên. Rồi Hiền quên không nhớ tới Viện nữa. Vả lại hẳn đi đâu một dạo không thấy có mặt tại huyện, nên bây giờ chỉ còn có Triệu và Niêm là hai người thường ở bên cạnh Hiền mỗi ngày. Nhưng rồi Hiền lại không thích Triệu vì độ này Triệu thường đến chơi nhà Niêm, viện có thăm hai bác của Hiền để nói chuyện với Niêm. Hiền không thấy Triệu còn rủ anh đi chơi nữa. Hiền chán nản đem theo con chó Nhật của Viện cho lên đồi ba-dăng để dạy nó biết tha mồi. Hiền ném một hòn gạch đi và con chó lao nhanh về phía trước ngậm hòn gạch đem về cho chủ. Hiền vuốt đầu chó rồi ngồi xuống cỏ mà nghe buổi chiều đang hết. Hiền dạo này càng buồn vì không thấy Niêm nhờ lấy hạt ba-dăng. Anh bỏ không lên Quân y viện và cũng không muốn gặp mặt Triệu. Bây giờ Triệu thường xuống nhà Niêm vào buổi chiều ngồi nói chuyện với bác Hiền, những lúc ấy Niêm ngồi đang áo gần đấy. Hiền không thèm nghe, bỏ đi lên đồi chơi với con chó Nhật.

Tết đã qua từ lâu mà vẫn không thấy Viện trở về. Hiền bắt đầu thấy nhớ hẳn. Lúc này Hiền lại muốn có mặt Viện ở đây để hẳn sẽ rủ Hiền đi chơi. Niêm thì không xuống phố nữa. Cửa hàng cũng đã đóng vì nghe chiến dịch sắp tới gần. Buổi tối là lúc Hiền nghĩ ngợi nhiều nhất. Năm ấy Hiền mười lăm. Anh bắt đầu để ý đến tuổi của mình. Hiền lại đau khổ vì nỗi nhớ nhà vừa thức dậy một lần nữa. Đến tháng ba thì Viện ở đâu về. Hẳn đem theo hai viên đội Lê dương võ trang đầy đủ. Hẳn để hai viên đội trong một ngôi nhà gạch cao và thoáng phía gần cầu Đạm. Một buổi trưa, Viện đánh xe lại rủ Hiền lên xem mặt hai thằng Lê dương. Hiền mới đầu còn sợ và ghét sự có mặt của họ ở đây, nhưng rồi Hiền cũng nhảy lên ngồi bên cạnh Viện mà đi. Hôm nay Hiền để ý thấy Viện không có tài xế, hẳn phải lái lấy và hẳn đã bỏ chiếc chăn bông mọi ngày vẫn quấn quanh mình. Hiền được hai viên đội kia quý mến. Một tên bế Hiền lên lòng và cho Hiền một hộp thịt hộp, một ít kẹo ngon lành mà Hiền chưa từng được ăn trong đời. Hiền hỏi Viện thì hẳn bảo hai viên đội đã đào ngũ vượt qua sông. Họ đã chán cuộc chiến tranh bẩn thỉu này và bây giờ họ muốn được yên tĩnh trong quãng ngày còn lại. Họ đào ngũ mong một đời sống được nâng niu, chiều chuộng.

Hiền không biết tiếng Pháp nhưng anh cứ nói chuyện với hai viên đội. Hiền hỏi về quê hương, gia đình, vợ con họ. Hai viên đội Lê dương trở mặt nhìn Hiền để cố đoán bằng dáng điệu, nhưng bất lực. Đến khi Viện dịch lại những câu hỏi của Hiền cho hai tên ngoại quốc nghe thì Hiền thấy họ buồn, mặt xụ xuống, cùng ánh mắt như muốn khóc. Ngoài kia, con sông buổi chiều chảy yên lặng. Phía trước mặt là một quả núi cây cối um tùm dày đặc. Hiền đứng bên cạnh hai viên đội đang nhìn ra mặt sông. Viện cũng dựa vào tường nhìn vợ vẫn ra ngoài trời. Hiền muốn có một chiếc tàu để trả lại hai người cho quê hương họ. Anh nghĩ đến những đêm tiếng súng ngoài núi Đèo, những thầy người đầy máu. Người ta không thể bỏ quê hương mà đi được. Quê hương là xương là máu, bỏ quê hương là không còn muốn mình có chỗ đứng, là không muốn mình còn là mình. Và Hiền đã nhớ Hà Nội cùng một lúc. Trên trời, các vì sao đã bắt đầu nhấp nháy. Hiền tưởng tượng những vì sao kia cùng tiếc thương cho những người cầm súng để rồi sẽ chết đến vô lý, tội nghiệp. Người ta sẽ xa lạ lạc lõng, đáng nguyên rủa khi không được chết trên mảnh đất quê hương và cho quê hương trong một nghĩa tốt đẹp. Hiền đôi lần ngổ ỷ với Viện là anh muốn bỏ đi tìm thầy mẹ và các em. Nhưng Viện tìm cách ngăn cản ý định của Hiền. Chiều chiều Viện cho Hiền ra ngoài bãi cỏ dưới chân Đồn Cao xem Viện dạy bộ đội sử dụng súng bắn tạc đạn. Hiền nhận thấy những lúc này đều có mặt của hai viên đội Tây. Họ mặc thường phục và đứng nói chuyện bằng tiếng Pháp với Viện.

Sự đi lại của Triệu ngày một thêm khắt khít. Triệu đã bắt đầu ngồi nói chuyện với Niêm một mình. Hai bác của Hiền dạo này lại yếu nên chỉ ở buồng trong. Hôm mới đây, được lệnh trên, Quân y viện phải dọn vào trại Nong cách Đông Triệu mấy cây số. Triệu có xuống báo tin cho hai bác Hiền hay. Tất cả đều di chuyển vào trong đó. Quân y viện sẽ để trống hoàn toàn. Nhưng riêng Triệu xin ở lại cho đến phút cuối cùng. Hẳn bảo bây giờ cũng không có gì trầm trọng trong tình trạng của bệnh nhân. Đồng thời Triệu ngổ ỷ với hai bác Hiền cho hẳn ở lại nhà trong một thời gian. Hai bác Hiền đã nể mà phải để cho hẳn tạm trú. Những ngày ở đây, hẳn thường lang thang vợ vẫn xuống phố hoặc lên Đồn Cao đánh bài với mấy viên tiểu đội trưởng trên đó. Có nhiều đêm, Hiền đã vào giường từ lâu nhưng chưa ngủ, còn hai bác và Niêm thì đã say giấc ở buồng trong, Triệu mới lò dò về. Hẳn sách chiếc đèn đặt từ Đồn Cao xuống. Vào đến buồng, hẳn nghiêng mình thối tắt đèn. Hẳn lên giường ở cuối phòng. Con chó Nhật của Hiền đã lớn ngồi chồm chồm giữa nhà. Hiền thấy mắt nó long lanh trong đêm tối thì Hiền vững dạ mà ngủ. Hiền chỉ muốn có một vụ trộm nào đó để thấy rõ chiến công của nó. Rồi Hiền ngủ đi giữa lúc con chó đứng dậy lưng thưng ra cửa.

Một buổi chiều, Viên rủ Hiền với hai tên đội Tây lên Đồn Cao xem diễn kịch. Trong lúc trên sân khấu đang diễn một vở kịch nêu cao tinh thần ái quốc, Hiền bỗng thấy Viên nghiêm nét mặt và hỏi Hiền về Triệu. Hắn hỏi từ cử chỉ đến ngôn ngữ, thói quen của Triệu. Hiền bỡ ngỡ không hiểu. Hiền nghĩ rằng hai người có lẽ xích mích với nhau nên Viên mới dò la Triệu như vậy. Hiền kêu chán và bỏ ra về. Về đến nhà Hiền không thấy Niêm và Triệu đâu. Anh ra sân, leo lên một móm đá nhìn xuống dãy đồi phía sau Quân y viện thì thấy hai người đang nắm tay nhau chậm bước giữa gió chiều. Hiền tự nhiên thấy đau khổ, tức tối đến tột độ. Anh bỏ lên Đồn Cao tìm Viên và nói với hắn Triệu đáng ghét. Viên chỉ cười rồi kéo Hiền vào phòng hắn ăn cơm bữa tối. Hiền tức cũng không muốn về nhà, anh nhận ở lại ăn với Viên. Đến chín giờ khuya Hiền mới về. Hiền chỉ thấy Niêm ngồi một mình đan chiếc áo len, nét mặt thản nhiên như không một chuyện gì xảy đến. Hiền biết giờ này Triệu đã sách đèn lên Đồn Cao mà sát phạt. Hiền tìm cách lại gần Niêm. Anh thấy cần phải nói với Niêm những tức bực của mình. Hiền bắt đầu :

— Sao, chị đan mãi mà chưa xong cái áo ấy cơ à ?

— Chị đan chậm lắm, cố thức khuya đan cho chóng xong. Mà khuya rồi sao Hiền không đi ngủ đi, thức làm gì ?

Hiền nhìn Niêm :

— Buổi chiều Hiền buồn quá định về tìm chị bảo chị hát một bài nghe nhưng không thấy. Mà dạo này sao chị lại không hát nữa ? Chị Niêm, hát bây giờ vậy.

— Thôi khuya rồi, để khi khác.

Hiền dần từng tiếng:

— Như vậy là chị Niêm ghét và khinh tôi. Từ bây giờ tôi không muốn chị hát một bài nào nữa.

Niêm sững sốt :

— Ơ hay ! Hiền hay nhỉ. Có khế chứ không, để cho hai bác ngủ chứ ?

— Tôi biết chị sẽ không muốn hát nữa. Nhất là hát để cho tôi nghe thôi. Chị biết không, từ ngày tôi ra đây, tôi đã linh cảm thấy rằng tôi sẽ đau khổ nhiều. Tôi thấy cô đơn vào buổi tối và tôi chỉ muốn nghe tiếng ca của chị cùng được ngồi nhìn chị hát. Tôi tự nhiên thích như thế, không hiểu sao. Thuở nhỏ tôi ít được nghe tiếng hát, tôi chỉ còn nhớ những bữa cơm nghèo túng và tiếng máy bay nửa đêm bắt tôi tỉnh giấc để dò dẫm đi theo mọi người ra một cái hầm trú ẩn gần nhà, những xe bò chất đầy xác người sáng sáng đi về phía ngoại ô. Lúc bấy giờ tôi tưởng rằng cuộc đời là như vậy. Chị phải hiểu cho tôi. Đến khi ra đây ở với chị, tôi lơ mơ thấy rằng cuộc đời còn có thể cho tôi những giọng ca tiếng hát như thế. Nhưng rồi từ ngày anh Triệu đến, tôi không còn được cái

ước mong giản dị đầm ấm ấy nữa. Chị thôi không hát và bắt đầu có những phút nghĩ ngợi. Còn tôi, tôi đã bỏ đi chơi với những người mà thật ra tôi không thích. Nhưng biết làm thế nào khi chị bắt đầu rời bỏ cái thú ấy để nhận một cái thú lớn hơn. Tôi nói thật với chị, tôi không muốn sự có mặt của anh Triệu ở đây. Anh ta là một người hững hờ, giả tạo. Anh ta sống không thật, tôi nghĩ như thế không biết có đúng không. Mọi người ở đây như không có gì liên lạc, ràng buộc với đời sống của anh ta. Anh ta chữa bệnh chỉ là bòn phận tất nhiên. Tôi, tôi vẫn cảm thấy anh Triệu đang che dấu một cái gì.

Niêm chợt nhìn Hiền nghiêm nghị :

— Sao Hiền lại nói thế ? Chị có ghét Hiền đâu...

Hiền cướp lời :

— Chị không ghét, nhưng chị không biết... không hiểu tôi... tôi cần chị, tôi...

Giữa lúc đó tiếng giép của Triệu lết sệt từ buồng ngoài bước vào. Hiền ngừng nói, vờ cúi xuống dỡ mấy trang ở quyển nhạc để trước mặt. Niêm thì cúi xuống tiếp tục đan. Hiền ngừng lên nhìn Triệu rồi đứng dậy đi về phía giường của mình. Sau đó, Niêm cũng đi nằm ngay.

Từ hôm sau, Hiền sống những ngày buồn vô cùng. Hiền bỏ đi chơi với thằng bạn dưới phố. Tên nó là Tuyền. Tuyền rủ Hiền ra sông câu rồi xuống thuyền con sang dãy núi bên kia cầu Đạm chơi. Mỗi lần đi, Hiền đều đem theo con chó Nhật. Bố mẹ Tuyền ở dưới Đông Khê, cách huyện 4, 5 cây số. Tuyền đưa Hiền về nhà chơi. Bố mẹ Tuyền rất thích Hiền. Hai người thường rủ nhau ra sân nhà thờ ở gần nhà Tuyền, chỉ qua vài hàng dâu là trông thấy cái cổng đục tăt đề vào nhà thờ. Cha Ngoạn là người trông nom nhà thờ này. Tuyền làm hai con gụ lớn, đưa cho Hiền một. Cha Ngoạn hay gặp Tuyền với Hiền chơi quay ở sân gạch. Cha người dong dỏng cao, mặt hóp và đen. Cha Ngoạn thường hay cười với Hiền và Tuyền mỗi khi cha làm lễ xong. Tuy không theo đạo, Hiền cùng Tuyền hay đi dự lễ vào sáng sớm, lúc mọi người chưa ra đồng làm việc. Cha Ngoạn vẫn gọi Hiền vào buồng riêng của cha và cho Hiền ăn bánh. Cha khuyên Hiền theo đạo, Hiền tự nhiên không muốn theo và anh muốn sống theo ý mình. Cha Ngoạn có giảng về Chúa cho Hiền bảo Hiền phải tin vào ngài, vì lúc nào Ngài cũng ở bên cạnh Hiền và che chở cho Hiền. Anh có vào nhà thờ buổi chiều để nghe người ta đọc kinh.

Đến ngày thứ sáu, Hiền muốn về huyện kéo sọt hai bác mong. Chiều hôm ấy, Hiền định ra bộ, theo con lộ chính mà về thì bỗng nhiên nghe thấy nhiều tiếng súng bắn ngoài phía cầu Đạm. Rồi từng loạt đại liên lẫn đại bác vang rền. Hiền biết Tây đã tấn công bất ngờ. Hiền biết mình bị nghẽn đường không về được và Hiền rơm nước mắt nghĩ đến hai bác, đến Niêm. Anh ra cổng làng trông về phía huyện chỉ thấy khói

lên mặt mù. Đến sẩm tối thì tiếng súng đã ngớt. Hiền chợt nghĩ đến Tuyền và chạy bỏ đi tìm. Ra đến đầu làng thì thấy hai người đang khiêng một cái xác từ ngoài đồng vào. Đến nơi Hiền chợt nhận thấy Tuyền đã chết trên tay hai người thợ cày. Anh thảng thốt gọi tên Tuyền rồi nhìn bạn mà khóc. Người ta kéo đến nhà cha mẹ Tuyền chia buồn. Một người cô của Tuyền bảo Hiền ra nhà thờ mời cha Ngoạn vào làm lễ sức dầu thiêng liêng cho Tuyền, Hiền gạt đi. Hiền bảo với người cô ấy bây giờ Tuyền đã chết và anh đã mất một người bạn. Cha Ngoạn không thể làm cho Tuyền sống lại được, như thế viên đạn trong ngực Tuyền vẫn còn là kẻ thù không diệt được của Hiền. Hiền nghĩ rằng tất cả đều không thể làm cho Tuyền sống lại. Con người ta phải chết để nhận rõ mình chỉ là người. Hiền nghĩ lại lời cha Ngoạn giảng về Chúa là đáng có thể ban cho ta những điều ta cầu nguyện. Nhưng Hiền biết chắc rằng Chúa giờ đây vẫn không làm cho tiếng súng ngoài kia ngưng được và Tuyền của Hiền sống lại để hai người lại ra sân nhà thờ chơi quay dưới bức tượng từ bi của Ngài. Hiền muốn đem Tuyền chôn ngay và mình được đi sau chiếc quan tài của bạn mà khóc. Hiền khóc cho bạn hay khóc cho mình, lúc ấy Hiền chỉ thấy nước mắt mình chảy ra và từ đây Hiền sẽ không còn gặp được Tuyền.

Chôn cất bạn xong, đến nửa đêm Hiền lại ra nhìn về phía huyện và anh nhận thấy trên Đồn Cao có ánh điện thấp. Hiền buồn rầu để kịp nghĩ rằng Pháp đã chiếm được huyện. Bây giờ hai bác với Niêm chạy về đâu ? Hiền cũng thoáng nghĩ đến Triệu và anh tưởng như Triệu đã trúng đạn không chạy kịp vào trại Nong được. Ngay lúc đó, Hiền chợt hồi hận với chính mình. Ít ngày sau, được tin địch rút hẳn, Hiền mới dò dẫm về. Hiền đi qua cánh đồng làng có nhiều quạ đen đậu và anh chợt thấy đám bầy ngói mộ mới đắp. Hiền nghĩ đến những người vừa ngã xuống. Chiến tranh với những người sớm lìa bỏ cuộc đời. Tại sao Hiền lại phải đi trên cánh đồng đầy quạ với những mùi tử thần, bom đạn chung quanh giữa tuổi trẻ này ? Hiền cố quên rảo bước ra phía quốc lộ. Đến nơi Hiền thấy Viện đang ngơ ngác thu dọn chiến trường. Hiền chợt nhìn nhà giầy thép đồ sập mất một nửa mặt ngoài. Hiền đứng lặng đi một phút, như đã chết. Rồi sức tỉnh, Hiền chạy vội đến Viện hỏi hẳn về cuộc đánh nhau ngày nọ và anh chê hẳn hèn kém nên thất bại. Hẳn nín thinh như chịu lỗi cùng Hiền. Lúc hỏi đến gia đình hai bác, Viện cho hay hai bác đã chạy kịp vào trại Nong, còn Triệu với Niêm bị bắn chết ngoài cầu Đạm. Triệu là một tên Việt gian, hẳn đã làm gián điệp cho Pháp bấy lâu ở Đông Triều. Hẳn với Niêm, định chôn xuống tàu Pháp ra Hải phòng, nhưng bị bọn Viện theo dõi bắn chết cả hai người. Hiền muốn đánh cho Viện một cái tát lúc bấy giờ, nhưng không hiểu sao lại thôi. Hiền nói như mất hồn :

— Anh đưa tôi đến xem mộ của chị Niêm. Viện đưa Hiền ra cầu

Đam. Mộ của Niêm nằm trên một gò đất cao ráo, bên cạnh là mộ của Triệu. Hiền đứng lặng không khóc được nữa. Anh nhìn trân trân vào ngôi mộ Niêm, đất còn mới. Một phút, Hiền quay lại nói với Viện :

— Tôi đã nói đúng. Hắn phải chết!

Tiếng Viện ở đằng sau.

— Cả chị Niêm của Hiền.

Hiền vội quay mặt đi một lát, rồi quay lại nhìn thẳng vào mặt Viện, giọng run run cảm động :

— Chị Niêm vô tội, chị Niêm vô tội. Anh nghe rõ chứ? Cũng như tôi, nhưng may mà tôi chưa chết. Tôi cảm thấy bây giờ thì hết cả. Tôi không thích một ai ở gần tôi nữa, kể cả anh. Các người đã dự quá nhiều vào cuộc đời của tôi cũng như của chị Niêm, và như vậy các người đều đáng phỉ nhổ.

Rồi Hiền thất thểu bỏ đi. Viện đứng sững nhìn bóng Hiền xuống đường không nói được gì.

Sau Hiền ra Hải phòng làm cho một hãng buôn. Hiền có trở về Đông Triều mang theo một số tiền để xây mộ cho Niêm. Hiền nhớ lại cảm giác lúc đứng trước mộ Niêm cùng với Viện chiều hôm ấy. Khi đó, Hiền thấy rõ mình đã yêu Niêm từ lâu. Và tuổi trẻ của Hiền đã hết.

MAI TRUNG TĨNH

BÀI KÝ NIỆM

Tôi nhớ người thôi hết mùa xuân
đường đi nghe mắt đã âm thầm
chân buồn lên đông đôi chiều nắng
mang lá xanh còn gây tiếc thương

Thủa ấy tôi về ngang đất cũ
ngày thơ ngây cũng đẹp như hồn
người đi trên những con đường đó
lòng cũng lên mùi cỏ mới thơm

Em áo còn bay nhiều ước hẹn
giấc mơ đời ngọt vị buâng khuâng
năm tay dài mãi niềm lưu luyến
chân chậm dường như đến ngại ngần

Tôi gửi đời tôi trong tóc ấy
ôm người chưa chắc nổi vòng lưng
chiếc hôn đầu chết trên vầng trán
môi đã nghìn năm biết tủi hờn

Tôi nhớ người thôi hết đời tôi
đường đi không kết nổi câu cười
buồn hoang đến nửa thời thơ dại
trong những chiều ai mang áo phơi

NGŨ TRỊ

Mang trong mắt bao nhiêu lời tình tự
Thủa ta về mùa đông dài phố cũ
Đi bên nhau hồn chậm với vai gần
Tiếng ca buồn ôi khúc hát thanh xuân
Ta dừng lại và nghe chiều rét mướt
Em mười sáu, tuổi kiều thơm dịu ngọt
Chiều đời êm áo lụa mát bàn tay

Tình song song phơi với dấu chân bầy
Đi rất chậm sợ ngày vui chóng hết

Thủa ta về mấy con đường lá chết
Mùa đông làm xơ xác những xương khô
Người hoang mang sầu lẫn dấu sương mù
Hơi thở nóng gọi đồn lên triền mắt
Tim đập mạnh như vỡ niềm khao khát
Ta nín hờn cho tình nhẹ nhàng trôi
Tay ước mong không dám níu vai người
Môi chờ đợi vẫn nguyên văng trán ấy
Ngực thê thiết còn ngàn đời thơ đại
Chút xuân đậm chưa đủ ấm lần vai

Giờ cách xa, màu dạn với đêm dầy
Tay đã với bao nhiêu niềm nhục nhã
Môi đã nhận trăm ngàn lần sỉ vả
Ngực đại khờ hơi thở đã nồng tanh
Tiếng ca buồn ôi khúc hát thanh xuân
Ta vẫn nhận trong những chiều rét mướt
Thuở ta về giấc mơ nào dịu ngọt
Bước chân đời sao đã cách xa nhau
Em biết không hờn tủi chiếc hôn đầu
Trong những lần mùa đông dài phố cũ

Mà sớm Nam giao hay còn chiều sông Ngự
Ta vẫn tưởng mình đang kiếm tìm nhau

THỬA LÀM THƠ YÊU EM

thửa làm thơ yêu em
giời mưa chưa ướt áo
hoa cúc vàng chân thềm
gió may lưng bờ dậu

chiều sương dày bốn phía
lòng anh mấy cách xa

tiếng đời đi rất nhẹ
nhịp sâu lên thiết tha

thửa làm thơ yêu em
cả giọng sông thương nhớ
cả vai cầu tay nghiêng
tương tư trời thành phố

anh đi rồi lại đến
bài thơ không hết lời
bao nhiêu lần hò hẹn
sớm chiều sao xa xôi

mười bảy năm chợt thức
bây giờ là bao giờ
bàn tay trên mái tóc
nghìn sau còn bâng quơ

THƠ CHIỀU PHỐ

Thuyền ai trên sông Hương
lòng tôi trên sông Hương
đầy nửa giọng nắng muộn
đầy một hồn nhớ thương

Tay ai trên vai cầu
lòng tôi trên vai cầu
gió chiều bay tà áo
tay vịn về đến đầu

Mây chia trời vỹ dạ
tiếng hát nào dâng buồn
sương lan rồi mấy ngả
sầu cũng vẫy đời luôn

Mấy lần em buộc tóc
trời rét như chiều này

vệ đường khô tiếng guốc
lưng áo chùng heo may

Cây im nghiêng lòng phố
chiều mây trôi với người
mình anh về gác trọ
mình anh sầu riêng thôi

VÀ TÊN MỘT NGƯỜI RIÊNG

người đi qua đời tôi
nghe những chiều đông sầu
mưa mù lên mấy vai
mây mù lên mấy giờ
gió mù lên mấy biển

người đi qua đời tôi
hồn lưng miền rét mướt
đường bay đầy lá mùa
vàng xưa đầy dưới chân
lòng vắng như ngày chờ
xa dần như lãng quên

lời ca giờ chưa cất
người ngàn khơi không về
chiều âm vang tiếng sóng
mây trời như ngày đi
mắt trông dài gió cát
muôn trùng ai nói gì

lời ca giờ chưa cất
bàn tay đầy khói sương
người đi qua đời tôi
nghe những lời linh hồn
phi lao dài tiếng reo
lên những lời âm thầm

trên lối về nghĩa trang
 trong mộ phần tối đen
 người đi qua đời tôi
 không nhớ gì sao người

em đi qua đời anh
 không nhớ gì sao em

TRẦN DẠ TỬ

30 THÁNG CHẠP

Chiều cuối năm phiên chợ tăn
 Đi lang thang và ăn ở nhà một thằng bạn
 Nhớ người thơ ngủ ngoài nghĩa địa
 Đi lễ Lăng ông xin thẻ
 Định mệnh dây lao đao
 Thương tình nhân bé nhỏ
 Đôi mắt buồn khung cửa hoàng hôn
 Bước trở về xe buýt đầy người
 Thành phố như xa lạ
 Và mình thì bơ ngỡ bâng khuâng
 Một vài tiếng pháo nổ, trẻ con cười hớn hờ
 Tìm một rạp chiếu bóng xem phim cuối của chương
 trình năm mới
 Rồi như mọi khi ngủ trên căn gác ngói không trần
 Sáng hôm sau mặt trời đánh thức dậy
 Không đi ăn phở
 Mừng một tết ở đây giấc ngủ đầy

NGÀY ĐẦU NĂM

Pháo nổ tiếng một
 Giấc ngủ hôm nay dài thương nhớ
 Không đi ra ngoài phố

Nghe nhạc máy trâu thanh
 Tiếng hát người danh ca từng say mê
 Tiếng hát người trở về
 Chuyển buýt ra ngoại ô
 Giòng sông nước vừa rút hết
 Nhớ người tình khó gặp gỡ
 Để làm gì, không biết
 Ngọn cây đầy tiếng chim sẻ
 Những đứa trẻ con không đánh nhau
 Đường hẻm như ngập sắc hoa đào
 Những cái pháo đã nổ
 Bắt đầu bằng hơi thở
 Những kẻ yêu nhau
 Nghe sồn sao đầu ngõ

ĐI TRỐN

Một mình trên gác nhỏ
 Thành phố như người mù
 Tiếng hát ai cô quạnh
 Ngõ hẹp đêm bơ vơ
 Cuộc đời người đi trốn
 Thời gian những ảo hình
 Ngoài sông gió lồng lộn
 Buổi tối buồn đau tim
 Nhớ nhung đầy bóng đêm
 Mùi bùn xông nồng tanh
 Dạ lan đầy đêm xanh
 Em ơi bàn tay nhỏ
 Khúc nhạc buồn Chopin
 Nằm im nghe đêm vắng
 Sự nín cảm trông chạnh
 Nón mưa cuộc đời hoang
 Và không buồn không khóc
 Núi rừng gầy rét mướt

Chủ nhật phố đông người
Ở đây đèn điện tắt

HÀNH TRÌNH

Cơn tàu lắc, cuộc đời
Đêm xâu mờ bóng tối
Núi rừng đứng bơ vơ
Tôi đi, em chờ đợi

Những bạo hành nhảy múa
Giấc ngủ buồn trống không
Không gian như thương nhớ
Mùa hạ đêm sáng trắng

Từng ga và từng ga
Những đôi thay nhỏ bé
Lữ hành không cảm xúc
Tôi buồn như tuổi thơ

Lên rừng tìm bản ngã
Nước sông chảy dưới cầu
Người đi và người đến
Tháng ngày chật đờn đau

VƯƠNG TÂN

LÂN SÀI-GOÒNG

THÁI BẠCH

Cứ mỗi lần tết đến, ở thủ đô Sài-goòng cũng như các tỉnh miền Nam, nhân dân lại tổ chức những cuộc múa lân để chào mừng năm mới và đón tiết xuân sang. Đây cũng là một tục lệ địa phương khác hẳn với hai miền Trung — Bắc.

Ở Bắc và ở Trung cũng có tục múa lân. Nhưng chỉ múa vào dịp tết Trung thu và gọi là múa sư tử, chứ không gọi là múa lân và chơi vào dịp tết Nguyên đán như đồng bào miền Nam.

Vậy múa lân đúng hay là múa sư tử đúng ?

Và tại sao lại có múa lân ?

Đồng bào miền Nam múa lân vào dịp Nguyên đán đúng, hay đồng bào Trung — Bắc múa sư tử vào ngày Trung thu đúng ?

MÚA LÂN ĐÚNG, HAY LÀ MÚA SƯ TỬ ĐÚNG ?

Theo thiên ý tôi thì gọi múa lân đúng hơn là gọi múa sư tử. Vì cái đầu của con thú này khi người ta làm đem ra múa, có một cái sừng ở trên thì hẳn là không phải thủ dáng của một con sư tử. Con lân, chúng ta không được thấy, song căn cứ vào sách Ngũ-đế-kỷ của con cháu các cụ Thần Nông, Hoàng Đế thì hình dáng của nó là «mã đề nhất cước», tức móng ngựa một sừng, nó rất lạnh, đi không bao giờ dẫm gót lên sinh vật. Còn sư tử, chúng ta đã từng mục kích rõ ràng trong gánh hát xiệc của Tạ duy Hiền, hay ở trong sở thú Sài-goòng. Nó là một con vật dữ tính hay ăn thịt sống hơn cả những beo cạp; đầu có bờm rậm, móng như móng chó, khi nó nhe răng thật là ghê sợ, tiếng nó thét lên mọi vật đều khiếp hãi. Sư tử cái không có bờm nhưng oai danh hơn con đực, bởi nó được mệnh tiếng thế gian đem ví với người đàn bà có máu đá ghen. Nó đâu có sừng như cái đầu mà người ta làm ra để múa ? Và sư tử chỉ tượng trưng cho hung hãn dữ tợn thì hỏi làm sao lại được các vị Thánh xưa đặt ra để múa vào những ngày xuân hay ngày lễ Trung thu ?

TẠI SAO CÓ MÚA LÂN ?

Tục lệ múa lân ở nước ta có đã từ lâu. Ngày nay không ai còn nhớ được từ đời nào, ngoại trừ các cụ đồ Tây, đồ Nho ở trường khắc cổ. Nhưng có điều chắc chắn là tục lệ này phát xuất từ Trung hoa người mình thấy hay hay nên cũng để cho du nhập.

Tục lệ này đặt ra là một hình thức chơi múa, đồng thời cầu chúc

trong nước có thánh nhân ra đời để thiên hạ được thái bình. Theo sử ký của Trung hoa, lân là vật tượng trưng cho thái bình thịnh trị. Sách Tam-hoàng ngũ-đế nói lân ra đời vào thời đại Hoàng đế Hiên viên, cách đây khoảng độ 5 ngàn năm, và chỉ khi nào trong nước có thánh nhân thì lân mới ra đời. Lân ra đời là một điềm tốt, báo cho trăm họ sẽ được âu ca lạc nghiệp.

Theo sử chép thì ở Trung hoa chỉ có hai lần có lân ra, một lần như trên, và một lần vào thời Khổng phu Tử. Lân sau này, lân ra đời bị người kiếm củi không biết, đánh què một chân.

Khổng phu Tử cho con lân này là điềm ứng vào mình nên ngài sa nước mắt, rồi từ đó ngài nghỉ ở nhà để sáng tác kinh Xuân Thu, không đi chu du liệt quốc nữa. Ngài luận rằng lân bị đánh què, tức là lân ra không gặp thời, mà lân không gặp thời tức nhiên mình cũng không gặp thời, không gặp thời thì đi đến nước nào, đem thuyết chính trị của mình ra nói cũng chỉ uổng công thôi. Khổng phu Tử bắt đầu làm kinh Xuân Thu từ năm ngài thấy có muông lân, nên kinh Xuân Thu, một tác phẩm mà Quan Vân Trường đời Tam quốc thích thú say mê nhất, còn có tên gọi là Lân Kinh nữa. Song có thuyết lại chép khác: Ngài đang viết kinh Xuân Thu, thấy lân ra đời bị đánh què một chân, nên Ngài buồn, rồi thôi không viết nữa.

Sự tích muông lân là thế, nên người đời sau cứ mỗi năm tết đến bày ra múa lân để cầu mong trời đất năm ấy sẽ sinh ra thánh nhân, cho thiên hạ được ấm no thái bình. Tục lệ này có ý nghĩa là vậy và phát sinh ở Trung hoa, sau đó mới tràn sang nước ta.

MÚA LÂN VÀO TẾT TRUNG THU ĐÚNG HAY VÀO NGUYỄN ĐÁN ĐÚNG ?

Theo các sách truyền của Trung hoa, lân là một vật dã thú, mình nai đuôi trâu và ngay ở trên đầu có một cái sừng thịt. Con đực gọi là lân, con cái gọi là Kỳ, đầu không có sừng.

Sách Từ nguyên lại chép thêm, lân là một vật hình dáng như trên và có lông ngũ sắc, không ăn cỏ tươi, không ăn thịt sống, nhưng cũng không nói rõ là lân thích ăn những thứ gì.

Đó là con lân trong sách vở Trung hoa, còn ở Việt Nam ta thì con lân lại khác. Theo tục truyền nước ta xưa có bắt được một cặp kỳ lân và đem sang tặng nước Trung hoa. Cặp kỳ lân này mình như mình trâu, tai như tai voi, chân như chân chó, không có lông, chỉ có vẩy như vẩy cá.

Nhưng dù sao, tục múa lân cũng là theo diên tích con lân ở bên nước «con trời», và nhắm vào mục đích như trên đã nói.

Theo thiên ý thì múa lân tổ chức vào dịp tết Trung thu không

đúng. Vì lân tượng trưng cho điềm trời sinh thánh thì việc cầu nguyện ấy phải đề vào đầu năm mới đúng với ý nghĩa. Còn chơi vào dịp Trung thu như đồng bào Trung — Bắc, hỏi ra cũng chưa ai có thể trả lời chắc chắn và bảo đảm là tại lý do nào.

MÚA LÂN XƯA Ở SÀI-GOÒNG

Ở Sài-goòng, cách đây chừng 40 năm về trước, có ba điệu múa lân : múa hồng nhan, múa lân và múa con hầu. Điệu múa con hầu thường do người Hoa kiều múa. Song-hầu là gì ? Thật ra không ai biết rõ, ngay đến cả những người thuộc dòng cụ Bàn Cổ sang đây.

Trong ba điệu múa trên, đồng bào Sài-goòng thường thích múa lân hơn hết, vì múa lân là một lối chơi tập đoàn có tổ chức, có chương trình, chứa đầy nghệ thuật và ý nghĩa.

Lúc mới đầu, tính chất cuộc múa lân là vậy. Song lâu ngày, vật đổi sao rời, múa lân dần dần mất hẳn ý nghĩa, mà chỉ còn nhắm vào mục đích múa lân để lấy tiền là quan trọng. Cũng như danh từ luân lý và đạo đức, lâu ngày đã trở thành những tiếng thông thường cho những kẻ tàn bạo lạm dụng để che dấu hành động và bộ mặt giả dối của chúng mà gạt lừa thiên hạ.

Bởi thế, chúng ta cũng không nên lấy làm lạ khi nhắc lại các cuộc múa lân xưa ở miền Nam, nhất là ở Sài-goòng — Chợ-lớn, đã trở nên những thú chơi không phải dễ và kém phần nguy hiểm. Vì muốn tổ chức một cuộc múa lân phải là những tay «anh chị bự» ; bầy em út dưới chương phải có gan, có võ, dám sống chết khi đem đầu lân ra múa đề phụng sự cho một mục đích.

LÂN ĐÁNH RÁP LÁ CÀ

Như tết năm 1924, mấy anh «cặp rắng» ở nhà máy cưa bên Khánh hội có sự sích mích thù oán với vài tay anh chị bự ở Vĩnh hội, liền tổ chức một cuộc múa lân đề thừa dịp trả thù.

Với sự tổ chức này, lẽ tất nhiên các tay «anh chị bự» ở Khánh hội phải xếp đặt hết sức chu đáo. Trong bọn có sẵn sàng những tay võ nghệ cao cường với những thứ khí giới bén nhọn. Cuộc tổ chức này hết sức bí mật, nhưng có lẽ bị gián điệp đối phương chui vào nên các tay anh chị ở Vĩnh hội cũng bí mật chuẩn bị đề sẵn sàng nghinh địch. Thế là một cuộc múa lân thảm hại và kinh khủng diễn ra. Từ lân múa đề cầu nguyện thái bình, bỗng trở thành lân đâm máu.

Mồng một tết, các «anh chị» mặc cúng ông bà, mặc đi mừng tuổi. Tối mồng hai, các «anh chị» mời tụ họp đàn em, tổ chức một tiệc no say gọi là «tống tửu Đơn hùng Tín» và ngày mồng ba, con lân râu bạc ra đời. Pháo đốt, cờ phất, trống rung, vang động cả một vùng.

Trước mặt con lân có một người cầm trái châu đưa cho lân giỡn. Người này chẳng phải nói thì ai cũng hiểu là tay cao đệ nhất trong đoàn. Sau lân, kẻ gây người kéo, rầm rộ một đoàn có cả mấy chục anh. Kim búa đao mác lúc đó chưa xuất hiện, tất cả những thứ khí giới này còn nguyên trang, giấu trong đầu lân khi gặp địch thủ mới đưa ra sử dụng.

Mới ra, lân Khánh hội bình tĩnh và hiền ngàng đi múa các ngã đường. Nghệ thuật múa hay. Hai bên đường công chúng đứng xem đông nghẹt, tiếng vỗ tay hoan nghênh không thua gì tiếng pháo.

Chiều lại, lân đi dọc theo đường Bờ sông (Quai de la Marne) tiến thẳng tới nhà một «anh chị» đối phương. Anh này xông ra. Người nhà biết ý kéo trở lại nhưng bọn anh em đã tóe ra. Hai bên ráp chiến. Phe Vĩnh hội chọc thủng trống, xé cờ lệnh của đoàn lân Khánh hội và dùng đao búa đánh rập lá cà.

Phe Khánh hội phản công. Hai bên đánh vui như mưa bấc. Năm bảy người ngã xuống, nằm nghiêng ngả ở chiến trường. Nhà cầm quyền được tin cấp báo, phải hỏa tốc đến điều cả hai phe về bột mở cuộc điều tra. Kết quả trận đấu lân này làm ba người tử trận, bốn mươi người bị thương.

LÂN BỊ CẤM VÀ NHỮNG LÂN PHƯỚC THIỆN

Sau cuộc múa lân đổ máu năm 1924, luôn 6, 7 năm sau, nhà đương cuộc cấm không cho ai được phép múa lân ở Sài gòn — Chợ lớn.

Ngày giờ thắm thoát, mãi đến năm 1930 trở đi, bóng dáng con lân mới lại được xuất hiện ở thủ đô hòn ngọc viễn đông trong các cuộc lễ lớn mà phần nhiều thuộc về phước thiện.

Cũng vì vụ án lân khi trước mà nhiều anh em mộ điệu múa lân phải đến nhờ ông Hộ trưởng xin giùm phép, phải lấy danh dự mà bảo đảm là không để xảy ra chuyện gì làm mất công nhà cầm quyền và múa lân cốt ý chỉ để kiếm tiền cho mấy hội phước thiện! Nhờ có sự can thiệp của mấy ông Hộ trưởng, sau này phong trào múa lân mới lại phục hưng ở Sài gòn — Chợ lớn.

Tuy nhiên, nhà cầm quyền lúc đó cũng lấy làm sợ các cuộc múa lân lắm, nhất là khi ấy phong trào cách mạng ở các tỉnh miền Nam lại nhen nhúm nổi dậy. Biết đâu những đoàn múa lân lại chẳng hóa ra những đoàn biểu tình và bạo động. Vì thế, mỗi lần cho phép là cả một lần điều tra, và mỗi lần có đám lân xuất hiện là có ngay những thám tử và ma tà trà trộn canh chừng.

MÚA LÂN NGÀY NAY

Và từ năm 1930 đến nay, tết năm nào ở Sài gòn — Chợ lớn cũng có

những cuộc múa lân. Song cố điều nghệ thuật múa kém nên không khoái mắt cho lắm.

Trước kia, mỗi khi có cuộc múa lân, người ta thường phải hội họp các đàn em trong đoàn lại để tính cho thợ mã làm cách nào bong cái đầu lân cho to cho khỏe và cho chắc chắn, dao mác đâm vào cũng không bẻ, phải giấu được những khí giới của anh em cần dùng. Rồi tới hàm râu của con lân là biểu hiệu cho sự khiêm nhượng hay khiêu khích. Râu đỏ hay râu pha màu muối tiêu, không cứng mà cũng không mềm là phúc tùng. Còn râu bạc là tượng trưng xác lão. Hễ khi có lân râu bạc ra thì tức là có chuyện khiêu khích, giả tử như lân Khánh hội năm 1924.

Khi tính việc bong đầu lân xong rồi, mới tính việc phân công phân nhiệm. Ai múa, ai giữ đuôi . . . ai chỉ huy, ai trợ chiến. Mỗi người giữ một trách nhiệm, ai nấy đều phải thao luyện cho thuần thục trước một tháng. Rồi tới khi múa ở đâu phải phân định ranh giới. Mỗi con lân có một địa hạt riêng, hễ lấn sang tức là khiêu khích, là muốn sinh sự và gây chiến.

Và ngày nay, sở dĩ múa lân còn tồn tại là nhờ ở chỗ còn ít người quan niệm ngày tết có lân đến nhà thì may mắn, mặc dù là lân giả. Cũng sẽ trường tồn nếu trên cao kia còn có những buộc tiền đỏ bé và vài cây xà-lách xanh tươi.

THÁI BẠCH

XÁC CHẾT

THAO TRƯỜNG

Đã từ hai ngày Hy nằm như chết. Cái án tù chung thân bám lấy anh không thể giải thích. Người ta bắt được anh nằm ngất lịm, tay còn cầm chiếc búa dính máu, cạnh xác một người đàn bà. Nước cống vấy lên khắp người chị và người Hy. Nói rằng có cuộc vật lộn trước khi một người buông xuôi tay vĩnh viễn và một người buông xuôi tay cho chiếc còng sắt khóa lại, Hy thấy vô lý hết sức. Tuy đã lãnh án, tuy đã nhận tội sát nhân, Hy vẫn ngờ ngợ rằng mình không thể nào làm như thế. Hy không thể có cái hành động cầm búa bổ vào đầu Lim.

Lim là gái hoàn lương nhưng có vài điểm rất khả ái. Nàng tự nhiên đến nỗi tưởng rằng xung quanh ai cũng thông cảm và quý mến mình. Một hôm Hy dẫn Lim đi phố mua đồ, về dọc đường gặp Lộ ; Lộ mời hai người đi ăn cơm. Hy chưa kịp nói thì Lim đã tươi cười :

— Thôi xin phép anh. Chúng tôi phải về bây giờ. Chiều rồi. Về bây giờ còn phải tắm cho anh ấy nữa. Khi khác.

Hy có cái sung sướng là được người vợ săn sóc từng ly từng tí. Nhiều lúc Hy được nuông chiều như trẻ con. Mỗi ngày Lim bắt Hy nằm trong bồn tắm, nâng kỳ cọ cho anh như hồi nhỏ mẹ anh chăm lo cho anh vậy.

Lim vừa xoa xà-phòng trên tóc Hy vừa nói :

— Anh cúi đầu xuống một tí để em gội tóc nào. Đã lười, em tắm cho lại còn...làm bộ.

Những lúc đó Hy chỉ cười thụ hưởng.

Bây giờ thì Lim chết rồi. Lim chết dễ dãi không kịp phản nản. Hy nhớ lại cái lúc bị đánh tỉnh dậy, xung quanh ồn ào những tiếng người, những người điều tra. Ánh đèn chớp của máy ảnh loé sáng làm quáng mắt Hy. Cái thể xác trắng bệch nằm cạnh phuy nước là Lim. Nàng ngoẹo đầu như những lúc gối trên tay Hy. Mắt nhắm khít hẳn nhiên và môi thì thâm lại hiện lạnh. Lim nằm chết một cách rất hòa bình. Chỉ có Hy là sống tù đầy. Hy không thể hiểu được vì sao Lim lại có thể chết dễ dãi như vậy. Mà lại chết vì lưỡi búa của Hy, chết vì cánh tay vẫn hằng ôm ấp vuốt ve Lim, khiến Hy phải sống giam hãm như một giấc mộng.

Thật vô lý.

Hy tưởng rằng không phải Hy giết chết nàng. Hy cũng nói như vậy với những người điều tra. Nhưng họ hỏi lại :

— Ngoài anh và bà ta còn có ai trong buồng tắm ? Anh đã giả vờ ngắt đi nhưng còn cái búa trong tay. Cái búa dính máu.

Hy không trả lời được, thì đúng chỉ có Hy và Lim trong buồng tắm. Nghĩ thế nên Hy có hơi nghi ngờ mình. Biết đâu cái phút ấy chợt Hy nổi điên, làm ác rồi ngắt đi. Nhưng như thế thì tàn nhẫn quá. Hy mà giết Lim ư ? Trước kia Hy còn có thể chân thành yêu Lim ngay lần đầu gặp nàng ở một xóm lầy lội tối tăm trong một căn nhà đèn dầu. Căn nhà có những tấm ri-đô hoa quây quanh những chiếc giường. Những mối tình chân thật còn khởi đầu được từ những chiếc giường ấy thì không thể là những mối tình chóng tàn phai. Chỉ có giả dối mới không đảm bảo được gì. Những tấm lòng vốn sa đọa đã biết chân thật và vì chân thật chấp nhận sự cần thiết nhau thì không thể một sớm một chiều, một giây một phút thù ghét nhau đến độ phải làm ác.

Hy gặp Lim trong xóm lầy ấy và hai người đã giết nhau ra khỏi ngõ tối.

Đến ngoài đường sáng, Hy ôm Lim hôn rất lâu rồi nói :

— Anh bằng lòng em.

Lim ngồi xuống buộc lại giày giầy cho Hy, nàng nói nhỏ sát mặt đất :

— Em cũng chờ từ lâu

Gặp nhau như thế. Yêu nhau như thế. Mà lại giết nhau như thế được sao ?

Lúc đứng ở vành móng ngựa nghe biện lý buộc tội, Hy ngờ ngác không hiểu ; rồi những lời ông ta nói, những lý lẽ ông ta đưa ra, dần dần Hy thấy có lý. Sau cùng thì Hy tưởng mình có tội thật. Hy bắt đầu tin rằng mình đã giết Lim. Hy thấy ghê sợ mình, tên sát nhân dã man. Nhưng khi nghe tuyên án tù chung thân thì Hy buồn nôn ngay. Hy lại cảm thấy là vô lý. Không thể là Hy, Hy vẫn yêu Lim chân thành. Hai người còn yêu nhau chân thành. Đừng buộc tội-tội như thế, ở bên kia Lim có thể hiểu lầm và nàng sẽ không còn dễ dãi được nữa.

Hy mất Lim và mất luôn cả một đời. Mất mà không hiểu tại sao. Mất mà không biết lý do. Mất lại còn bị buộc tội là tự ý vứt đi, tự ý hủy bỏ.

Hy quan niệm sống là yêu và suy tưởng. Không yêu và không suy tưởng chỉ là xác chết. Bây giờ tình yêu đã bị cái « không hiểu tại sao » làm mất đi. Còn suy tư thì đành rằng vẫn suy tư rồi, buộc phải suy tư, nhưng ở trong một khối không gian vuông vắn nhỏ bé tối tăm, chỉ có một cửa sổ rào sắt, cộng với cái bứt rứt khó hiểu về tội trạng của mình, Hy thấy suy tư chỉ đưa đến một ý kiến kết thúc. Hy chưa là thầy ma, nhưng Hy là một thể xác hấp hối. Sự hấp hối còn buồn hơn là chết hẳn. Mà chết hẳn nhiều khi lại hào hứng.

Ba trạng thái : sống, hấp hối và chết, chỉ có hai cách dùng được.

Hấp hối không ai chấp nhận. Nhất là thứ hấp hối tinh thần. (Bên kia sông đang hấp hối, họ chối bỏ tình yêu).

Hy nhìn khoảng trời vuông và xanh độc nhất. Hình ảnh cuối cùng ngoài đời còn lại với Hy cũng không trọn vẹn. Biết khi chết, tình yêu của Lim có còn trọn vẹn không? Hy chịu không hiểu nổi, cả Lim, cả người điều tra và cả mình.



Lại nói về Lộ, kể từ khi Lim và Hy ở với nhau, Lộ là bạn thân của gia đình ấy.

Trước kia hắn là người đón khách cho Lim. Hắn chạy xích-lô và mang về căn nhà trong xóm tối om cho Lim những người rạo rục.

Ngày ấy, đêm đến, Lim nằm trong nhà chờ tiếng xích-lô máy của hắn dừng bên ngoài ngõ. Mỗi lần nghe được cái tiếng nổ quen thuộc Lim, vội vàng trỗi dậy, vội vàng xoa một lớp phấn, vội vàng sửa lại mái tóc, đón chờ người không hẹn trước.

Cánh cửa mở ra rồi khép lại vội vàng. Ngọn đèn dầu mờ thêm. Và tấm màn hoa buông xuống. Chỉ còn những tiếng rì rầm đứt đoạn.

Bên ngoài chiếc xích-lô máy nổ vô tư. Lộ châm một điếu thuốc lá rồi cho xe chạy.

Vậy mà hắn và Lim là một đôi tình nhân. Hắn không phải chu cấp tiền cho nàng. Hắn chạy xích lô-máy và nhớ đến Lim là đủ!

Có lần Lim ngờ ý về ở chung với hắn, chấm dứt sự làm việc ban đêm và hai người ích kỷ thật sự. Nhưng hắn không có ý kiến gì cho Lim, và mọi việc lại tiếp diễn không ngăn cấm. Hắn vẫn tiếp tục đưa về cho Lim những người khách, một điếu thuốc được đốt lên trước khi xích-lô máy chuyển bánh, hắn đi không bận tâm gì.

Có một buổi tối hắn đưa về một người khách. Người ấy là Hy.

Cánh cửa lần này không khép ngay lại. Nàng nhìn Hy khác hơn mọi cái nhìn. Hy không sỗ sàng và cũng không căm lạng. Hy nhẹ nhàng ngồi xuống ghế. Lim nhìn thấy ở Hy một tâm hồn chân thật, dễ dãi và bao dung, ở ngay đôi mắt và ở ngay cái cử chỉ ngồi xuống của Hy. Lim tin được như vậy.

Hy thì yêu ngay Lim, yêu cái bặm môi, yêu cái chớp chớp mắt của nàng. Lim bẻ tay kêu rằng rắc đứng im trước mặt Hy.

Hy dịu dàng:

— Mình nên để cửa ngõ nói chuyện.

Lim gật đầu ngồi xuống ghế cạnh Hy:

— Người nào cũng muốn khép ngay lại. Chỉ có anh mở toang ra.

Hy cười bằng tất cả các giác quan:

— Thật à? Ở nhà anh vẫn mở toang ra như thế!

— Nhà anh khác.

— Khác gì, mở để chờ.

— Chờ ai ?

— Em.

Lim cảm động, tuy nàng đã nghe biết bao người nói thế.

— Em bằng lòng mở toang cửa thế này chứ ?

Lim gật đầu :

— Tại anh cả.

— Và có thể phải mở mãi mãi không cần che đây.

Nửa đêm đó, Lộ chở một người khách nữa tới nhưng cánh cửa mở toang, đèn vụt sáng, Lim thì không còn ở nhà.

Hy đã đưa Lim ra khỏi ngõ để về nhà anh. Cửa nhà Hy mở đón Lim vào. Và cửa tâm hồn hai người cũng mở rộng để nhốt nhau vào trong. Mỗi tình thật tâm thường đắm thắm.



Lộ vẫn đến chơi với hai người. Hắn không có ý nghĩ gì về cái gia đình nho nhỏ ấy. Mà hắn cũng không có ý nghĩ gì về người con gái trong ngõ tối ngày nọ. Hắn chỉ là người bạn dừng dừng.

Nhưng Hy có đôi khi tưởng rằng Lộ đi giữa hai người. Còn Lim thì nàng cho rằng Lộ là người tốt, trước kia Lộ đã giúp đỡ nàng những cái bản thủ cần thiết.

Sau hôm Lim về với Hy, Lộ đến tìm Lim và nói với nàng lúc này hắn rạo rục.

Mọi khi thì Lim tươi cười sẵn sàng trả hắn. Lần này nàng tự lự chối từ :

— Anh giúp đỡ Lim hơi nhiều.

— Đúng thế.

— Nhưng anh có thể giúp Lim một lần nữa . . .

— Đúng thế.

— Lần chót. Lim lấy chồng rồi.

Lộ à một tiếng, gật gật đầu mấy cái :

— Em yêu thật ?

Lim cũng gật gật đầu mấy cái. Cười.

Lộ cười theo. Chiều hôm sau Lộ mời vợ chồng Lim đi ăn cơm. Rồi từ đó, mỗi chiều chủ nhật Lộ thường ăn cơm chung ba người và hắn không bao giờ nhìn Lim nữa. Hắn thân nhiên với Lim như thân nhiên với những người khách đi xe hắn. Có bao giờ nghĩ tới những người đã đi xe mình ? Có bao giờ nghĩ đến người đã chung sống với mình ? Hỡi những người yêu nhau như sinh nhai ! Hỡi những người không sống với nhau bằng tâm hồn !

Thì chỉ một câu nói của Lim làm mọi việc thay đổi. Một câu nói

khe khẽ đủ để tâm hồn Lộ trở về với hắn. Hắn chợt là người có được tình cảm.

Câu Lim nói là lời vô tình, là lời tự nhiên, nhưng đã làm Lộ buồn. Có một lúc hắn khám phá ra là hắn yêu Lim. Sau đó hắn ghen. Hắn giận Lim lắm. Hắn cho rằng Lim tàn nhẫn dễ thay đổi, Lim không còn là người con gái trong trắng như hồi là người tình hắn trong ngõ hẹp.

Hắn nhớ mang máng, có xách búa đến nhà Lim. Và lén vào buồng tắm.

— . . . về bây giờ còn phải tắm cho anh ấy . . .

Báo hàng ngày có đăng tin như thế này: « . . . theo bản cáo trạng thì hung thủ có vật lộn với nạn nhân và có lẽ hắn đã bị nàng đập mảnh gỗ đập phuy nước vào gáy lúc hắn cầm búa bỏ xuống. Đầu nạn nhân vỡ còn gáy hắn sưng to. Hung thủ bị bắt khi chưa tỉnh . . . »

Lộ không hiểu gì nữa, hắn điên lên. Lim chết rồi ! Chết chả ra làm sao cả. Hắn uống say mềm cho quên hết những điều vô lý đó. Nhớ gì bây giờ, thắc mắc gì bây giờ trong khi hắn không biết suy tưởng và không còn người yêu. Hắn ăn, hắn uống, hắn ngủ, hắn chơi bời như một con heo. Hắn là một tử thi cựa quậy. Hắn là một xác chết chưa thối.

Hy cũng không còn tình yêu. Anh cũng chả hiểu gì nên anh cũng chả buồn suy tư nữa. Trong tù, anh gục đầu xuống ngực ngủ rưng rức không biết rằng những mùa xuân bên ngoài qua đi, qua đi.

Trong này hay ngoài ấy thì có hơn gì người đã chết.

THAO TRƯỜNG

MÙA XUÂN CĂN GÁC ĐẦY NGƯỜI

VƯƠNG TÂN

ĐỨNG trước vũng nước mênh mông Nghĩa cau mày bực tức. Đêm hôm qua nước đã vào nhà chàng mang đi mất mấy đôi guốc, ai ngờ chiều nay nước lại ngăn đường chàng về nhà như thế này! Chiều thứ bảy phải đi làm, ngồi trong căn phòng ngọt ngào đến tức thở với những sổ sách kế toán, Nghĩa cau kinh vô cùng. Nghĩ đến những chiều thứ bảy cùng lũ bạn lang thang trên đại lộ đầy áo màu, ngợp mùi nước hoa, chàng chỉ muốn thôi việc. Nhưng rồi Nghĩa đã dẫn được sự tức giận, chàng rùng mình nghĩ lại những ngày không có sở làm phải đi vay tiền bạn bè rồi vào thư viện hoặc ra sở thú ngồi cho hết ngày để đóng kịch với gia đình như vẫn đi làm như thường, tất cả thật buồn chán.

Một chiếc xe đạp vút qua, nước bắn tung lên, Nghĩa cúi đầu nhìn xuống chiếc quần trắng lấm tẩm nước bắn, chàng phẫn nộ đầy ngực.

— Ê . . .

Gã con trai đi xe đạp thấy Nghĩa gọi quay đầu lại mỉm cười, rồi đạp xe nhanh thêm. Trời buổi chiều đứng gió, oi bức ngọt ngào và nắng vẫn chưa hết gắt. Sự bực tức tràn đầy, Nghĩa văng tục một câu rồi lùi lại bước lên thêm một căn nhà ven lộ, cúi xuống vén quần cởi giày, bỗng chàng cảm thấy thèm muốn một chiếc xe đạp. Cởi giày xong, Nghĩa nhổ nước bọt tỏ ý khinh bỉ ước muốn tầm thường của mình.

— Thầy này kỳ quá, làm dơ hết «trơn» hè nhà tôi.

Nghĩa im lặng và ném một cái nhìn hằn học về phía người đàn bà. Rồi tiếng nói the thé của người đàn bà khiến chàng buột mồm nói một câu tục tĩu, không chủ ý. Người đàn bà càng to tiếng và ở trong nhà đi ra một gã đàn ông mặt đỏ như tôm diu. Nghĩa biết mình vô lý, một tay sách giấy một tay vén quần lội nước đi về nhà thật nhanh. Nghe to tiếng ở đầu ngõ, mẹ Nghĩa và cô em gái chàng ở trong nhà chạy thốc ra. Khi nhận thấy vợ chồng người đầu xóm chửi người thân của mình, mẹ và em Nghĩa trả lời chống đối ngay. Nghĩa cúi đầu bước vào nhà, chèo lên gác. Căn gác mái tôn, trần lá gồi nóng như một lò lửa nhưng Nghĩa không có một cảm giác nào và chàng nằm ườn ra chiếc chiếu rải trên mặt sàn, chỗ chàng vẫn ngủ ban đêm. Tiếng cãi nhau ở đầu ngõ thêm gay gắt. Nghĩa nằm bất động trên sàn gác, chàng nghĩ tới những trận chửi lộn và đập nhau thường xuyên trong hẻm này.

Nhà Hai thợ nề hay có chuyện xô sát vào khoảng mười giờ tối,

giờ mà đài phát thanh thường có hát tuồng, thiên hạ đổ xô ra chiếc máy phóng thanh của phòng Thông tin đầu ngõ, nên ít ai để ý đến sự lộn sộn trong gia đình hắn. Hắn uống rượu say rồi đánh vợ, vì vợ hắn mang tiền đi đánh bài cào, ăn nem nướng và quên mua đồ ăn nấu cơm cho hắn ăn.

Ngày nào cũng thế, Hai thợ nề đánh vợ chán rồi ra tiệm ăn cơm và làm lười trở về đi ngủ để sáng hôm sau lại đi mần. Đến trưa hắn mang tiền về cho vợ, tối lại tái diễn tấn bi kịch hôm trước.

Nhà Tư xe buýt trái lại cãi nhau đánh nhau rất khuya. Thường thường cứ mười hai rưỡi, một giờ vợ Tư xe buýt đi bán vịt lộn trở về là gây sự với chồng. Câu truyện thường xoay quanh những người con gái. Nếu chồng mà lên tiếng thì mụ đả liên, mụ vừa đánh vừa kêu làng nước; giờ này khuya quá nên hàng xóm láng giềng cũng im lặng và không can thiệp. Vụ đánh lộn diễn ra khoảng mười lăm phút rồi chấm dứt.

Trong giấc ngủ nặng nề và mệt nhọc Nghĩa thấy mình chèo lên cầu, — chiếc cầu vòng cao vút — chàng đứng tựa vào thành cầu và nhìn xuống công viên cạnh bờ sông sát chân cầu. Công viên lúo ắng vào buổi chiều đầy gió mát và bóng dâm, những hàng ghế đá hồn nhiên, những cặp tình nhân âu yếm tươi vui và giòng sông thì đầy nước. Nghĩa mỉm cười, chàng vừa thoáng thấy cô gái hàng xóm bé nhỏ hằng ngày vẫn mặc đồ bà ba trắng đi học, khởi hành một lúc với chàng và đi cùng đường một quãng dài theo dọc bờ sông, khi vào tới thành phố mỗi người một ngã. Cô gái đang nhớn như đùa nghịch với lũ em bên một bãi cỏ, bộ bà ba trắng trông thật mát mắt. Tâm hồn Nghĩa lâng lâng, mặt sông trải rộng, trời xanh hiền dịu và con đường vắng vẻ, tất cả lồng lộng một vẻ đẹp mộc mạc. Nghĩa cúi đầu, chàng ao ước có được một người vợ như cô gái mặc đồ bà ba trắng, ý nghĩ đó làm Nghĩa mỉm cười.

Một chiếc ô-tô ngừng lại ở ngã tư lúc có đèn đỏ báo hiệu. Nghĩa qua đường chậm rãi, chàng đi giữa hai vạch sơn trắng. Không khí buổi sáng chủ nhật ồn ào, trời nắng to và đứng gió, những thân hình mềm mại ẩn trong những lớp áo màu, những dáng đi thướt tha, tất cả làm ngợp mắt. Gã bạn Nghĩa, mặt vuông đầu hớt cao, bước lên tới vỉa hè nhìn mặt:

— Chúng mình vô lý thật, đi chơi chẳng có mục đích gì hết mà mỗi cả chân.

— Không làm như vậy thì làm sao tiêu hết được những ngày tháng trống rỗng này... À mà có người thấy mùi gì không? Mùi Chanel,

mùi Nuits d'orient thơm quá đi thôi.

— Lại nhớ người yêu hân ?

Thành cười to và mắt tròn tròn:

— Tao ngán tui con gái quá, chúng thật tầm thường và nhỏ mọn !

Thành nghĩ tới khu nghĩa trang Bắc-việt. Những buổi đẹp trời Thành và Hảo đi sóng đôi trên con đường rêu phong nằm dưới rừng thông cao vút, chung quanh cỏ úa diu hiu. Gió thổi mạnh tà áo vàng của Hảo cuốn lấy người Thành. Bỗng nhiên Thành hỏi :

— Tại sao Hảo lại yêu anh ?

Hảo cười, hàm răng trắng bóng phớt giữa đôi môi mọng đỏ :

— Hảo yêu anh, vì tui bạn Hảo dẫu nào cũng có «bồ», Hảo không có ai nên yêu anh !

Thành nhíu mày, gần đấy có tiếng động cơ ầm ầm nổi lên, một đoàn phi cơ vừa cất cánh và tiếng máy gào lên xé không gian.

— À Vân cho rơi Tâm rồi đi lấy chàng Thống thật lạ...

— Em thấy Vân như thế có lẽ hay, lấy Tâm thì tầm thường cuộc đời mình đi chứ ích gì.

Nghĩa và Thành đang đi đứng sững lại, bờ sông ở trước mặt. Giòng sông đầy nước và gió hiu hiu mát. Mấy chiếc thuyền chài lượn đi lượn lại, đôi ba cái xuồng máy ngược xuôi làm sóng vỗ vào bờ ròn rập. Nắng trong như thủy tinh.

— Tao có cái vé số tìm đâu được tờ báo bây giờ ?

Nghĩa vẫn cứ cái vô lý, tự nhiên nói một câu cộc lốc như vậy rồi im.

— Lại hàng bán số số.

— Trúng số một cái cũng hay đấy nhỉ.

Buột mồm nói rồi, Nghĩa mới thấy câu nói của mình thật ngu si. Cuộc đời cứ cái điệu trông chờ, cậy mong này thì chẳng mấy chốc mà chàng sẽ bị đập vùi sinh thời...

Hai người lặng lẽ trở về phố Tự do và thân thể mỗi rã rời. Những ngày cuối năm nghĩ việc thật buồn. Đi qua một tiệm giải khát quen thuộc, Nghĩa bỗng thấy nhớ không khí âm nhạc và đàn bà cùng những chiếc bàn «tin» ngộ nghĩnh. Nhìn vào tiệm nước Nghĩa bắt gặp cô gái chiêu đãi mỉm cười—người con gái có một hồi chàng say mê. Nghĩa cúi đầu lặng lẽ đi bên bạn. Hè phố chan hòa nắng và cỏ Nghĩa se lại, Thành cũng không hơn.

— Vào thăm Monique mày.

— Ừ thì đi.

Hai người ghé vào tiệm sách của thành phố và liếc qua mấy tờ báo mới. Cô gái bán hàng người Âu thật dễ thương. Xem qua vài cuốn sách mới tới bằng đường hàng không, những con chữ xinh xắn ngoạn mục, chiếc bìa trình bày trang nhã và mùi giấy sếp thơm phưng phức.

Tối hôm chủ nhật, Nghĩa và Thành cùng mấy gã bạn đi chơi đến mười hai giờ đêm. Chiếc số trúng năm trăm đã được bán lại lấy bốn trăm rưỡi. Món tiền nhỏ mọn đó biến thành một bữa cơm Tây linh đình.

Nghĩa trèo lên chiếc cầu — chiếc cầu vòng cao vút hàng ngày chàng vẫn đi qua — rượu đã ngấm vào mạch máu, Nghĩa choáng váng bước từng bước dài trên bậc tầng cấp. Mùi nước hoa và mùi đất ẩm xông lên nồng nặc, Nghĩa khó chịu hin hin mũi hắt hơi một hồi dài.

Tới mặt cầu Nghĩa thở mạnh. Trăng hạ huyền đỏ cạch, trời mờ mờ sương, ánh điện lẩn vào ánh trăng huyền ảo, giòng sông nước rút hai bên bờ tro bùn đen xăm.

— Đời cứ thế này kể cũng hay.

Nghe Thành nói Nghĩa mới chợt nhớ ra mình còn có một người bạn đi bên cạnh. Ngại về phải gọi cửa phiên phúc Thành đã theo Nghĩa về ngủ nhà. Những đêm như thế Nghĩa thấy mình hoàn toàn sung sướng. Chiếc cầu hoang vắng, hai người đứng tì vào thành cầu im lặng, giòng sông đen kịt và sâu thăm thẳm đang chảy xoáy chân cầu.

— Tao chán quá rồi, mày còn nhớ đêm xưa không ?

— Im mày, đêm đẹp như thế mày nói làm gì chuyện quá khứ ấy cho thêm buồn.

Thành nghĩ đến những đêm lần mò trong vùng đai trắng:

— Mày định cho tương lai những gì ?

— Không có gì hết !

Nghĩa thường nghĩ đến tương lai bằng tất cả đau khổ của đời người, nhưng hiện tại còn trống rỗng thì làm sao giải quyết được tương lai cơ chứ. Thành nhớ lại buổi trưa hôm trước, Thành chở Phong bằng một chiếc xe đạp trên con đường đầy nắng, Thành ngồi đạp và Phong ngồi đằng sau đến nhà một gã bạn để thảo luận về tương lai. Căn nhà một tầng nằm giữa đám nhà đồng hạng trong khu nhà rẻ tiền là nơi chàng thường gặp gỡ thảo luận. Đề tài hôm ấy mà Thành với các bạn thảo luận là cái chết của một thằng bạn. Phúc vì bệnh lao, bệnh lao do nhà tù và gái điếm reo vào người Phúc. Cả bọn ngồi xếp bằng trên manh chiếu và mâm thịt chó. Mở đầu cuộc thảo luận mọi người đi tìm trách nhiệm về cái chết của Phúc. Tất cả đồng ý đổ tội cho lịch sử và những bạo hành của nó. Riêng Thành cho Phúc có một phần trách nhiệm và bạn bè đáng lên án. Câu chuyện căng thẳng, cuộc tranh luận thành cãi lộn rồi suýt hóa ra đánh lộn. Cuối cùng bữa thịt chó không rượu chấm dứt và mọi người đồng ý trách nhiệm về tất cả.

Phong vẫn ngồi đằng sau xe đạp Thành, chiếc xe đạp đi chậm như một chiếc tàu lặn đường rồi ịch leo lên giốc cầu Kiệu. Thành thở hồng hộc và xoắn mãi chân ra đạp xe, mắt chàng hoa lên, cảnh vật nhờ nhờ một màu trắng.

— Thế nào, về chứ mày?

Nghĩa lè nhè hỏi Thành rồi vạch quần đi tiểu xuống bờ sông. Ánh trăng hạ huyền thêm bí mật, sương xuống nặng hạt, sao nhấp nháy sáng, ngoài cửa sông mặt nước long lanh huyền ảo, xa xa những bóng cây chập chờn bên bờ kia.

— Ừ thôi, ta về kènh một cái có lẽ hay.

— Những lúc tỉnh rượu tàn canh này tao nhớ thằng Nguyễn quá đi thôi...

Hai cái bóng lêu đêu quàng vai nhau đi trên cầu, gót giày gõ xuống mặt đường tạo nên những âm thanh ròn rã nghe nhưc óc. Không gian nín câm, những chiếc thuyền dưới sông đèn tắt ngấm, những giầy nhà trên bộ tối om, một vài con chuột đi ăn đêm chạy lằng quằng trên mặt đường. Hai bóng cúi đầu đi...

— Tức bỏ mẹ đi ấy, im lặng là cái quái gì?

— Mày còn dám hành động không?

— Sợ gì? Tương lai kia là ở tay chúng mình.



Đêm giao thừa căn gác mái tôn nhà Nghĩa đầy người. Hơn một chục người bạn của Nghĩa đi chơi tất niên trở về nhà chấy phải đến tá túc nhà Nghĩa. Sàn gác được trải thêm chiếu và mọi người nằm lăn ra ngủ.

Phong và Thành thao thức, Nghĩa nằm yên suy nghĩ, bóng tối đầy căn phòng. Mấy cô gái điếm sát vách thì thầm chuyện trò, giọng họ trong và ấm. Phong lắng tai nghe, câu chuyện bên kia vách như từ một thế giới nào vẳng tới. Phong nghĩ tới Ngà, cô bạn gái ngày xưa mà chàng thầm yêu. Ngà đã sống quá độ, nàng dám đổi xác thịt lấy những tờ giấy bạc, đến khi gặp lại chàng nghe chàng ngỏ lời cầu hôn và Ngà tự tử chết để giữ trong lòng trọn vẹn tình yêu của chàng.

— Chúng mình cứ thế này thì ngày một vắng đi mày nhỉ?

— Bệnh tật nó tĩa phải biết ghê lắm.

— Sang năm mày định thế nào?

— Có lẽ tao đi Lào.

— Tao lấy chồng.

— Thôi can «bồ», nghe mấy thằng ấy làm sao được.

Phong cười trong bóng tối và vỗ vai Thành:

— Ngủ nhanh thế mày... nghe các đào nói chuyện hay quá!

— Chúng mình khổ vì đàn bà... Đào ấy ghen đến đốt nhà vợ lẽ của chồng khiến mình bị cháy thành vạ lây, thật oan ức quá.

Thành hình dung lại cảnh hỗn loạn của một đám cháy đạo nào, lửa ngút lên liếm từng mái nhà, người nhốn nháo gọi nhau ới ới, kêu

khóc như di. Thành bật cười nghĩ tới căn nhà của mình trong đám cháy lúc tối, căn nhà thân nhiên ngang tàng chờ ngọn lửa đến thiêu hủy.

Nghĩa ngủ thiếp đi, 'câu chuyện chàng chứng kiến buổi chiều trên đại lộ hãy còn ám ảnh. Cô gái áo bà ba trắng đã đổi lột, chiếc áo màu rực rỡ và phấn son lờ loẹt đã làm cô gái hồn nhiên xấu đi rất nhiều.

Đám cháy bốc lửa từ đầu ngõ tràn vào, tràn mãi vào, từng căn nhà bị lửa kéo sụp đổ, một màu đỏ khủng khiếp tô sẫm nền trời đen tối. Chân tay Nghĩa như cứng lại, chàng cố vùng, vùng mãi lên nhưng có một cái gì rất nặng kéo chàng xuống và đè nặng lên người chàng. Cô gái áo bà ba trắng mắt to và tròn đang đứng giữa đám cháy, lửa như có người tưới thêm dầu, bốc cao, không khí ngột thở tấp tể, thán khí bay mù.

Nghĩa thu hết sức đề co chân chạy, đằng trước mặt chàng con lạch nước rút đặc bùn hôi hám. Nghĩa phóng mắt xuống giòng nước chảy, những cây gỗ cọc nhà bên kia sông đứng chờ vờ thật buồn nản, dưới gầm các nhà sàn những con chuột thân nhiên kiếm ăn. Lửa đuổi Nghĩa và con lạch tàn nhẫn thì nằm im. Nghĩa đi vào chiếc cầu tiêu công cộng trên bờ lạch, đằng sau chàng lửa vẫn đuổi.

Nghĩa tỉnh giấc ác mộng lúc ánh đèn điện trong đường hẻm đã ngả sang màu đỏ kịch, người chàng ướt đầm mồ hôi và ớn ớn lạnh. Nghĩa đảo mắt quanh căn gác, các bạn bè chàng đều yên ngủ, mặt người nào cũng rất thân nhiên, căn gác đông người có vẻ ấm cúng lạ. Ở dưới nhà có tiếng động lịch kịch, Nghĩa nghĩ đến giấc ngủ đầy chàng vẫn định dành cho buổi sáng hôm nay. Chung quanh chàng hoàn toàn tĩnh mịch, tiếng trẻ nhỏ, tiếng rao quả đều êm ả. Hình ảnh bát phở sớm mai đến xâm chiếm trí óc chàng.

Không khí buổi sáng lạnh sương, đèn điện còn ngái ngủ như gọi lại trong Nghĩa hương vị của bát phở đầu tiên trên một ngã phố vắng nào đó của thủ đô miền Bắc. Một vài tiếng pháo nổ rời rạc cắt đứt ý nghĩ của Nghĩa, thoảng trong không khí có mùi khói hương thơm ngát.

VƯƠNG TÂN

THƠ CHO HELENA OKAVITCH

He-le-na chưa nghe anh nói quê hương
 Những sáng mùa đông mưa dầm gió thổi
 Nghe trong da đau sót từng cơn
 Người làm sao đã sống trọn đời buồn
 Anh chưa nói khoảng đồng cỏ cháy
 Đường khô cằn thảng hạ trăng khuya
 Nghe tiếng văng của đời anh dĩ vãng
 Khoảng đất làm sao từ những mảnh ve chai cũ
 Những rác rưởi ống bơ bãi cỏ
 Làm thế nào thành phố mọc lên
 Làm thế nào khoang đất ấy buộc chân
 Và hồn anh mỗi lần anh ruồng bỏ
 Em làm sao mà hiểu
 Một sáng kia anh tỉnh dậy tỉnh cờ
 Nghe bèn tai một tiếng chân đi
 Tiếng xe điện lên đường ngoài lộ
 Em không biết tại sao anh đau khổ
 Như thịt da to nhỏ tiếng đồng bào
 Và làm sao trong những giấc chiêm bao
 Anh chỉ thấy những nhà hoang lối tối
 Những mặt buồn rười rượi già nua
 Trong mê sảng còn nghe tiếng nói
 Những giọng này chầm chậm vào tim
 He-ne-la gọi Pra-gơ không khóc
 Bởi vì sao nào biết bởi vì sao
 Thành phố ngủ đêm dài hấp hối
 Ngựa nhọc nhằn từ đó mà đi
 Chừng em cho hẳn sự tỉnh cờ
 Lòng cảm động ngực tim hồi hộp
 Ô quê hương từ nghĩa địa tha ma
 Sao réo gọi hồn tôi không hết
 Người còn sống đây hay đã khuất
 Tôi nhìn mặt này đã gặp hay chưa

Nghe tiếng nói bỗng tay vồn vã
 Mắt vui mừng môi đợi ngạc nhiên
 He-le-na em có biết không
 Giọng ca đó anh viết ra khi trước
 Anh vừa nghe ai hát bên kia
 Hồn rung động anh nào nói được

VÀ CUNG TIẾN

Nhạc của hồn ta phải không
 Hay của những đêm
 xa gia đình nhớ điên cuồng
 Mỗi một bóng cây là
 tiếng thì thầm bạn hữu
 Nhạc của hồn ta hay nơi đây
 của đêm sao đầy mắt
 Đầy linh hồn
 Ôi đêm tĩnh dậy nghe
 trong khuya yên lặng nên
 giọng lời nghe từng tiếng
 Em nào có biết đâu
 Mỗi giọng nhạc của anh hay của bạn anh
 Đều nói những ngày mai chưa đến
 Em nào tin sự êm đềm
 và đau khổ ngày qua
 Như chẳng tin đời ta
 Có hai kẻ dọa đầy
 Bằng lên tiếng thay cho người khác

HÀ NỘI

Em cười vui thật không
 Nghi mắt kia gian dối
 Sẽ buồn mai biết đâu

Trong mi đầy tiếng lệ
 Em cười vui thật không
 Cho hôn trán ngày thơ
 Hẳn thấy sự buồn này
 In hẳn lên trán đó
 Hai mươi năm than ôi
 Khóc đời tôi tuổi trẻ
 Hay em đi muôn năm
 Không trở về Hà Nội
 Em cười vui thật không

MỘT ĐÊM Ở SYDNEY

Người thủy thủ già qua đây
 Năm tù đêm giáng sinh với tôi
 Những giờ đêm tăm tối
 Khuya không ai ghé thăm
 Như bờ biển xa không đôi mắt nào
 Có rất nhiều tâm sự
 Xin Thượng đế nhìn tôi cùng rượu đỏ
 Ngày phán xét bao giờ
 Tôi sẽ ngủ với em hay sẽ quên
 Nhưng đừng hôn tôi như thế
 Tưởng vì tôi phiêu lưu không xót thương
 Hay tôi chỉ thương em
 Vì đã nằm trên vai tôi nức nở

PHẠM NGUYỄN VŨ

Sydney 12-58

ĐỐI THOẠI

Gửi Th

nhân vật

Sáng khuya đô thị hai giờ
 Những mở tóc yêu tinh xòa ngổ hém
 Những bước chân giầy rộn rã

Rộn rã trong tim
 căng thẳng. Và những điểm lập lờ thuốc lá
 Rồi rộn rã. Rồi câm im
 Rồi những thì thầm nháy nhưa
 Nhưng trên kia là giải ngân hà như lụa

đôi mắt

Và chúng nó làm đầy khối không gian nhỏ
 Bằng đủ loại hơi hữu cơ
 Cười phì hơi dạ dày tròn mồm
 Ngây đại diện cuồng bệnh hoạn là
 những cặp mắt sờ
 da thịt em tàn nhẫn
 Ngạo nghễ như thiên thần
 Em thuộc về anh em không thuộc
 về chúng nó
 Em đoán — bằng và qua đôi mắt
 Bằng sự vắng mặt của anh
 Rằng có thể người ấy vừa nhắm mắt
 Hoặc có thể đang nằm bệnh viện hoặc
 có thể có thể chẳng có gì
 Nhưng một sự thật em chắc chắn
 là em muốn cắn anh vì sự
 anh thờ ơ

nhân vật

Đôi mắt dụ ăn-xâu-vào-trái-tim
 theo đuôi chập chờn như một sợ hãi
 Những cửa sổ đen ngòm thì thầm
 Kể lể những sa đọa thường xuyên
 Chứng kiến ở mỗi
 sáng khuya đô thị hai giờ
 Cột đèn nghiêm trang sao không nói
 Cây reo lãnh đạm sao không nói
 Và cầu dài câm bóng nhà cao đồ

im lìm và vườn hoa và ghế dài và
 thêm nhà và
 Tại sao không nói. Xin
 cúi đầu van lạy đừng ruồng bỏ
 Bởi biết rằng sáng mai khi mặt trời
 về các người sẽ
 thân yêu và tha thứ

đôi mắt

Em thề em không thuộc về chúng nó
 Thương hại những mớ tóc vàng
 mềm óng bông bênh gió biển là những
 thủy thủ Noël lần đầu bến lạ
 Và môi ngạc nhiên nhạo báng vô tư
 Bởi những sợi tóc giả những cánh tay giả
 Quàng xiết bằng một đam mê lạnh
 Những con mắt bốc hơi những bụng tròn
 Không thở những thuốc lá quên hút
 những toan tính nhày
 nhựa và vãi bàn trắng rượu đỏ lênh láng những
 — Chắc hẳn nhà đang lung linh
 Mẹ và các em đang cầu kinh
 Thân thể em biết phút này thôi không huyền
 diệu nữa phải không anh
 Nhưng còn anh em biết em
 sẽ cần anh vì sự anh thờ ơ

nhân vật

Cửa sổ đen ngòm cười mai mỉa
 Đường âm tiếng giày khô
 Nhạo báng
 Và trên kia là giải ngân hà như lụa
 Sao rơi vào mắt vào tâm hồn như mưa
 Phổ rộng. Cây vắng mặt. Cột đèn bỏ quên
 Hai điểm sáng long lanh tinh nghịch cầu xin

làm nhói trái tim
Trên cầu bóng loạng choạng
một thủy thủ già trên môi vừa chết đi
khúc ca chiến thắng của bản năng
Không không trăm lần không
Và sương này mưa lò cửa sổ
Gối trắng mờ sáng — đêm — chờ đợi thân yêu
Bàn ghế hòm tử sách vở chạy xô êm dềm thăm hỏi
Và những trang vàng
Và tận cùng một quyển sách là
điểm mong manh một chân lý

XII-58, Sydney
THẠCH CHƯƠNG

RƯỢU, CHƯA ĐỦ

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

VỀ đến đầu ngõ thì tôi chia tay Thùy, anh ta lặng lẽ cúi đầu rồi vượt sang bên kia đại lộ, tôi quay trở vào lối ngõ. Ngọn điện trước dãy nhà thấp vàng lay động và ánh sáng thay đổi trên những vũng nước đọng đầy trên lối đi. Tôi về hơi trễ. Vào nhà, tôi tháo bỏ đôi giày ở chân cầu thang rồi lần lên gác. Hùng đang ngồi đọc một trang sách, tôi thừa biết đó là cuốn sách gì. Hai đứa làm thình như sự có mặt của nhau không cần thiết.

Tôi ngồi vào bàn châm hai điếu thuốc với tay đưa cho Hùng một điếu, những vệt khói mỏng bay trườn ra ngoài khuôn cửa nhỏ. Tôi lắng giọng hỏi Hùng :

— Sao hôm nay cậu không đi đưa đám Thành? Mình biết cậu nghỉ học ở nhà.

— Đi đưa à, có ích gì không? Chúng mày vẽ vờ lắm. Sống còn chả thể cho nhau lấy một bữa cơm hay nửa ổ bánh mì, đến khi chết còn nói chuyện đưa với rước, giả dối thì cũng phải vừa vừa thôi chứ. Tao, mày hay đưa nào đấy rồi cũng sẽ như thằng Thành, mày biết thế chứ?

Tôi không biết nói làm sao nữa. Chúng tôi đang sống với nhau những ngày chờ công việc. Hoặc mai hoặc kia, bất cứ lúc nào chúng tôi cũng muốn và có thể rời nhau để sống. Nhiều bữa nhìn đối nhìn nhau, nhưng chúng tôi im lặng và cho sự than van không xứng đáng, và lại chúng tôi cũng không biết than van cùng ai. Hùng bỏ cuốn sách rồi lên ghế nằm, nó nằm soay mặt vào vách, tôi chỉ trông thấy khoảng lưng hơi cong.

Tôi không muốn ngồi một mình nên tắt đèn rồi định lên giường nằm; khi ngoái cổ ra khỏi cửa sổ lúc quay vào tôi thấy bóng mình in trên vách. Bóng tối lù lù soay lưng lại lớn và choáng đầy một khoảng bỏ trống. Cũng đã nhiều đêm như thế rồi, tôi muốn đạp chân lên, muốn chửi lớn và đập tan cái bóng tối soay lưng lại ấy. Có phải cuộc đời cam điếc soay lưng lại với tôi như thế không? Rồi tôi chập chờn trong một giấc mơ hãi hùng: mẹ tôi bị bắn chết, cha tôi bị cầm tù và anh em, họ hàng thất tán mỗi người một nơi tìm kiếm không thấy. Tôi la hét và gập bầy sư tử. Lúc bấy giờ tôi không còn la hét được nữa. Con sư tử nhỏ nhất há miệng tôi áng chừng rộng độ hai gang tay. Lông nó màu vàng sẫm bết bùn, không có tai và chồm lên. Con thứ hai lại há miệng rộng chừng hai gang rưỡi, lông trắng đuôi cụt, nó cũng chồm lên. Con thứ ba há miệng rộng chừng ba gang tay, mắt mù, chồm lên. Con thứ tư không có chân lao lên

thật nhanh, thật nhanh. Cứ như thế, như thế hàng ngàn cái miệng lớn mãi lên, nhiều mãi ra. Những con mắt, những móng nhọn chồm lên nối tiếp như vũ bão, tàn ác. Tôi đếm mãi cho đến khi không thể đếm được nữa, rồi lịm dần lịm dần mà những con sư tử há miệng vẫn chồm lên. Đến nay, hơn hai mươi tuổi đầu tôi sống như vậy.

Tôi trở thức, còn đôi ba ngôi sao cuối mà những ồn ào của lối xóm, cái ồn ào sủa đuổi những vì sao đêm lặng lẽ cúi đầu. Tôi nhớ lại lời chị tôi : khi ngủ thì ruỗi chân để nếu giấc mơ tàn ác đến có thể chạy được. Nhưng đã từ lâu những giấc ngủ lạnh buồn, lằm lũi trong số kiếp vẫn đến. Tôi nằm chưa bao giờ ruỗi chân, thân hình co quắp trong những lần thức dậy làm tôi đau đớn. Bởi tôi ngủ co như vậy nên không bao giờ chạy thoát những con sư tử há miệng cứ chồm lên mãi chẳng? Thật tội nghiệp cho những ngôi sao bé mọn yà lằm lũi kia để cho ban ngày đến phải chạy chốn, chạy chốn đến khi nào tự cho mình là thân phận muộn măn và trôi nổi. Tôi muốn van xin sự vắng mặt nhưng chính tôi thường vắng mặt. Những trang sách cứ qua mãi cho đến khi đôi mắt nhú lại, cho khi đến bầu dầu voi đi, cũng như những chặng đường, ngắn dần, lụi dần và cuộc đời lớn dần già dần, rồi tan dần đi. Tôi nghĩ đến những người đang ồn ào trong xóm. Những lúc tranh đua kiếm miếng có khi nào nghĩ đến cái thân phận làm người của họ không? Hôm nay họ xanh trẻ, thời gian sau họ già nua. Con cái họ lớn lên và già theo cùng những vui buồn, sinh tử, sợ hãi, chán ghét... rồi họ chết đi nhưng xóm nhỏ thì đông thêm, đông thêm mãi cho đến khi nào những người còn sống quên dần những người đã chết.

Cuộc sống ngày nay mất đi những tham dự của sức mạnh siêu hình mà người trước tin cần để sống. Nhưng có lẽ thái độ can đảm liều lĩnh ấy khiến cho chúng tôi đau đớn hơn. Chúng tôi không thể đổ lỗi cho ai được khi chúng tôi tự cho mình là Thượng đế.

Lúc tối bỏ khuôn cửa sổ lên giường, chưa ngủ được tôi thao thức nhìn lên đỉnh màn : những ánh sáng đan lên từng vệt nhằng nhịt như những mắt lưới, mà trong mắt lưới ấy tôi gần như khô cứng và mệt mỏi. Sự mệt mỏi ly bì làm mất cảm giác ghê lạnh từ gáy và tôi lại vào một giấc ngủ mệt mề hơn nữa.

Mấy hôm sau tôi nhận được một chân kèm trẻ tại nhà một người đàn bà ở xóm Rạch. Người đó cho tôi ở một căn gác nhỏ bằng bốn chiếc chiếu. Nơi ấy nguyên là phòng học của hai đứa con gái bà ta : đứa lớn 11 tuổi, đứa nhỏ 9 tuổi. Chồng bà là người Ấn đã qua đời được hơn một năm. Hồi chồng bà còn sống, những đứa nhỏ này theo học một trường tiểu học Pháp. Nhưng bây giờ bà muốn cho chúng theo học trường Việt. Bà bảo :

— Không nói dẫu gì cậu, bà cụ thân sinh ra tôi chỉ có một mình tôi thôi. Mấy đứa cháu phải được gây dựng cho cẩn thận, cụ tôi

muốn thế.

Tôi bắt đầu những buổi học vào ban sáng.

Căn nhà đó nằm sát ngay bên một phố nhỏ toàn là người Ấn cư ngụ. Nhà có một tầng nhưng chủ nhân đã cho cất về phía sau một căn gác xép nhỏ. Giữa những mái ngói đen sạm và vòm cây cao của khu nhà yên tĩnh căn gác nhỏ vượt lên bé bỏng yên phận. Tôi kê chiếc bàn học cho hai đứa nhỏ về cửa sổ phía đông. Chúng tôi thường bắt đầu bài học vào lúc mặt trời lên độ con sào. Căn gác thật giản dị, tường trắng trơn. Chiếc giường vải của tôi kê sát tường và gối đầu bằng một gói sách, chiếc va-ly nhỏ để trên đầu giường. Ba chiếc ghế con ôm lấy ba mặt bàn bỏ trống. Những tường vôi vàng xăm đã cũ kỹ lắm. Trên những ô cửa sổ đã có rêu và vài thứ cây dại nhỏ mọc bám vào. Chúng tôi làm việc bình thường. Tôi ít đi ra ngoài. Rồi sau nghe lời khuyên của bà chủ — bà thường lên thăm tôi vào lúc sắp đi ngủ — tôi yêu cầu bà đánh thức tôi để tôi đi dạo ngoài công viên. Những người Ấn thường cầu nguyện từ buổi tối cho tới khuya. Buổi sáng người đưa sữa tươi đạp xe đến sớm, đều đặn như một cái đồng hồ. Anh ta bao giờ cũng bấm chuông khoảng năm giờ làm tôi thức giấc và bà chủ cũng dậy khi đó. Tôi mặc áo cánh rồi trở ra công viên. Những ngọn điện đường đã tắt hết. Có ít người lác đác trên phố vắng.

Công viên còn vắng lặng, tôi đi trên những con đường giải đá cuội phủ ít nhiều lá khô mới rụng. Tôi tiến về phía những bệ gạch lớn trơ trẽn giữa bồn hoa màu tím. Những hàng cây xanh được cắt gọn gàng. Trong một khoảng vườn hình bầu dục có một giàn hoa giấy màu đỏ thắm, hoa rụng rơi bời. Một hố cát, nơi những trẻ nhỏ đến đây làm bánh, xây nhà. Tôi đi dạo một vòng công viên, những cánh hoa cuối mùa nắng gầy và khô khan tô điểm cho bộ mặt công viên.

Có hai người phu mặc áo đen đặt những nhát chổi đầu tiên khua buồn trên lối sỏi. Tiếng kêu khô nhỏ và âm thầm. Bụi bay quẩn lên rồi lắng xuống. Người phu ngừng tay ngáp nhiều lần. Tôi nhớ về một câu chuyện thần thoại cũ. Tôi trở về khu vườn bầu dục, chọn tấm ghế đá gần nơi có hố cát. Tôi đọc trang sách bỏ dở của Hương :

« — Bà có thai ?

— Bây giờ anh còn hỏi tôi như thế ! Tôi là bà, tôi đã 40 tuổi. Còn anh ? Anh 20 và cái thai ba tháng của hai người. Tôi không muốn nó là con hoang như tôi. Anh phải cưới tôi. Cưới tôi ngay bây giờ trước khi đứa trẻ ra đời.

— Không thể được...

— Anh hỏi hạn đã ăn ở với một con dĩ thập thành 40 tuổi đầu sao ? Nhưng hỏi trước anh có yêu tôi không ? Không yêu sao...

— Tôi van bà...

— Còn tôi. Anh cứ khinh tôi đi. Cuộc đời cho tôi làm dĩ, bắt tôi làm dĩ, dù tôi có muốn trong sạch. Các người gây ra những các người khéo dẫu bàn tay dơ bẩn của mình. Anh hối hận...

— Tôi van bà...

— Anh cần vào một thánh đường phải không? Anh cần một đấng cao cả, như Thượng đế chẳng hạn. Nhưng dù là Thượng đế cũng không bao giờ có thể làm được gì trong những vấn đề thuộc về con người cả. Anh phải cưới tôi. Đứa nhỏ ba tháng rồi. Nó sẽ mang họ anh. Anh họ Nguyễn, họ Trần, hay họ Đinh? Anh chạy chốn được sao? Anh không thể đi đâu được dù để nôn mửa.

— Anh có ý kiến!

— Không. Tôi không có ý kiến gì cả. Tôi muốn hỏi anh con người ngày nay đòi hỏi những cái gì trước nhất? Anh đừng vẽ ra một giọng sông một ranh giới làm gì? Anh bảo tôi đứng ở bờ này hay bờ kia ư? Không thể như thế được.

Đừng nghĩ rằng đã chết, đang chết, hay sẽ chết mà tôi muốn hỏi anh: chúng ta bắt đầu ở chỗ nào? Chỉ có chúng mình mới có trách nhiệm về chúng mình, còn ngoài ra là thừa.

Dù chết bằng cách nào thì cũng hèn và một thái độ chưa đủ...

Tôi nghe thấy một hồi còi xe lửa rúc ở phía xa trong thành phố. Người phụ già đã nghỉ tay quét đang ngồi ăn bánh mì. Tôi gấp cuốn sách của Hương lại.

Tôi nghĩ đến bạn bè mà thấy rỗng không. Hương nằm ở bệnh viện. Thu đi làm đêm cho một giàn nhạc. Hoài sửa bài nhà in. Toàn kèm trẻ. Hoành bỏ đi buôn ở biên giới. Vịnh chạy hàng xách và Thành mới chết hôm nào.... Chúng tôi bám lấy cuộc sống bằng những sợi giây mỏng manh nhất. Và tôi vẫn thường thầm hỏi: giữa một tình trạng như thế này sao mình không bỏ đi? Người yêu đã rời xa. Bà di ghẻ tôi đã khuyên tôi lập gia đình. Chị tôi tưng quẩn trong vòng bệnh hoạn và em tôi thì đã được gửi vào nhà tế bần; năm nay nó 13, học lớp nhì. Tôi không làm gì được cả. Tôi nhiều lần định vào nhà thờ nhưng lần lửa mãi chưa đi rửa tội. Công viên sáng hơn, có ít đứa trẻ ngoại quốc đánh đu ở phía bên kia. Tôi nhìn thấy những cụm tóc vàng óng rung lên.

Bất chợt tôi nhìn lại, nơi hố cát. Có đứa nhỏ đang giồng cây chuối thẳng đứng. Đứa nhỏ mặc một cái quần cộc đen, áo cánh sọc xanh, nó hát nhỏ và trợn cả mắt, hai má phồng lớn giữ hơi, áo dốc ngược phoir ra cái bụng lép và cái rốn đen sâu. Gót chân sầy xám những dầu mỡ bần thiêu. Nó lộn nhào luôn mấy cái. Nó hát nhưng tôi không nghe rõ. Rồi

nó ngồi xuống lấy tay bốc cát và đào nhiều hố, đắp nhiều mô nhỏ. Bấy giờ nó mới chú ý đến sự có mặt của tôi. Nó thấy tôi chăm chú nhìn nó, nó cười thật dễ dãi.

— Để tôi cùng đào sông với em ?

— Tôi không đào sông đào núi gì đâu. Tôi làm cái trại như ba tôi hồi xưa. Trước kia nhà tôi như thế đấy. Để tôi chỉ cho ông hay ; chỗ này ao đình có sen, ba tôi giồng nhãn ở bờ. Bên này là vườn cau và giàn trầu. Cau trầu cho những đám cưới ông biết chứ ? Chỗ này cầu ao, có lần tôi ngã gần chết. Ông không biết làm đâu.

— Sao lại không ?

— Hay là ông làm nhà của ông đi cho tôi xem với nào ?

Tôi lúng túng. Tôi nào có biết nhà mình ở quê ra làm sao ! Cha tôi bỏ đi Tân thế giới làm cao-su từ năm tôi mới bốn tuổi. Tôi chả biết gì về quê hương cả. Tôi không thể nói dối mình được.

Có nhiều người tạo ra những ràng buộc với mình để sống; như ràng buộc với Thượng đế, với quê hương, với bồ phận, với tình yêu và máu mủ nhưng tôi thì mất đi gần hết những thứ ấy, dù có muốn tạo ra cũng không sao có được. Đứa nhỏ còn biết nhà của nó, nơi nó đã sinh ra và sống những ngày thơ ấu. Tôi chỉ nhớ một căn buồng nằm trong một dãy nhà âm thấp nơi đồn điền cao-su. Những người cai tàn ác. Cơm hôi và ánh đuốc trong rừng cho những giòng mủ trắng. Tôi sống lên như thế và mất đi những ràng buộc cuộc đời, mất đi như những giọt cát ướt chảy khỏi những kẽ tay mỗi lần vớt lên ở biển .

— Ừ mà tôi không biết làm thật chú bé ạ !

Tôi trở ra về. Công viên buổi sáng ồn thêm một chút. Những cánh hoa tím rụng trên lối đi không còn nữa.

Về đến nhà tôi bắt đầu ngay buổi học. Những người Ấn đã mang vải đi chợ từ sớm. Tôi ngửi thấy mùi nhang của người bán nhang đi qua cửa.

Tôi gặp Hoài báo tin Toàn định cưới vợ và Long đã vào lính.

— Muốn trong sạch thì chỉ nên biết một người con gái mà thôi.

Tôi thêm :

— Hay không biết người nào lại càng hay.

Hoài đưa thuốc cho tôi hút. Bàn tay Hoài cháy khói, đôi môi nhợt và khô se.

— Mình định đi xa.

— Ừ đi đâu thì đi.

— Lẽ dĩ nhiên thuộc về mình.

— Khi nào thôi nghĩ đến nhau lại càng hay nữa. Ở đâu mà chả

vậy. Có chạy đằng trời con ạ. Thân mới chả phận. . .

Buổi chiều rung rung. Chúng tôi đi với nhau một lúc lâu và nhắc đến những người bạn vắng mặt. Có tiếng hát nhỏ ở ngoài khuôn cửa «que sera. . . sera». . . . điệu nhạc cho tôi những ý nghĩ buồn. Tôi nhìn lên bầu trời, bóng tối nhá nhem trên những ngọn cây.



Tôi trở ra công viên như thường lệ thì đứa nhỏ đã đến hố cát. Nó lại giồng cây chuối, lộn nhào rồi hỏi :

— Sao ông không đắp nhà ?

— Tôi không biết đắp em ạ !

— Ông không ngạo tôi chứ? Hôm qua tôi còn quên ngồi ở gốc cây bàng nơi tôi thường ngồi câu buổi trưa nhìn chuyến tàu về quê ngoại thủ lăm, giá mà tôi cưới vợ rồi...

— Cưới vợ ? Em còn bé mà đã cưới vợ sao !

— Có chứ. Ông tôi bảo : vợ tôi như chuyến xe lửa về quê ngoại ấy. Tôi tiếc rằng chưa cưới vợ. Để bao giờ cưới tôi sẽ cưới vợ to và dài hơn nữa. Như thế tôi sẽ cho được nhiều người về quê ngoại tôi chơi,

Tôi khẽ cười về một ý nghĩ ngộ nghĩnh.

— Ở quê ngoại tôi mùa nào thứ ấy. Nhãn, ổi, hồng... thôi đủ thứ. Ông có quê ngoại không, chắc quê ngoại ông đẹp lắm nhỉ?

Đứa nhỏ lộn nhào nữa. Cát bay mù. Tôi dụi mắt như muốn khóc. Mẹ tôi chết sớm nên không ai cho tôi biết quê ngoại ra sao. «Vợ là một chuyến xe lửa về quê ngoại», là những niềm thân yêu tha thiết với quê hương. Và nếu như thế chắc đứa nhỏ sẽ còn đòi cưới nhiều vợ cho nó để được về quê ngoại luôn. Đứa nhỏ đắp lại nhà. Tôi giúp nó giồng thêm một giàn hoa tím, và xây một con đường bằng đá trắng để khi tôi về thăm được sạch sẽ, mùa mưa không sợ lầy lội. Tôi định sẽ đào thêm một cái giếng và đứa nhỏ muốn dựng một cái quán nước.

Mặt trời lên cao. Tôi bỏ ra về.

Buổi chiều tôi tới thăm chị tôi. Đứa cháu nhỏ yếu đã hơn một tuần lễ nay. Nó xanh và gầy. Nó không nhận ra tôi. Nó không cho tôi bế khóc thét lên. Tôi ăn cơm dưới ngọn đèn dầu rồi ra về khi trên trời sao mọc đã đặc. Tôi hút thuốc liên tiếp cho đến khi tới nhà. Tôi thức khuya dù không làm được gì.

Sáng hôm sau tôi dậy muộn, công viên ồn ào hơn mọi khi.

— Sao bữa nay ông tới chậm ?

— À tại tôi ngủ trưa, em đã làm thêm được gì rồi ?

— Chưa. Tôi cũng mới tới. Em tôi đau phải đi nhà thương thí. Chắc ông không có em, ông có con chưa ?

Thấy nó hỏi ra vẻ người lớn tôi gằn bặt buồn cười vì đau đớn :

— Tôi có một người em trai, nó 13 tuổi, hiện ở nhà tế bần. Tôi không có vợ thì làm sao có con, và cũng không ai lấy tôi cả.

Đứa nhỏ há miệng lớn. Nó có cả một hàm răng sún. Đôi mắt nai tơ mở rộng ngạc nhiên. Tôi ngồi kể chuyện « cô gái quàng khăn đỏ và con chó sói » cho đứa nhỏ nghe. Nó quên xây nhà. Đứa bé ra về sớm. Nó ngắt theo một cụm hoa giấy và giải thích :

— Người ta cấm đấy. Nhưng lúc em tôi đi nhà thương tôi dỗ nó đừng khóc khi về tôi sẽ cho nó một ít hoa. Chút nữa tôi quên nó khóc thật tội nghiệp.

Tôi cũng ngắt theo một cành. Tôi muốn đến ngay nhà tế bần nhưng giờ này lại đóng cửa. Tôi bần thần trở về, những bông hoa héo rũ tôi ngắt ra và ép vào một trang nhật ký. Xưa. Tôi đọc — « Tôi mong người đến nhưng chắc không bao giờ người đến nữa. Và anh hỏi : với những ý nghĩ nào chúng mình tìm đến với nhau — rồi từ đây em bỏ đi. Như thế anh còn mất thêm những gì ? Hai tay vẫn còn trắng, với hai bàn tay chết đuối ấy còn bám được vào đâu ? Những bộ cánh của tuổi thơ và tình yêu dài quá đã bay đi cả rồi, không bao giờ anh níu lại được nữa. Anh khóc nhiều rồi, bây giờ thì không khóc được đâu. Quyên ơi . . . »

Tôi sống bình thường. Đôi lần tôi bắt gặp một người đàn ông có mặt vào những buổi tối là những đêm mà bà chủ đi ngủ sớm và dậy muộn.

Tôi được thư của Lâm từ nhà lao gửi ra. Nó nhận đã làm một việc đồi bại, nó cưỡng hiếp một đứa nhỏ 12 tuổi. Nó viết một lá thư dài. Nó biện bạch đủ cách để cứu vớt một phần những tội lỗi mà nó gây ra. Nó còn dám bảo rằng chẳng qua những tội lỗi ấy là do hoàn cảnh thúc đẩy con người mắc phải và nó lên án cái xã hội thời hậu chiến. Nó tố cáo đủ cách. Như thế là nó muốn bênh vực nó. Nó gần mãn hạn tù và không biết khi trở ra sẽ sống bằng cách nào. Tôi viết thư bảo Lâm nếu cần thì tìm đến tôi, dù đời sống của tôi cũng không hơn gì nó.

Tôi ra công viên như thường lệ. Đứa nhỏ hôm nay không còn chơi xây nhà nữa. Nó mang theo một con dao cùn, một cái ống bơ lớn đầy nước và một cái hộp con dùng đựng một thứ thuốc ho. Đứa nhỏ đi tìm tổ dế. Nó nói với tôi :

— Ông có biết chơi dế không ?

— Thuở bé tôi có chơi. Thành phố làm gì có dế. Ở nhà quê mới nhiều.

— Đúng thế, ở đây người ta đem dế bán hàng giở lớn. Dế mà có người mua mới chết chứ. Mấy chú lỏi ở thành phố biết gì. Chúng nó mua hàng chục con mà lấy toàn dế cái thì đá cái gì. Chúng nó chọn to

xác mà. Sao không mua kí có phải được nhiều không. Phải kiếm những chú để được. Loại «mèn tổ» phải kiếm ở bãi tha ma mới có, chứ cái thứ non oet thì đá cái thôi gì? Máy con lớn khỏe nó vừa ra oai đã vác giáo quy hàng. Muốn nó hăng phải ráy cho các chú nóng tiết mới thật thú. Chúng nó thiệt ngu. Ráy đứt cả đầu còn đá sao được nữa. Ở đây có để hang cũng khá, tôi vừa kiếm được một con. Nó gan ghê, đồ nước mãi mới chịu lên. Chú ấy cứ gáy hoài. Thằng em tôi thích lắm nhá. Ở đây mà mùa mưa có lẽ nhiều ông ạ.

Đứa nhỏ mang tất cả những hiểu biết của nó về để nói cho tôi nghe. Thủa trước cũng có lần tôi chơi để nhưng đại hơn đứa nhỏ này nhiều. Người lớn có nhiều chuyện đáng làm quên cả những trò chơi trẻ nhỏ, người ta mãi soa tay trên bàn mặt chược, hoặc theo nước ngựa đua... Mai kia những đứa trẻ lại mất đi những con để của tuổi thơ, tuổi thơ của cả một con người hiền hòa, trong sạch đáng sống.

Đứa nhỏ chăm chú bên mép cỏ bồn hoa, cạnh bậc gạch. Nó nhặt cho tôi mấy sác ve sầu nơi những gốc cây. Nó hỏi :

— Cày cạy lột sác thành ve sầu. Nhưng ve sầu sẽ lột sác thành gì? Chắc ông người lớn thì biết?

— Nó không thành gì cả.

— Thế à. Mẹ tôi bảo rắn biết lột và không bao giờ chết già. Thế mà người lại không biết lột. Hay tại người ta có tay?

— Cũng không hiểu. Nhưng giá như các em thì có thể lột được. Mà sao rắn cắn chết người kia mà. Lành như trâu bò lại không biết lột nhỉ?

— Không biết rắn thế nào, chứ tội trâu bò cũng tội lắm!

— Sao em biết?

— Bà tôi bảo : xưa kia trâu cái cũng có yếm như bò cái. Hai loài ở với nhau hiền lành. Nhưng có lần bò cái tham muốn có nhiều yếm mới sui bò đực ăn cắp yếm của trâu cái để khi rách có yếm mặc. Bò đực nghe vợ, nhân buổi trâu bò đi tắm chung, giữa lúc đang lội dưới nước bò đực hò nhau chạy lên mặc yếm của trâu cái mang về cho vợ. Không ngờ dính luôn không gỡ ra được hóa bò đực có yếm mà trâu cái lại không. Hai bên trâu bò sinh ra ghét ghen mà húc nhau, ruồi muỗi ở giữa chết. Rồi từ đấy muỗi mới hút máu trả thù. Loài vật có khác, chúng nó ngu ghê ông nhỉ! Người ta khôn hơn nhiều lại làm thịt chúng mà ăn.

— Thế là người ta lại ác hơn vì khôn.

— Loài vật cũng khôn. Đây ông rá mà xem : những con kiến bò dạt làm tổ che cao về phía nào thì mưa bão sẽ đến từ phía ấy. Rồi ông xem.

Công viên nắng bằng bạc, mây đen về nhiều, thời gian trôi thật mau. Bây giờ mùa nắng sắp tàn và sắp xa thêm những kỷ niệm. Dù có khuất xa đi nhưng nhờ những kỷ niệm để nắng tin rằng mình đã sống.

Đúng như đứa nhỏ nói, tiếp theo đó là những ngày mưa gió mở mùa.

Trong thời gian này tôi mới hay bà chủ nhà chữa hoang. Tôi nhớ đến người đàn ông có mặt ở đây vào những buổi tối mấy tháng trước. Tôi ái ngại cho bà.

Tôi đến tìm Thùy, Thùy bỏ đi xa. Hùng thì mới nhận một chân thủy thủ. Tôi tìm Hoài ở bến xe, Hoài cho biết Hương rời bệnh viện và không hiểu đi đâu. Tôi nhắc với Hoài những kỷ niệm về bạn bè. Hoài gắt lên :

— Hiện tại sống còn chưa đủ sao mà cứ nhét đầy kỷ niệm làm gì.

— Vì nó rỗng quá, trống quá. Ít ra tao cũng còn có kỷ niệm.

— Tao cần một số tiền thật lớn.

— Tiền không đủ. Tao cần một đời sống. Chỉ một đời sống thôi.

— Tao không có đời sống. Tao bệnh tật cần phải có tiền để làm lấy đời sống.

— Nhưng tiền không thể làm được đời sống. Như thằng Thành đấy, rồi cũng chết đi.

Chúng tôi đến Huỳnh. Đứa em giai Huỳnh cầm súng nhựa, dao gỗ nó khoe :

— Súng để bắn và dao để giết người phải không anh ?

Tôi trợn mắt quát lớn :

— Ai bảo thế hử ? Ai bảo mày thế hử ?... câm đi.

Tôi cốc cho nó một cái mạnh, đứa nhỏ sợ và đau ngã xuống bậc cửa chảy máu cam. Tôi vội lấy tay giữ lấy mũi nó, máu chảy lênh láng. Nó khóc mãi, tôi bực tức bỏ ra ngoài. Dưới ánh đèn đường tôi thấy bàn tay vấy máu.

Tôi về ngủ với Hoài một đêm. Đến sáng tôi tìm về công viên quen thuộc. Trời mưa mau. Hồ cát đầy nước. Tôi nhớ đứa trẻ và những căn nhà xây trên cát. Tôi ngồi trên ghế đá cho đến lúc ướt run lên mới trở về nhà.

Hai đứa học trò của tôi ngồi khóc ngay ở ngưỡng cửa. Mẹ chúng chết đêm qua vì uống thuốc phá thai. Tôi thấy ghen ngào. Tôi tìm cuốn sách của Hương : *«Không, không thể làm gì hơn được nữa đâu. Tôi chết đi để xã hội khỏi thêm một đứa con hoang nữa. Tôi cầu cho các người trong sạch. Nhưng đừng van xin sự trong sạch của ai ban cho. Con người ở cõi đời này còn bao nhiêu trong sạch mà thừa...»*

Tôi dơ bàn tay lên để nhìn những vết máu khô. Tôi có bàn tay của một kẻ giết người. Tôi nghĩ đến những tờ lương điện trên đường đến nghĩa trang của một đám tang gặp buổi chiều.

Tôi đến tìm chị tôi. Xóm nhà lá bị cháy từ hôm nào đã trở thành lầy lội. Tôi ngơ ngác trở gót.

Tôi đến nhà Quyên. Bác Hàm — cha Quyên — hỏi tôi :

— Sao độ này cháu không đến Chi ?

Tôi muốn khóc và trách Bác, đáng ra bác đừng hỏi tôi như thế. Nhưng tôi chỉ biết nín thinh, có lẽ bác không biết rằng Quyên không còn yêu tôi nữa. Thu tiến ra, tôi bắt tay :

— Anh vẫn mạnh.

— Chắc thế. Sao cậu không đến Chi. Cậu quên những ràng buộc giữa cậu, Quyên và mình rồi sao ?

Đã lâu lắm tôi mới được nghe tiếng « mình ».

— Tôi không quên đâu. Thì chính bây giờ tôi đang đứng đây. Anh cứ nhìn thẳng vào mắt tôi và nói nữa đi.

Tôi cầm tay Thu như cầm tay một người thân sắp từ biệt. Tôi muốn nói một câu thân thiết nhất nhưng không biết nói sao :

— Có lẽ đêm nay trời lạnh. Anh...

Tôi ôm lấy cổ Thu và muốn khóc như một đứa trẻ khóc trong lòng mẹ. Khóc để thấy mình trẻ dại hơn.

Tôi bỏ ra đường không lời chào hỏi. Tôi đi thật mau đến lĩnh đứa em ra khỏi nhà tế bần. Tôi nhắc với đứa em về ngày mẹ mất, cha bỏ đi làm đồn điền cao-su. Ngày tôi về sống với dì ghẻ. Tôi cầm chặt lấy tay nó :

— Chúng mình phải sống với nhau, không thể xa nhau được nữa.

Em tôi rơm rớm nước mắt, giữ chặt lấy tay tôi :

— Em không muốn vào nhà tế bần nữa đâu.

Đêm hôm ấy hai anh em tôi ôm nhau mà ngủ, mưa bão bên ngoài. Tôi mê trong giấc ngủ : vẫn những con sư tử chồm lên nhưng kịp đứa em thấy tôi kêu ú ớ thì đánh thức dậy. Tôi nhớ đứa bé ở công viên. Tôi ghen ngào không biết làm sao. Lại đến mùa mưa rồi, bao giờ thì vào xuân.

Tôi bỗng bảo đứa em :

— Mẹ chết mười năm rồi !

Nước mắt chạy quanh, chúng tôi nhìn nhau thương mến.

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

TƯƠNG TƯ

Tôi đã gặp em từ bao giờ
 Kể từ nguyệt bạch xuống đêm khuya
 Kể từ gió thổi trong vừng tóc
 Hay lúc thu về cánh nhạn kia ?

Có phải em mang trên áo bay
 Hai phần gió thổi, một phần mây
 Hay là em gói mây trong áo
 Rồi thả cho làn áo trắng bay ?

Có phải mùa xuân sắp sửa về
 Hay là gió lạnh lúc đêm khuya
 Hay là em chọn sai màu áo
 Để nắng thu vàng giữa lối đi

Có phải rằng tôi chưa được quen
 Làm sao buổi sáng đợi chờ em ?
 Hay từng hơi thở là âm nhạc
 Đàn xuống cung trầm, mắt nhớ thương

Buổi tối tôi ngồi nghe sao khuya
 Đi về bằng những ngón chân thưa
 Và nghe em ghé về giấc mộng
 Vành nón nghiêng buồn trong gió đưa

Tôi không biết rằng lạ hay quen
 Chỉ biết em mang theo nghề thường
 Cho nên cặp mắt mờ hư ảo
 Cả bốn chân trời chỉ có em

MỜI

Tôi trân trọng mời em dự chuyến tàu tình ái. Trong một phút, một giây cuộc hành trình sẽ mở. Tôi mời em. Trân trọng mời em cùng đi, cùng khai mạc cuộc đời.

Tôi mời em vứt bỏ lại đằng sau những kinh thành buồn bã với phong tục, thói lễ, bạc vàng giả dối: muốn làm người yêu thì phải đỗ Tú Tài.

Tôi mời em đi ngay. Không cần lấy vé. Không phải đợi chờ vì điều kiện du hành là những ngón tay lồng vào nhau và tâm hồn đừng đơn chiếc.

Còn nếu cần thì tôi sẽ làm người bán vé. Nhưng tôi sẽ không quên làm người đồng hành duy nhất để đưa em đi. Và tôi sẽ lái người lái tàu để không ai được dự phần vào câu chuyện đôi ta.

Vé có thể là những lá thư xanh. Tàu là gian nhà rất nhỏ. Nhưng mỗi ga chắc chắn sẽ là những chiếc hôn nồng cháy cuộc đời.

Tôi mời em đi ngay. Em có thể đến đây với đôi giày gót cao để tôi tưởng mình em vóc hạc. Nhưng nếu em vội vã thì em cứ đi chân không. Tôi sẽ bọc mười đầu ngón chân với tất cả linh hồn say đắm yêu em.

Em có thể tô môi son rất đỏ như khi đi dự một dạ yến tung bừng. Em có thể để phấn hồng trên má, trên áo màu những vòng kim tuyến kết hoa đăng.

Nhưng nếu vội vàng mà em để vành môi tái nhợt, mớ tóc bù tung. Thì có hại gì đâu em? Cuộc hành trình sẽ khởi vào đêm khuya. Tôi không nhìn thấy má hồng non vì còn mãi mê với tất cả em tràn đầy trong đáy mắt.

Tôi cũng đi rất vội vàng. Hành lý chỉ mang theo một vòng tay để ôm em, đôi mắt say sưa để thì thầm nói chuyện và đôi môi để kết hoa đám cưới trên vùng trán dịu hiền.

Em đến ngay đi.

Để tất cả gò má em ấp trên bàn tay tôi xóa hết những đường chỉ tay gian khổ.

Em đến ngay đi.

Em đến ngay cho cuộc hành trình được mở. Gió được nổi lên từ mớ tóc phiêu bồng, thuyền dong thả từ đường môi óng ả. Và ngực căng buồm, mắt trông tìm vội vã:

Tôi đi vào kiêu diễm của thân em.

NGUYỄN SA

XUÂN

bình hoa vàng nhỏ nhỏ
bàn tay sâu trong lòng
mắt nhung thâm lệ hỏi
mùa đương về rưng rưng

MỘT MÌNH

một vì sao run trên không
một ngón tay rớm máu
chiếc lá cây ngơ ngác trên cành
anh yêu em cánh chim bé nhỏ
cuộc đời mệnh mông

GIẢN ĐƠN

khi mà những mặt trời xanh rụng xuống
trang sách tâm hồn bay lên
khi mà những ngọn roi vút đau hạnh phúc
khi mà những ngón tay mùa xuân
trần truồng bí mật
trong khu vườn hoang đêm thâu
khi mà con sông ngành vai anh quẩn quại
khi mà hiền dịu lên vút xanh trời
anh trở về yêu em vĩnh viễn
từ giấc ngủ cuồng vọng xa vời
từ đêm dài mùa đông lạnh biển
anh ngó vào trái tim đang cười
vời đóa hoa đá trắng
cùng em đi vào biên giới những vì sao.

DUY THANH

NHỮNG NGÀY THÁNG MỚI

MAI THẢO

THẾ giới của Ngần : cái quầy hàng một thước vuông, những cuốn sổ chi thu, cuốn sổ «bông» chịu, cái dấu trả tiền, những chữ số đỏ và chung quanh, tiếng hát tiếng nhạc tiếng la hét của bọn say rượu. Ngần giữ «két» cho tiệm nhẩy này đã ba tháng. Sau một trận sốt rét thương hàn kịch liệt và những ngày sống khó khăn cô độc ở khách sạn Ngần đã phải mang cái tuổi 19 xuống đường và đôi tay nhỏ yếu đi tìm việc làm. Người cha đi ở tù, người anh độc nhất ra Phan Thiết làm cho một xưởng làm nước mắm ngoài đó; căn nhà sang đi lấy tiền trả nợ vừa vụn hết và Ngần phải đi ở khách sạn. Chỉ mấy ngày người ta đã làm Ngần với mấy người gái làm tiền ở từng lầu ba của khách sạn này. Ngần đóng cửa nằm trong buồng, chỉ hé mở hai bậu mỗi ngày để nhận cái cà-mèn com ăn xong rồi ngủ, cầu kinh và khóc trước cái thánh giá nhỏ treo trên đầu giường. Có những bàn tay đến gõ vào thành cửa luôn luôn, Ngần không biết ai vào ai. Nàng lo sợ nằm trong buồng không dám trả lời cho đến khi tiếng cười khả ố và những tiếng giày đã đi thật xa mới dám động dậy.

Ngần tiêu hết mấy ngàn đồng cuối cùng đến khi một người bạn gái giới thiệu việc thu ngân ở tiệm nhẩy, Ngần ngại sợ nhưng lại phải hấp tấp nhận lời ngay sợ người khác lấy mất. Buổi tối Ngần đi làm từ mười giờ đến lúc đóng cửa tiệm cộng sổ trao tiền lại cho chủ thì vừa ngót nghét hai giờ sáng. Ra khỏi tiệm Ngần về thẳng khách sạn trên chiếc xe xích-lô thuê tháng. Phố khuya lạnh, xe đi qua nhiều chỗ vắng người, những hàng cây bóng tối um tùm nhưng người phu xe là một ông cụ già nên Ngần cũng được yên tâm ngồi ngả người vào thành xe nhắm mắt lại nghĩ ngợi. Ngần yêu những phút ấy. Ở tiệm nhẩy Ngần tránh không quen ai, từ chối không cho ai biết chỗ ở, cả những người có vẻ lịch sự và tỏ vẻ quý mến Ngần thành thực. Trong số những bộ mặt tử tế có Hòa, Hòa chơi đàn vĩ cầm ở giàn nhạc cả thấy sáu người. Từ giàn nhạc Hòa thường nhìn xuống quầy hàng mỉm cười với Ngần và đôi khi giữa hai bản nhạc Hòa bỏ đàn xuống đứng, tay vào quầy nói chuyện, trêu ghẹo «cho cô Ngần đỡ buồn ngủ», khen Ngần viết chữ đẹp như chữ bộ trưởng, hỏi Ngần thích bản nhạc nào để chàng bảo lũ bạn chơi riêng cho nàng nghe. Ngần giữ gìn cảm tình chỉ cảm ơn và từ chối. Nhưng trong lòng, với Hòa, đã nhen lên những cảm giác ấm. Hòa có một tâm sự buồn, nó thể hiện rõ rệt trong đôi mắt những lúc chàng cúi xuống mặt đàn như tìm đọc tâm hồn qua những nốt nhạc xuất lên tự đó. Ngần thấy Hòa khác

mọi người. Một buổi tối Ngần hỏi :

— Nhiều nghề làm xấu người phải không anh Hòa ?

Và Hòa mỉm cười trả lời : chỉ có người làm xấu nghề mà thôi. Chàng tỳ tay vào thành quầy nói tiếp :

— Không khí ở đây không xấu, chỉ có những người xấu đến thử cái không khí đó. Giới âm nhạc của tôi cũng có nhiều người làm xấu nghề nhưng có điều phần lớn những người đi làm đêm đều gần nhau, thương yêu và tha thứ cho nhau trong cái không khí chung của ban đêm. Và có lẽ tại còn vì người ta nghĩ trước đến lúc trở về nhà qua những phố khuya một mình.

Ngần thấy Hòa có một vẻ riêng tư, chàng không có lối đã thành nghề và mỗi lần bỏ đàn đứng giậy hát, bóng dáng cao gầy có một vẻ tri thức, điều khiến Ngần một lần đã kể cho Hòa nghe về cảnh ngộ mình. Tiệm khiêu vũ đêm đó vắng khách. Mấy chiếc tàu chiến đỗ ngoài bến Bạch Đằng đã nhô neo mang theo bọn thủy thủ trẻ măng, những người khách ồn ào và điên cuồng nhất tiệm nhảy. Bên ngoài trời đổ mưa lớn lại vào ngày cuối tháng, tiệm trở về với không khí quen thuộc riêng của những người làm với nhau. Hòa tựa vào quầy hàng, tay cầm ly rượu uống dở, cả khuôn mặt bao bọc trong khói thuốc lá. Chàng nhìn nàng chăm chú :

— Đẹp.

— Anh nói sao ?

— Tôi nói cái áo nâu chấm trắng cô đang mặc. Đẹp lắm. Mua ở đâu thế ?

Ngần nhìn áo cười :

— Ở chợ ? Có hai mươi tư đồng một thước. Em nghèo lắm.

Hòa lắc đầu :

— Cố nhiên. Không nghèo cô phải đi làm ở đây sao. Nhưng lối ăn mặc, lối nhìn mọi người, lối viết của cô khiến tôi đoán trước cô phải sống trong một gia đình giàu có. Phải có lý do nào cô mới đi làm đêm ở đây.

Chàng nói có vẻ qua chuyện và không chủ tâm muốn biết. Nhưng Ngần đã kể hết. Từ thửa nhỏ Ngần vẫn ở Đà Lạt với một bà cô họ. Cha nàng gửi nàng lên trên đó đi học, ông bận công việc buôn bán, đi lại luôn không có thì giờ săn sóc đến con gái. Năm ngoái, công việc buôn bán bỗng trở nên khó khăn với những thua lỗ dồn dập, Ngần chỉ biết mang máng như vậy qua một vài lần cha lên thăm, ông đưa con gái đi ăn tiệm ngồi nhìn con ăn với một vẻ phiền muộn thoáng trong đáy mắt. Ít lâu sau ông bị truy tố về tội bội tín. Điều đình với bọn chủ nợ không xong, việc ra tòa ông bị kết án tù và tịch thu gia sản. Người cha vào tù, Ngần thấy mình khôn lớn hẳn. Nàng lập tức xin phép bà cô xuống Sài Gòn đến ở nhờ một người bạn gái, hàng tuần mua thức ăn đưa vào cho cha trong khám. Anh Ngần bắt buộc phải bỏ học. Thành phố trước

mặt hai anh em bơ vơ hiện ra bộ mặt hung dữ, cuộc sống phút chốc ập đến với cái tàn nhẫn của một cuộc sinh hoạt tuân theo luật rừng chỉ biết có cạnh tranh và sức mạnh. Sau hôm đưa tiễn anh ra tìm sống ở Phan Thiết, Ngần đi lang thang trong thành phố đến chiều tối. Về tới nhà bạn nàng ngỏ ý muốn đi ở chỗ khác.

Chị bạn ngạc nhiên:

— Ngần định đi đâu?

— Em thấy báo đăng có một khách sạn mới mở, tiền thuê mỗi tháng chừng hơn một ngàn đồng. Em đến xem thấy cũng ở được. Chị để em đi nhé. Em muốn ở một mình và tìm một việc làm.

Người bạn giữ Ngần lại nhưng không đậm đà lắm. Sáng hôm sau Ngần dậy sớm sửa soạn. Một chiếc xe ba-gác chở những đồ đạc xuống khách sạn. Cũng không nhiều nhận gì. Hai cái va-ly, một sổ sách vở còn giữ được sau mấy năm theo học ở Đà Lạt và một ít đồ đạc quần áo của cha và anh mà Ngần không muốn gửi lại ở nhà bạn.

Mất vừa tròn một ngày Ngần mới thu xếp xong căn buồng. Chiều xuống. Khách sạn lên đèn. Ngần mở cửa đứng ngó các người từ các buồng đi ra. Họ xuống phố ăn cơm. Khách sạn chưa có tiệm ăn riêng và mới mở nên còn nhiều phòng bỏ trống cửa đóng kín mít. Lúc mọi người đã bỏ đi hết Ngần vẫn còn đứng ở cửa. Không buồn ngủ và cũng không thấy đói. Người chà-và gác cổng từ dưới nhà đi lên ngó thấy Ngần, bỏ xuống, và một lát sau là người chủ khách sạn. Y chắc bốn mươi tuổi, đầy đà, vẻ người làm ăn hiền lành. Ngần chào lễ phép và tránh cho y vào buồng. Y bước vào giữa phòng đứng ngắm nghía, thử lại mấy chốt khóa cửa sổ đoạn hỏi Ngần:

— Người gác-dan đã giao chìa khóa cho cô chưa?

— Đã.

Y nhìn Ngần từ đầu đến chân:

— Tôi thấy cô đến đây một mình, cô không có gia đình sao?

— Có. Gia đình tôi ở xa.

— Cô cứ yên tâm. Có rất nhiều người tử tế ở khách sạn.

Thấy Ngần lặng thinh không tỏ ý kiến gì người chủ nói tiếp:

— Phần lớn đều là công chức cả. Có một vài người ngoại quốc mới đến, họ ở tạm một vài tháng trong khi chờ đợi có nhà ở. Có mấy người vũ nữ nhưng họ ở cả tầng trên.

Y cười:

— Tôi sẽ không để họ làm chuyện gì quá đáng.

Lúc ra đến cửa, y cúi nhìn ổ khóa, hỏi Ngần có muốn làm thêm một ổ khóa riêng không và Ngần trả lời không cần. Đêm đầu tiên ở khách sạn gây cho Ngần cái cảm giác của những người ở riêng lần đầu, đối diện với cuộc sống mới và đón nhận nó một cách nghiêm trang và thận trọng. Nhưng Ngần không hề cảm thấy lo sợ. Nàng

quay vào đóng cửa phòng, chỉ để một ngọn đèn ngủ ở đầu giường và ra cửa sổ tay nhìn xuống đường. Thành phố chấp chùng những đốm lửa nhấp nháy và những vùng ánh sáng hắt lên sau những vòm cây cao. Mặt đường trước cửa khách sạn rộng và sạch, một vài chiếc xe xích-lô thông thả lướt sát vỉa hè rồi đến lượt những đoàn xe hơi nối đuôi nhau về mạn Phú nhuận. Mặt đường bừng lên những vệt ánh sáng dài. Ở một biệt thự bên kia đường, một cánh cửa vừa mở, một chiếc xe hơi từ từ tiến ra. Trên xe có một người đàn ông và một người đàn bà, Ngần đoán là vợ chồng. Chiếc xe đi khuất, cánh cửa vẫn để mở, khoảng sân sau cổng lát sỏi trắng, màu sỏi nổi bật trên một nền nhà tối om om ở phía sau. Ngần yên lặng nhìn thành phố, mặt đường, cánh cổng, màu sỏi trắng và từ trên cao nhìn xuống, không khí mát mẻ và yên tĩnh của ban đêm như từ những lòng đường đang đi lên chỗ nàng đứng. Ngần vuốt lại một bên mái tóc, bàn tay đỡ lấy cằm, nhắm mắt lại. Như thế thật lâu. Những ý nghĩ về một thành phố về một đời sống hải hùng trong luật rừng Ngần cảm thấy một cách kinh hoàng hôm từ Đà Lạt xuống Sài gòn khi nghe tin cha bị bắt đã mất. Ngần chờ đợi những đổi thay lớn cho ngày tháng sắp tới. Nhưng tự bây giờ đã thấy vững bụng đã thấy yên tâm.



Chọn một góc thật tối trong dãy bàn ghế kê thêm ngoài hành lang, thật xa dàn nhạc vậy mà Đường vẫn thấy khó chịu. Chàng ghét cái không khí ồn ào vô lối, những tiếng cười hét vô nghĩa, những khuôn mặt thỏa thuê một cách ngu ngốc. Bên kia những dãy bàn bên kia sàn nhảy, chàng tìm khuôn mặt Ngần. Nhưng cái quầy hàng đã bị lấp kín. Chỉ có những bờ lưng, bờ vai nhấp nhô và khói thuốc lá bốc lên mờ mịt.

Đường ở Phan Thiết về. Nhận được thư Ngần, trong thư nói đã đi ở khách sạn và đã nhận giữ chân thu ngân cho một tiệm nhảy, Đường thấy cần phải gặp em gái ngay. Xin-phép chủ vừa nghỉ hai ngày, về tới Sài gòn đã muộn lắm. Thuê xe về khách sạn, người chà và nói Ngần đã đi khỏi, Đường lập tức hỏi thăm đến thẳng tiệm nhảy. Gặp anh, Ngần mừng quýnh nhưng đêm nay đông khách Ngần phải thu tiền, đổi tiền, biên sổ không ngơi tay, chỉ kịp nói với anh :

— Anh tìm chỗ ngồi đi, đợi em.

Đường ngồi đợi đã một giờ và nổi bực dọc bắt đầu bằng những điếu thuốc lá hút nửa chừng bị bẻ gãy tàn nhẫn, ngón ngang chunch quanh chân ghế. Từ một ngày nào bị bắt buộc phải bỏ học, cuộc sống bất thình lình trở nên khó khăn, tâm hồn Đường đã nhú lên cái mầm hằn học. Không dành được sự lựa chọn đời sống, những thành kiến đầu tiên làm cho tâm mắt cùng là những quan niệm sống ở Đường cứ thu hẹp lại mãi cho tới lúc chàng chỉ nhìn thấy những khía cạnh xấu, những khoảng tối, những vực thẳm. Công việc ở vừa cá bất đắc dĩ phải nhận

vì miếng ăn, không thích hợp và vất vả làm tăng thêm nỗi chán nản. Chiều chiều ra đứng ngoài bãi biển tĩnh lặng, khoảng xanh rộng đã không đem lại được thư thái cho tâm hồn, tiếng sóng âm ỷ và hoàng hôn thâm màu trên mặt nước tối còn dồn thêm mãi vào đó một tâm trạng u uất, ngày lại ngày đóng kết, tích lũy lại. Đường mang nguyên vẹn tâm trạng đó về Sài Gòn tìm em gái. Chưa cần tìm hiểu cho ra ngọn ngành, chàng đã bất đồng ý với quyết định của em. Ngần không ở khách sạn được. Chàng nhớ tới khuôn mặt lạnh lùng của người cha-và, những người con gái nhỏ nhăng ban nãy chàng gặp ở cầu thang khi đi lên. Ngần không ngồi sau cái quầy hàng kia được, bây giờ chàng nhìn những bờ vai của bọn khách chơi đứng lấp kín mặt quầy. Những bờ vai thú dữ và Ngần là một con chim non lạc đường đôi cánh nhỏ yếu đang rớt gãy trong cái lưới hung dữ đó. Nỗi bức tức còn có vì một tâm trạng hồ thẹn thâm kín. Em gái phải đi làm và Đường thấy như chàng có lỗi một phần đã để em phải đi vào một ngã đường mà chàng đoán thấy đầy cạm bẫy.

Tiệm nhảy vắng người dần dần. Ngần bỏ quầy hàng tươi cười đi sang phía anh, kéo ghế ngồi xuống bên cạnh. Nàng lau mồ hôi trán, vén lại một bên mái tóc, thở ra :

— Một quá. Ban nãy em chưa kịp hỏi, anh về hồi nào?

— Tôi vừa về.

— Thư em anh nhận được không?

— Tôi nhận được nên mới về đây.

Những lúc có điều gì không bằng lòng em gái, Đường nói cộc lốc và xưng tôi. Nhưng Ngần hình như không nhận thấy điều đó. Một người đánh đàn vừa từ dàn nhạc bước xuống trên tay ngắt ngửng một ly rượu. Thấy Ngần đưa tay vẫy người đó lại, Đường nghiêm mặt hỏi :

— Ai đó, cô quen người ta sao?

Ngần tươi cười nhìn Hòa đi tới :

— Anh Hòa đấy chứ ai. Ở đây ai cũng quen nhau hết. Trông anh ấy lúc nào cũng có vẻ say rượu nhưng tử tế lắm.

Hòa đến, Ngần tươi cười giới thiệu hai người với nhau và Đường lạnh lùng bắt tay trong khi Hòa kéo ghế ngồi sát bên cạnh Ngần hết sức tự nhiên. Sự thân mật của em gái với một người đàn ông Đường vội vã thấy như triệu chứng của một hư hỏng. Chàng ngồi im hút thuốc lá và nhìn thẳng cho đến lúc Hòa đứng dậy.

Ngần hỏi đùa Hòa :

— Anh về hay còn đi uống rượu nữa?

— Về thế nào được, tôi còn đi uống cho đến hết đêm.

Nói đoạn Hòa cười lớn quay lại hỏi Đường :

— Anh uống được rượu không?

Và khi thấy Đường nghiêm trang trả lời chưa từng uống một giọt rượu Hòa càng cười lớn hơn :

— Thế thì hồng, thế thì hồng.

Sau khi Hòa bỏ đi tiệm nhẩy cũng vừa hết người. Đường im lặng li theo em gái ra cửa. Một giầy xích-lô đậu ở vỉa hè, mấy người phu xe lang nói cười thân mật với mấy vũ nữ. Một người vũ nữ khác hút thuốc á dưới một gốc cây khiến Đường nghĩ đến những sự hư hỏng lộ liễu. Những bóng cây chạy dài trên mặt phố và Đường đắm chiều cúi đầu đi bên cạnh em cho đến khi về tới khách sạn. Ngần lấy chìa khóa ở người chà-và, đưa anh lên gác. Nàng mở cửa buồng, bật đèn rồi hai anh em cùng ra đứng ở cửa sổ. Trời đầy sao và đêm yên tĩnh chung quanh khách sạn. Ngần nói nhỏ :

— Anh về chơi em mừng quá. Bao giờ anh lại phải ra ngoài ấy ?

— Tôi xin phép được nghỉ hai ngày. Tôi định đưa cô ra ngoài ấy.

Đường hạ giọng nói tiếp :

— Vì cô ở đây không được.

Ngần bình tĩnh nhìn anh :

— Anh muốn em ra thì em ra, nhưng sao anh nói ở đây không được ?

— Vì cái không khí ở đây xấu lắm. Ở khách sạn, làm đêm trong một tiệm nhẩy, cô đang sống trong một không khí xấu.

Không khí xấu lắm. Ngần chợt nhớ đến câu Hòa nói với nàng hôm nào : Không khí ở đây không xấu chỉ có người xấu đến thở không khí đó. Nàng trả lời anh dịu dàng :

— Em biết trước anh không đồng ý em sống thế này đâu, thoát đầu chính em cũng tự không đồng ý nữa. Em thấy em liều lĩnh. Nhưng dần dần rồi thấy nổi lo âu vì mình liều lĩnh hết sức vô lý. Bây giờ em sống được thư thái và yên tâm vì tưởng gặp những cái xấu, trong những chỗ xấu em đã gặp những cái tốt những con người tốt.

Ngần kể cho anh nghe về trường hợp những người vũ nữ mà vì được tiếp xúc với họ luôn luôn nàng đã nhìn thấy qua cái bề ngoài phẩn son và qua một nghề nghiệp bị khinh rẻ cái phần trong sạch của tâm hồn họ vẫn giữ được, về Hòa qua cái bề ngoài bê tha của một gã say vẫn có một thái độ chừng chạc và những cử chỉ nhân đạo, về những người nhạc sĩ thương yêu nhau như ruột thịt. Ngần thấy anh có thể hiểu biết nhiều hơn về mọi sự, nhưng lại không hiểu gì về chỗ đó, về những chiều sâu những sự thực đó. Có lẽ anh nàng đã gặp một người chủ vừa thiếu lương tâm. Có lẽ anh nàng chỉ gặp toàn những người xấu. Hoặc chưa gặp người nào. Hoặc đã, nhưng chỉ nhìn thấy một mặt, cái phía xấu cái bề ngoài. Ngần cảm thấy may mắn hơn anh, vì đã nhìn thấy những cái đẹp, bắt gặp được những nét tin tưởng, những nét nhân đạo. Và thấy cần phải nói ra những điều đó với anh :

— Anh đừng sợ em sa ngã. Cái lúc em cảm thấy sa ngã nhất là lúc em ngờ vực người ngờ vực mình, không biết làm gì hơn là khóc lóc

trước thánh giá, thiếu tin tưởng, không dám quyết định, nhìn cuộc sống một cách kinh hoàng và thấy nó đầy bất hạnh. Anh muốn em ra Phan Thiết, em sẽ bỏ việc, trả buồng khách sạn đi ngay. Ở đâu cũng vẫn thế, chỉ cốt ở mình. Ở đâu em vẫn tin có những cái tốt có những cái đáng tin.

Đường im lặng không trả lời em gái. Chàng nhìn đăm đăm xuống đường cho tới lúc Ngần thu xếp chỗ ngủ. Việc cơ anh đi xa về mệt, Ngần nhất định nhường giường cho anh nằm rồi giải chiếu nằm xuống sàn đá hoa. Một lúc Ngần đã ngủ thật ngon.

Nhưng Đường thì thao thức không sao nhắm mắt được. Ban đêm giúp cho những ý nghĩ sâu chín. Chàng nằm nhìn ra phía cửa sổ dần dần thấy tâm hồn cũng như cánh cửa sổ ấy với nền trời sao ở ngoài, từ nhỏ chật cứ mở rộng cứ vươn cao thêm mãi. Người em gái bé nhỏ ngày nào nhờ có một thái độ đúng đã trưởng thành, cuộc sống đã có những khoảng trời rộng và những vì sao, trong khi sự ngờ vực và những thành kiến cứng nhắc còn đóng khung tâm hồn chàng trong lòng cửa nhỏ hẹp. Thì ra cái sự thực thực nhất của những sự thực vẫn do chính con người tạo ra cho mình. Đặt định nền tảng đời sống, tiếp nhận đời sống hữu hiệu vẫn chỉ là một thái độ tin tưởng. Trong khu rừng ác thú hung dữ vẫn có tiếng chim hót, những nhành hoa nở. Cuộc sống cũng chẳng phải hoàn toàn là một khu rừng hung dữ. Con người cũng chẳng phải là ác thú. Yếu đuối, thiếu tha thiết cho nên nhìn cái gì cũng ghê khiếp cũng hung dữ. Từ trước đến nay Đường thấy mình chồn chạy cảnh ngộ, cho nên cảnh ngộ đè lên vai lên đầu. Đứng đối diện với nó thì nó nhẹ nó thường mà nặng mấy thì cái vai cái đầu đứng đối diện cũng đội được nó.

Đường trở mình tìm một điệu nằm thích hợp để vào giấc ngủ. Những ý nghĩ u uất tan đi trong đêm. Và Đường ngủ sau những ý nghĩ cuối cùng này : chàng sẽ thôi làm vựa cá về sống gần với em gái. Có nhiều điều phải học phải biết ở Ngần. Cuộc sống thành phố khó khăn, cuộc sống ở đâu cũng khó khăn, nhưng mà tin nó, ôm chặt lấy nó và không sợ nó nữa. Cho dầu nó có là một con thú dữ thì cũng là một con thú dữ có thể chế ngự được. Những ngón tay mềm yếu, cái tuổi mười chín của Ngần đã chế ngự được. Cuộc sống vẫn còn nhiều cái tốt, con người vẫn còn nhiều cái tốt để những cái xấu sẽ bị hủy diệt và những con thú dữ sẽ bị chế ngự.

MAI THẢO

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ SÁNG TẠO

TƯ THỰC TRUNG HỌC ĐỆ NHỊ CẤP

TRƯỜNG - SƠN

155^A Tự-Đức — Dakao — Saigon

các lớp đệ Nhị **A. B. C.** và đệ Nhất **A. B. C.**

Hiệu Trưởng : Nguyễn sỹ Tế

Giới thiệu các báo bạn :

ĐẠI HỌC

Tạp chí nghiên cứu của Viện Đại-Học Huế do Nguyễn-văn-Trung chủ trương.

ĐIỆN ẢNH

Tuần báo điện ảnh, kịch trường đề cập tới mọi vấn đề chính yếu và mới lạ của màn bạc, sân khấu Việt-Nam và Quốc tế.

GIÓ MỚI

Bán nguyệt san giáo dục do Nguyễn Sa chủ bút với sự cộng tác thường xuyên của nhiều cây bút quen biết.

HỘP THƯ

TRẢ LỜI CHUNG :

Vì số thư từ và bài vở bạn đọc khắp nơi gửi về cho Giai phẩm mùa xuân quá nhiều, và vì phải sửa soạn gấp rút để Giai phẩm phát hành được kịp ngày, chúng tôi, ngoài ý muốn, bắt buộc phải hoãn việc trả lời riêng bạn đọc trong số này. Từ số sau, phát hành ngày 5-3-1959, chúng tôi lại tiếp tục trả lời riêng các bạn. Những bài có giá trị không kịp đăng vào số xuân, sẽ lần lượt đăng trong những số sắp tới.

TÒA SOẠN

CẢM TẠ :

Trong dịp Nguyên đán, tôi và các tác giả trong ban biên tập có nhận được rất nhiều thiệp của bạn đọc xa gần gửi về chúc mừng năm mới. Không thể trả lời riêng, xin các bạn nhận ở đây lời cảm tạ của chúng tôi.

MAI THẢO